|  |  |
| --- | --- |
| TỈNH ỦY HÀ TĨNH**HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH, THĂNG HẠNG**\* |  **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** |

|  |
| --- |
| **TÀI LIỆU ÔN TẬP MÔN KIẾN THỨC CHUNG** |
| **Kỳ thi nâng ngạch công chức và thăng hạng viên chức trong các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh Hà Tĩnh năm 2023** |

|  |  |
| --- | --- |
|  |  Khái niệm “hệ thống chính trị” lần đầu tiên được Đảng ta sử dụng khi nào? |
| A. Tại Hội nghị Trung ương 6 khóa VI. |
| B. Tại Hội nghị Trung ương 3 khóa VII. |
| C. Tại Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII. |
| D. Tại Hội nghị Trung ương 5 khóa IX. |
|  |  Hệ thống chính trị nước CHXHCN Việt Nam vận hành theo cơ chế nào? |
| A. Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. |
| B. Đảng làm chủ, Nhà nước lãnh đạo, nhân dân quản lý. |
| C. Đảng quản lý, nhà nước lãnh đạo, nhân dân làm chủ. |
| D. Đảng lãnh đạo, Nhà nước làm chủ, nhân dân quản lý. |
|  |  Cơ quan nào là cơ quan chấp hành của Quốc hội, cơ quan hành chính cao nhất của nước CHXHCN Việt Nam? |
| A. Bộ Chính trị. |
| B. Ban Bí thư. |
| C. Chính phủ. |
| D. Quốc hội. |
|  |  Chính phủ không có chức năng nào ? |
| A. Là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. |
| B. Là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất. |
| C. Là cơ quan chấp hành của Quốc hội. |
| D. Quản lý nhà nước theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. |
|  | Xã hội Xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng được xác định trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) là một xã hội như thế nào? |
| A. Dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh. |
| B. Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. |
| C. Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. |
| D. Dân giàu, nước mạnh, công bằng, văn minh. |
|  |  Vị trí pháp lý của Chính phủ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam |
| A. Là cơ quan chấp hành của Nhà nước. |
| B. Là cơ quan chấp hành của Quốc hội. |
| C. Là cơ quan quyền lực của Nhà nước. |
| D. Là cơ quan quyền lực của Quốc hội. |
|  |  Theo Hiến pháp 2013 thì chức năng nào không phải của Chính phủ? |
| A. Chính phủ là cơ quan chấp hành của Quốc hội. |
| B. Chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. |
| C. Chính phủ là cơ quan duy nhất có thẩm quyền ban hành văn bản dưới luật. |
| D. Chính phủ chịu trách nhiệm trước Quốc hội. |
|  |  Theo quy định hiện hành, Quốc hội bao gồm những chức năng nào? |
| A. Chức năng lập hiến, lập pháp. |
| B. Chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. |
| C. Chức năng giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Thẩm quyền công bố Hiến pháp, luật, pháp lệnh là của ai? |
| A. Chủ tịch Quốc hội. |
| B. Thủ tướng Chính phủ |
| C. Chủ tịch nước |
| D. Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao. |
|  |  Việc bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo nguyên tắc nào? |
| A. Phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. |
| B. Phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và nhờ người khác bỏ phiếu kín. |
| C. Phổ thông, trưng cầu dân ý và bỏ phiếu kín. |
| D. Phổ thông, bình đẳng và đại diện cử tri. |
|  |  Ngày bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân theo Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và Đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13, được quy định như thế nào? |
| A. Ngày bầu cử phải là ngày chủ nhật và được công bố chậm nhất là 100 ngày trước ngày bầu cử. |
| B. Ngày bầu cử phải là ngày chủ nhật và được công bố chậm nhất là 115 ngày trước ngày bầu cử. |
| C. Ngày bầu cử phải là ngày chủ nhật và được công bố chậm nhất là 130 ngày trước ngày bầu cử. |
| D. Ngày bầu cử phải là ngày chủ nhật và được công bố chậm nhất là 120 ngày trước ngày bầu cử. |
|  |  Theo quy định hiện hành, chậm nhất bao nhiêu ngày trước ngày bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu hội đồng nhân dân phải thành lập Ủy ban bầu cử tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương? |
| A. Chậm nhất là 100 ngày. |
| B. Chậm nhất là 105 ngày. |
| C. Chậm nhất là 110 ngày. |
| D. Chậm nhất là 115 ngày. |
|  |  Theo quy định hiện hành, chậm nhất bao nhiêu ngày trước ngày bầu cử, Tổ bầu cử phải niêm yết danh sách chính thức những người ứng cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND ở khu vực bỏ phiếu? |
| A. Chậm nhất là 20 ngày. |
| B. Chậm nhất là 25 ngày. |
| C. Chậm nhất là 30 ngày. |
| D. Chậm nhất là 35 ngày. |
|  |  Theo Luật Tổ chức Quốc hội được sửa đổi, bổ sung năm 2020, số lượng đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách trên tổng số đại biểu Quốc hội? |
| A. Ít nhất 35%. |
| B. Ít nhất 40%. |
| C. Từ 40% - 45%. |
| D. Từ 45% - 50%. |
|  |  Nội dung nào sau đây không phải là nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội |
| A. Quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. |
| B. Thống nhất quản lý về kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục, y tế, khoa học, công nghệ, môi trường, thông tin, truyền thông, đối ngoại, quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội. |
| C. Quyết định thành lập, bãi bỏ bộ, cơ quan ngang bộ của Chính phủ. |
| D. Thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt. |
|  |  Theo Hiến pháp 2013, thống lĩnh lực lượng vũ trang nhân dân là thuộc chức danh nào dưới đây? |
| A. Tổng Bí thư. |
| B. Chủ tịch nước. |
| C. Thủ tướng Chính phủ. |
| D. Chủ tịch Quốc hội. |
|  |  Theo quy định hiện hành, số lượng Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh loại II và loại III có |
| A. Hai Phó Chủ tịch. |
| B. Không quá hai Phó Chủ tịch. |
| C. Không quá ba Phó Chủ tịch. |
| D. Không quá bốn Phó Chủ tịch. |
|  |  Theo quy định hiện hành, số lượng Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh loại I có? |
| A. Hai Phó Chủ tịch. |
| B. Không quá hai Phó Chủ tịch. |
| C. Không quá ba Phó Chủ tịch. |
| D. Không quá bốn Phó Chủ tịch. |
|  |  Theo quy định hiện hành, số lượng Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện loại II và loại III có? |
| A. Một Phó Chủ tịch. |
| B. Không quá hai Phó Chủ tịch. |
| C. Ba Phó Chủ tịch. |
| D. Không quá ba Phó Chủ tịch. |
|  |  Theo quy định hiện hành, kết quả bầu Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND cấp tỉnh được ai phê chuẩn? |
| A. Chủ tịch nước. |
| B. Thủ tướng Chính phủ. |
| C. Chủ tịch Quốc hội. |
| D. Chủ tịch Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam. |
|  |  Theo Quy định của Đảng, đảng viên được phép làm việc nào sau đây? |
| A. Làm những việc pháp luật không cấm nhưng ảnh hưởng đến uy tín của Đảng, vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên. |
| B. Nêu ý kiến khác nhau trong các cuộc hội thảo khoa học, cuộc họp, hội nghị, được các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội có thẩm quyền tổ chức hoặc cho phép tổ chức theo quy định. |
| C. Sử dụng chức vụ, quyền hạn, ví trí công tác của mình để bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị, em ruột đi du lịch, tham quan, học tập, chữa bệnh ở ngoài nước bằng nguồn tài trợ của tổ chức trong nước hoặc tổ chức, cá nhân nước ngoài khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền. |
| D. Để bố, mẹ, vợ (chồng), con, anh, chị, em ruột thực hiện các dự án, kinh doanh các ngành nghề thuộc lĩnh vực hoặc đơn vị do mình trực tiếp phụ trách trái quy định. |
|  |  Theo hướng dẫn hiện hành của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng, người vào Đảng phải? |
| A. Học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng. |
| B. Học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, có giấy chứng nhận do trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện hoặc tương đương cấp; nơi không có trung tâm bồi dưỡng chính trị thì do cấp uỷ có thẩm quyền kết nạp đảng viên cấp. |
| C. Học lớp bồi dưỡng nhận thức về Đảng, được cấp giấy chứng nhận cách đây 6 năm. |
| D. Học và tốt nghiệp trung cấp lý luận chính trị. |
|  |  Theo hướng dẫn hiện hành của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng, thẩm tra lý lịch người vào Đảng gồm? |
| A. Thẩm tra người vào Đảng, cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng) hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng bản thân; vợ hoặc chồng, con đẻ của người vào Đảng có năng lực hành vi dân sự đầy đủ. |
| B. Thẩm tra người vào Đảng, cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng) hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng bản thân. |
| C. Thẩm tra người vào Đảng, cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng) hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng bản thân; vợ hoặc chồng, cô, gì chú bác bên nội và bên ngoại của người vào Đảng. |
| D. Thẩm tra cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng) hoặc người trực tiếp nuôi dưỡng bản thân; vợ hoặc chồng, con đẻ của người vào Đảng. |
|  |  Theo hướng dẫn hiện hành của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng, kết nạp đảng đối với những người trên 60 tuổi phải được sự đồng ý bằng văn bản của? |
| A. Ban Bí thư trung ương Đảng. |
| B. Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương. |
| C. Ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương. |
| D. Ban thường vụ cấp uỷ cấp trên cơ sở. |
|  |  Theo hướng dẫn hiện hành của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng, quản lý hồ sơ đảng viên, được cấp ủy có thẩm quyền giao cho tổ chức hay cá nhân nào? |
| A. Ban tổ chức cấp ủy cấp huyện và tương đương. |
| B. Ban tổ chức tỉnh ủy, thành ủy và tương đương. |
| C. Bí thư chi bộ. |
| D. Cấp ủy cơ sở. |
|  |  Thẩm quyền quyết định kết nạp đảng viên và xét công nhận đảng viên chính thức đối với Tỉnh ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Trung ương do? |
| A. Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định. |
| B. Tập thể thường trực cấp ủy và các đồng chí ủy viên thường vụ là Trưởng ban Đảng cùng cấp xem xét, quyết định. |
| C. Tập thể cấp ủy xem xét, quyết định. |
| D. Bí thư và phó bí thư Đảng ủy xem xét, quyết định. |
|  |  Điều lệ Đảng hiện hành quy định cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng bộ tỉnh là? |
| A. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh. |
| B. Thường trực Tỉnh ủy. |
| C. Ban Thường vụ Tỉnh ủy. |
| D. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. |
|  |  Điều lệ Đảng hiện hành quy định giữa 2 kỳ đại hội, cơ quan lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh là? |
| A. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh. |
| B. Thường trực Tỉnh ủy. |
| C. Ban Thường vụ Tỉnh ủy. |
| D. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. |
|  |  Tổ chức cơ sở Đảng theo Điều lệ Đảng hiện hành bao gồm: |
| A. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở. |
| B. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở, các Ban Cán sự Đảng. |
| C. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở, các Đảng đoàn. |
| D. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở, các Ban Cán sự Đảng, các Đảng đoàn. |
|  |  Theo Điều lệ Đảng hiện hành thì đối tượng chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng là? |
| A. Tổ chức đảng. |
| B. Đảng viên. |
| C. Tổ chức đảng và đảng viên. |
| D. Chi bộ cơ sở, đảng bộ cơ sở. |
|  |  Nhiệm vụ tham mưu xây dựng nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế của tỉnh ủy, ban thường vụ tỉnh ủy về công tác tổ chức xây dựng đảng chủ yếu là của cơ quan nào sau đây? |
| A. Ban Tổ chức Tỉnh ủy. |
| B. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy. |
| C. Văn phòng Tỉnh ủy. |
| D. Ban Dân vận Tỉnh ủy. |
|  |  Nội dung nào sau đây thuộc chức năng của cấp ủy đảng? |
| A. Chức năng quản lý Nhà nước. |
| B. Chức năng đoàn kết, tập hợp thanh niên. |
| C. Chức năng lãnh đạo. |
| D. Chức năng giám sát và phản biện xã hội. |
|  |  Theo Quy chế đánh giá cán bộ, công chức hiện hành của Bộ Chính trị, lĩnh vực nào không thuộc nội dung đánh giá cán bộ, công chức? |
| A. Phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống. |
| B. Quá trình và kinh nghiệm công tác. |
| C. Mức độ thực hiện chức trách nhiệm vụ được giao. |
| D. Chiều hướng và triển vọng phát triển. |
|  |  Theo quy định hiện hành của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng, phiếu đảng viên do tổ chức nào quản lý? |
| A. Đảng bộ, chi bộ cơ sở. |
| B. Ban tổ chức cấp uỷ huyện và tương đương. |
| C. Cấp uỷ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở. |
| D. Ban tổ chức tỉnh uỷ, thành uỷ và tương đương. |
|  |  Theo quy định hiện hành của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng, cấp uỷ viên khi chuyển sinh hoạt tạm thời có còn là cấp uỷ viên hay không? |
| A. Không còn là cấp uỷ viên. |
| B. Là cấp uỷ viên nơi sinh hoạt tạm thời. |
| C. Vẫn là cấp uỷ viên. |
| D. Vẫn là cấp uỷ viên nơi sinh hoạt chính thức. |
|  |  Theo quy định hiện hành của Ban Chấp hành Trung ương về thi hành Điều lệ Đảng, số thành viên của hội nghị ban chấp hành đảng bộ là? |
| A. Tổng số cấp uỷ viên đương nhiệm của ban chấp hành đảng bộ. |
| B. Tổng số cấp uỷ viên đương nhiệm của ban chấp hành đảng bộ (trừ số thành viên đã chuyển sinh hoạt đảng tạm thời). |
| C. Tổng số cấp uỷ viên đương nhiệm của ban chấp hành đảng bộ (trừ số thành viên đã chuyển sinh hoạt đảng tạm thời không có mặt tại hội nghị, số thành viên đang bị đình chỉ sinh hoạt, bị khởi tố, truy tố, tạm giam). |
| D. Tổng số cấp uỷ viên đương nhiệm của ban chấp hành đảng bộ (trừ số thành viên đã chuyển sinh hoạt đảng tạm thời, số thành viên đang bị đình chỉ sinh hoạt, bị khởi tố, truy tố, tạm giam). |
|  |  Theo quy định hiện hành, cấp ủy khóa mới điều hành công việc từ khi nào? |
| A. Ngay sau khi được bầu. |
| B. Khi nhận được quyết định chuẩn y của cấp ủy có thẩm quyền. |
| C. Sau khi bàn giao cấp ủy mới và cấp ủy cũ. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Tại đại hội Đảng các cấp, việc bầu cử bằng hình thức biểu quyết bằng thẻ đảng viên, có thể được áp dụng cho việc bầu cử nào? |
| A. Để biểu quyết trong sinh hoạt đảng. |
| B. Để biểu quyết trong sinh hoạt đảng, trong đại hội đảng bộ các cấp (trừ các trường hợp biểu quyết bằng phiếu kín). |
| C. Để biểu quyết trong đại hội đảng bộ các cấp. |
| D. Để biểu quyết trong sinh hoạt đảng, trong đại hội đảng bộ các cấp. |
|  |  Đồng chí Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra cấp ủy cùng cấp do cơ quan nào bầu cử? |
| A. Cấp ủy cùng cấp. |
| B. Ủy ban Kiểm tra cấp dưới. |
| C. Ủy ban Kiểm tra cùng cấp. |
| D. Ủy ban Kiểm tra cấp trên trực tiếp. |
|  |  Cơ quan nào dưới đây có nhiệm vụ thẩm tra tiêu chuẩn chính trị của cán bộ, đảng viên? |
| A. Văn phòng cấp uỷ. |
| B. Uỷ ban Kiểm tra. |
| C. Ban Tổ chức. |
| D. Cơ quan thanh tra. |
|  |  Loại quan hệ nào sau đây không phải là quan hệ giữa các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy với cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy trong thực hiện công tác chuyên môn và công tác cán bộ theo phân cấp? |
| A. Trao đổi. |
| B. Hướng dẫn. |
| C. Lãnh đạo, chỉ đạo. |
| D. Phối hợp. |
|  |  Tổ chức Đảng nào dưới đây không được lập cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc cấp ủy? |
| A. Cấp Trung ương. |
| B. Cấp tỉnh. |
| C. Cấp huyện. |
| D. Cấp xã. |
|  |  Theo Điều lệ Đảng hiện hành, Quân ủy Trung ương do: |
| A. Ban Chấp hành Trung ương chỉ định. |
| B. Bộ Chính trị chỉ định. |
| C. Ban Bí thư chỉ định. |
| D. Đại hội Đảng bộ Quân đội bầu. |
|  |  Trong thời hạn bao nhiêu ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả bầu cử của cấp dưới, cấp ủy cấp trên trực tiếp chuẩn y ban chấp hành, ban thường vụ, bí thư, phó bí thư cấp ủy; các thành viên, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm ủy ban kiểm tra ? |
| A. 07 ngày. |
| B. 09 ngày. |
| C. 15 ngày. |
| D. 30 ngày. |
|  |  Để thành lập Đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở Đảng ở những nơi có đặc điểm riêng, Đảng bộ đó phải có những đơn vị thành viên là tổ chức có tư cách pháp nhân, có các tổ chức cơ sở Đảng trực thuộc và Đảng bộ có số đảng viên? |
| A. Từ 300 đảng viên trở lên. |
| B. Từ 400 đảng viên trở lên. |
| C. Từ 500 đảng viên trở lên. |
| D. Từ 1000 đảng viên trở lên. |
|  |  Khi họp xét kết nạp người vào Đảng, đảng uỷ cơ sở thảo luận, khi được bao nhiêu cấp ủy viên biểu quyết đồng ý thì ra nghị quyết đề nghị cấp uỷ cấp trên xét kết nạp? |
| A. Được 2/3 số cấp uỷ viên trở lên đồng ý. |
| B. Được 3/4 số cấp uỷ viên trở lên đồng ý. |
| C. Được 100% số cấp uỷ viên đồng ý. |
| D. Được hơn một nửa số cấp uỷ viên trở lên đồng ý. |
|  |  Ban thường vụ cấp uỷ có thẩm quyền họp, xem xét xoá tên đảng viên dự bị vi phạm tư cách, nếu được bao nhiêu thành viên biểu quyết đồng ý thì ra quyết định xoá tên đảng viên dự bị? |
| A. Có 100% số thành viên biểu quyết đồng ý xoá tên. |
| B. Có 3/4 số thành viên trở lên biểu quyết đồng ý xoá tên. |
| C. Có 2/3 số thành viên trở lên biểu quyết đồng ý xoá tên. |
| D. Có trên một nửa số thành viên biểu quyết đồng ý xoá tên. |
|  |  Theo hướng dẫn hiện hành của Ban Bí thư về một số vấn đề cụ thể thi hành Điều lệ Đảng, đảng viên được công nhận chính thức thì tuổi đảng của đảng viên được tính từ thời điểm nào? |
| A. Ngày được kết nạp vào Đảng. |
| B. Ngày cấp có thẩm quyền ký quyết định kết nạp đảng viên. |
| C. Ngày được công nhận là đảng viên chính thức. |
| D. Sau 12 tháng kể từ ngày ghi trong quyết định kết nạp. |
|  |  Theo quy định hiện hành của Ban Bí thư, thẻ đảng viên được kiểm tra kỹ thuật theo định kỳ mấy năm một lần? |
| A. 3 năm một lần. |
| B. 4 năm một lần. |
| C. 5 năm một lần. |
| D. 6 năm một lần. |
|  |  Chi bộ phải tổ chức lễ kết nạp cho đảng viên trong thời hạn bao lâu (kể từ ngày nhận được quyết định kết nạp đảng viên của cấp uỷ có thẩm quyền)? |
| A. 90 ngày. |
| B. 60 ngày làm việc. |
| C. 45 ngày làm việc. |
| D. 30 ngày làm việc. |
|  |  Khi nhận được khiếu nại kỷ luật, cấp uỷ hoặc uỷ ban kiểm tra cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương trở xuống, xem xét giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng hoặc người khiếu nại biết trong thời hạn là bao lâu (tính từ ngày nhận được khiếu nại)? |
| A. 30 ngày làm việc. |
| B. 45 ngày làm việc. |
| C. 90 ngày làm việc. |
| D. 180 ngày làm việc. |
|  |  Nội dung nào được coi là vấn đề cấp bách nhất về công tác xây dựng Đảng được Hội nghị Trung ương 4 (khóa XI) đề ra? |
| A. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong một bộ phận không nhỏ đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý. |
| B. Xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là cấp Trung ương. |
| C. Xác định rõ thẩm quyền, trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền trong mối quan hệ với tập thể cấp ủy, cơ quan, đơn vị. |
| D. Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. |
|  |  Nội dung nào sau đây không thuộc nhiệm vụ của các cơ quan tham mưu của Đảng ở Trung ương? |
| A. Nghiên cứu đề xuất. |
| B. Thẩm định các đề tài, đề án. |
| C. Ban hành quyết định để cụ thể hoá đường lối của Đảng. |
| D. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng. |
|  |  Nội dung nào không phải là phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị ? |
| A. Bằng cương lĩnh, chiến lược, nghị quyết, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn. |
| B. Bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra. |
| C. Bằng sự phối hợp, hợp tác bình đẳng. |
| D. Bằng hành động gương mẫu của đảng viên. |
|  |  Điều lệ Đảng hiện hành quy định nguyên tắc tổ chức cơ bản của Đảng Cộng sản Việt Nam là nguyên tắc nào? |
| A. Tự phê bình và phê bình. |
| B. Tập trung dân chủ. |
| C. Đảng hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Đảng viên vi phạm kỷ luật Đảng trong các thời gian nào sau đây thì phải xem xét, xử lý kỷ luật? |
| A. Đảng viên đang trong thời gian dự bị. |
| B. Đảng viên đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản. |
| C. Đảng viên mắc bệnh hiểm nghèo hoặc đang mất khả năng nhận thức. |
| D. Bị ốm điều trị nội trú tại bệnh viện được cơ quan y tế có thẩm quyền theo quy định của pháp luật xác nhận. |
|  |  Nội dung quản lý đảng viên bao gồm: |
| A. Quản lý hồ sơ đảng viên, quản lý hoạt động của đảng viên. |
| B. Quản lý hồ sơ đảng viên, quản lý tư tưởng của đảng viên. |
| C. Quản lý hoạt động của đảng viên, quản lý tư tưởng của đảng viên. |
| D. Quản lý hồ sơ đảng viên, quản lý hoạt động của đảng viên, quản lý tư tưởng của đảng viên. |
|  |  Thẩm quyền quyết định kết nạp đảng viên và xét công nhận đảng viên chính thức đối với đảng uỷ cơ sở được uỷ quyền kết nạp đảng viên, do? |
| A. Ban thường vụ xem xét, quyết định. |
| B. Tập thể thường trực cấp uỷ xem xét, quyết định. |
| C. Tập thể đảng uỷ cơ sở xem xét, quyết định. |
| D. Bí thư cấp uỷ xem xét, quyết định. |
|  |  Theo quy định của Điều lệ Đảng, đảng ủy, chi ủy cơ sở họp thường lệ bao lâu một lần? |
| A. Mỗi tháng một lần; họp bất thường khi cần. |
| B. 3 tháng một lần. |
| C. 6 tháng một lần. |
| D. Họp khi cần thiết |
|  |  Ở đại hội đảng viên, những ai có quyền đề cử đảng viên chính thức của đảng bộ, chi bộ để được bầu làm đại biểu dự đại hội đảng bộ cấp trên hoặc để được bầu vào cấp ủy cấp mình? |
| A. Chỉ đảng viên chính thức. |
| B. Đảng viên chính thức, đảng viên sinh hoạt tạm thời, đảng viên dự bị. |
| C. Đảng viên chính thức, đảng viên dự bị. |
| D. Đảng viên dự bị, đảng viên sinh hoạt tạm thời. |
|  |  Ở đại hội đảng viên, những đảng viên nào có thể tham gia ban kiểm phiếu? |
| A. Đảng viên chính thức. |
| B. Đảng viên sinh hoạt tạm thời. |
| C. Đảng viên chính thức không có tên trong danh sách bầu cử. |
| D. Đảng viên dự bị, đảng viên sinh hoạt tạm thời. |
|  |  Theo Quy định số 132-QĐ/TW, ngày 08/3/2018 của Bộ Chính trị về kiểm điểm, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong hệ thống chính trị thì cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định để số lượng tập thể, cá nhân được xếp loại "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ" không vượt quá bao nhiêu % số được xếp loại "Hoàn thành tốt nhiệm vụ" theo từng nhóm đối tượng có vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ tương đồng |
| A. Không vượt quá 10%. |
| B. Không vượt quá 15%. |
| C. Không vượt quá 20%. |
| D. Không vượt quá 25%. |
|  |  Theo Quy định của Đảng hiện hành, trình độ học vấn của người vào đảng được quy định như thế nào?  |
| A. Người vào Đảng phải có bằng tốt nghiệp tiểu học trở lên. |
| B. Người vào Đảng phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên. |
| C. Người vào Đảng phải có bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc tương đương trở lên. |
| D. Người vào Đảng phải có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông. |
|  |  Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới đưa ra chỉ tiêu tỉ lệ kết nạp đảng viên mới hằng năm trong giai đoạn 2020 - 2025 là bao nhiêu?  |
| A. Đạt tối thiểu 3% tổng số đảng viên. |
| B. Đạt từ 3 - 4% tổng số đảng viên. |
| C. Đạt từ 4 - 5% tổng số đảng viên. |
| D. Đạt tối thiểu 4% tổng số đảng viên. |
|  |  Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới đưa ra chỉ tiêu đến năm 2025: hằng năm có bao nhiêu % tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên?  |
| A.  Hằng năm có trên 70% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. |
| B.  Hằng năm có trên 80% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. |
| C.  Hằng năm có trên 90% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. |
| D.  Hằng năm có trên 100% tổ chức cơ sở đảng, đảng viên được đánh giá, xếp loại từ hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. |
|  |  Chương trình hành động số 18-CTr/TU về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường củng cố, xây dựng tổ chức cơ sở Đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới đưa ra mấy nhóm nhiệm vụ và giải pháp về nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên? |
| A. 03 nhóm nhiệm vụ và giải pháp. |
| B. 04 nhóm nhiệm vụ và giải pháp. |
| C. 05 nhóm nhiệm vụ và giải pháp. |
| D. 06 nhóm nhiệm vụ và giải pháp. |
|  |  Theo Hướng dẫn số 16-HD/BTCTW, ngày 15/02/2022 của Ban Tổ chức Trung ương về hướng dẫn một số nội dung cụ thể về công tác quy hoạch cán bộ thì việc thực hiện quy trình bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào chức danh quy hoạch chỉ được thực hiện sau khi phê duyệt thời gian bao lâu? |
| A. 1 tháng |
| B. 2 tháng |
| C. 3 tháng |
| D. 6 tháng |
|  |  Theo Quy định 50-QĐ/TW, ngày 27/12/2021 của Bộ Chính trị về công tác quy hoạch cán bộ thì mỗi chức danh quy hoạch tối đa mấy người? |
| A. 2 |
| B. 3 |
| C. 4 |
| D. 5 |
|  |  Theo Quy định số 15-QĐ/TU, ngày 22/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý thì quy trình luân chuyển gồm có mấy bước? |
| A. 2 |
| B. 3 |
| C. 4 |
| D. 5 |
|  |  Theo Quy định số 15-QĐ/TU, ngày 22/9/2022 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về luân chuyển cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, quy định thời gian luân chuyển tối thiểu phải là bao lâu? |
| A. 1 năm (12 tháng) |
| B. 2 năm (24 tháng) |
| C. 3 năm (36 tháng) |
| D. 5 năm (60 tháng) |
|  |  Quy định số 96-QĐ/TW, ngày 02/02/2023 của Bộ Chính trị về lấy phiếu tín nhiệm đối với chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị quy định cơ quan tham mưu tổ chức, cán bộ phải tổng hợp báo cáo, hồ sơ của người được lấy phiếu tín nhiệm theo quy định và báo cáo giải trình, cung cấp thông tin về nội dung liên quan (nếu có) gửi cho người ghi phiếu trước thời gian bao lâu? |
| A. 5 ngày |
| B. 10 ngày |
| C. 15 ngày |
| D. 20 ngày |
|  |  Quy định số 96-QĐ/TW, ngày 02/02/2023 của Bộ Chính trị về lấy phiếu tín nhiệm đối với chức danh, chức vụ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống chính trị quy định thời điểm lấy phiếu tín nhiệm như thế nào? |
| A. Việc lấy phiếu tín nhiệm được tiến hành định kỳ vào năm thứ nhất của nhiệm kỳ đại hội. |
| B. Việc lấy phiếu tín nhiệm được tiến hành định kỳ vào năm thứ hai của nhiệm kỳ đại hội. |
| C. Việc lấy phiếu tín nhiệm được tiến hành định kỳ vào năm thứ ba của nhiệm kỳ đại hội. |
| D. Việc lấy phiếu tín nhiệm được tiến hành định kỳ vào năm thứ tư của nhiệm kỳ đại hội. |
|  |  Kết luận số 40-KL/TW, ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026 kết luận việc tinh giản biên chế giai đoạn 2021-2026 toàn hệ thống chính trị thực hiện như thế nào? |
| A. Giai đoạn 2021-2026, toàn hệ thống chính trị tinh giản ít nhất 5% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 10% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước. |
| B. Giai đoạn 2021-2026, toàn hệ thống chính trị tinh giản ít nhất 6% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 11% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.  |
| C. Giai đoạn 2021-2026, toàn hệ thống chính trị tinh giản ít nhất 10% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 15% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước. |
| D. Giai đoạn 2021-2026, toàn hệ thống chính trị tinh giản ít nhất 10% biên chế cán bộ, công chức và ít nhất 5% biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước. |
|  |  Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021 của Bộ Chính trị về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ quy định cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định việc miễn nhiệm, cho từ chức trong thời gian bao lâu? |
| A. Trong thời gian 5 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 10 ngày làm việc. |
| B. Trong thời gian 10 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 15 ngày làm việc. |
| C. Trong thời gian 15 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 20 ngày làm việc. |
| D. Trong thời gian 20 ngày làm việc; trường hợp cần thiết vì lý do khách quan thì có thể kéo dài không quá 25 ngày làm việc. |
|  |  Quy định số 57-QĐ/TW, ngày 08/2/2022 của Ban Bí thư về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo lý luận chính trị thì tiêu chuẩn về độ tuổi học Cao cấp lý luận chính trị hệ không tập trung là |
| A. Nữ từ 38 tuổi trở lên, nam từ 40 tuổi trở lên. |
| B. Nữ từ 33 tuổi, nam từ 35 tuổi trở lên. |
| C. Nữ từ 35 tuổi, nam từ 37 tuổi trở lên. |
| D. Nữ từ 30 tuổi, nam từ 35 tuổi trở lên. |
|  |  Nội dung nào là lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát của cấp ủy đảng? |
| A. Xác định, quyết định nội dung, đối tượng kiểm tra. |
| B. Tiến hành các cuộc kiểm tra, giám sát. |
| C. Chỉ đạo, đôn đốc tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát. |
| D. Kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm. |
|  |  Tổ chức nào sau đây có thẩm quyền quyết định kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm? |
| A. Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh. |
| B. Thường trực Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy hoặc Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. |
| C. Ban chỉ đạo của Tỉnh uỷ. |
| D. Ban Tổ chức Tỉnh ủy. |
|  |  Nội dung nào sau đây không là căn cứ để uỷ ban kiểm tra phát hiện dấu hiệu vi phạm của đảng viên? |
| A. Chương trình, kế hoạch công tác của uỷ ban kiểm tra. |
| B. Chức trách, nhiệm vụ của đảng viên. |
| C. Quá trình công tác của đảng viên. |
| D. Dư luận xã hội có kiểm chứng về đảng viên đó. |
|  |  Nội dung nào sau đây là trách nhiệm của ủy ban kiểm tra khi phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng cấp dưới? |
| A. Báo cáo đầy đủ về kết quả phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng cấp dưới với uỷ ban kiểm tra cấp trên. |
| B. Báo cáo đầy đủ về kết quả phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng cấp dưới với cấp uỷ cấp trên. |
| C. Báo cáo đầy đủ về kết quả phát hiện dấu hiệu vi phạm của tổ chức đảng cấp dưới với thành viên ủy ban kiểm tra cấp trên phụ trách địa bàn. |
| D. Thực hiện việc xác định dấu hiệu vi phạm, quyết định kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm theo quy định. |
|  |  Điều lệ Đảng hiện hành quy định hình thức kỷ luật đối với đảng viên chính thức là? |
| A. Khiển trách, cảnh cáo, xóa tên, khai trừ. |
| B. Khiển trách, cảnh cáo, xóa tên, cách chức. |
| C. Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, khai trừ. |
| D. Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ, hạ bậc lương. |
|  |  Quy định về công tác giám sát tổ chức đảng và đảng viên được thực hiện từ đại hội toàn quốc của Đảng lần thứ mấy? |
| A. Đại hội lần thứ VIII. |
| B. Đại hội lần thứ IX. |
| C. Đại hội lần thứ X. |
| D. Đại hội lần thứ XI. |
|  |  Uỷ ban Kiểm tra cấp tỉnh do ai bầu ra? |
| A. Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh. |
| B. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh |
| C. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. |
| D. Uỷ ban Kiểm tra cấp huyện. |
|  |  Nhiệm kỳ của Ủy ban Kiểm tra các cấp được tính? |
| A. Theo nhiệm kỳ của cấp ủy cùng cấp. |
| B. Theo nhiệm kỳ của cấp ủy cấp trên. |
| C. Theo nhiệm kỳ của Đại hội Đảng toàn quốc. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Theo Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương, nội dung đơn tố cáo nào được sử dụng làm thông tin để xem xét, quyết định kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm? |
| A. Đơn tố cáo đã được cấp có thẩm quyền giải quyết nhưng tái tố, không có nội dung mới. |
| B. Đơn tố cáo giấu tên, mạo tên nhưng rõ địa chỉ, đối tượng và nội dung tố cáo. |
| C. Đơn tố cáo có nội dung được xác định là vu cáo. |
| D. Đơn tố cáo do người không có năng lực hành vi ký tên. |
|  |  Theo Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương, tổ chức đảng nào chỉ lãnh đạo công tác kiểm tra nhưng không thực hiện nhiệm vụ kiểm tra? |
| A. Chi bộ. |
| B. Đảng ủy cơ sở. |
| C. Ban cán sự đảng, đảng đoàn. |
| D. Ban thường vụ huyện ủy. |
|  |  Theo Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương, trường hợp nào đảng viên vi phạm thì chưa xem xét, xử lý kỷ luật? |
| A. Đảng viên vi phạm đã chuyển công tác đi nơi khác. |
| B. Đảng viên vi phạm đã nghỉ hưu. |
| C. Đảng viên vi phạm đang trong thời gian mang thai hoặc đang nuôi con nhỏ dưới 12 tháng tuổi, bị bệnh nặng. |
| D. Đảng viên vi phạm đã tự kiểm điểm và khắc phục hậu quả vi phạm. |
|  |  Theo Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, trường hợp nào không áp dụng thời hiệu kỷ luật đảng viên vi phạm? |
| A. Chạy chức, chạy quyền. |
| B. Vi phạm gây hậu quả nghiêm trọng. |
| C. Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận không hợp pháp. |
| D. Tái phạm. |
|  |  Theo Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, tình tiết giảm nhẹ mức kỷ luật đối với tổ chức đảng viên vi phạm: |
| A. Chủ động, kịp thời báo cáo vi phạm với tổ chức đảng cấp trên, thái độ kiểm điểm nghiêm túc, tự giác nhận khuyết điểm, vi phạm và tự nhận hình thức kỷ luật tương xứng với vi phạm. |
| B. Cung cấp chứng cứ vi phạm. |
| C. Báo cáo vi phạm với tổ chức đảng cấp trên. |
| D. Tự giác nhận khuyết điểm. |
|  |  Theo Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, đảng viên vi phạm quy định chính sách dân số thì bị thi hành kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo hoặc cách chức (nếu có chức vụ) trong trường hợp nào sau đây? |
| A. Cản trở, cưỡng bức thực hiện kế hoạch hóa gia đình; tham gia các hoạt động xét nghiệm, chẩn đoán để xác định giới tính thai nhi trái quy định gây hậu quả ít nghiêm trọng. |
| B. Vi phạm chính sách dân số gây hậu quả ít nghiêm trọng. |
| C. Gian dối trong việc cho con đẻ hoặc nhận nuôi con nuôi mà thực chất là con đẻ nhằm sinh thêm con ngoài giá thú hoặc trái quy định. |
| D. Tất cả phương án trên. |
|  |  Theo Quy định số 69-QĐ/TW, ngày 06/7/2022 của Bộ Chính trị, đảng viên bị kỷ luật về đảng thì trong thời hạn bao nhiêu ngày, kể từ ngày công bố quyết định kỷ luật về Đảng, phải kỷ luật về hành chính, đoàn thể (nếu có)? |
| A. 15 ngày |
| B. 20 ngày |
| C. 25 ngày |
| D. 30 ngày |
|  |  Theo Quy định số 179-QĐ/TW, ngày 25/02/2019 của Bộ Chính trị, cơ quan, tổ chức nào dưới đây không trực tiếp kiểm tra, giám sát về công tác cán bộ đối với tổ chức đảng và cán bô, đảng viên? |
| A. Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy. |
| B. Cấp ủy các cấp. |
| C. Ủy ban kiểm tra. |
| D. Ban cán sự đảng, đảng đoàn. |
|  |  Theo Quy định số 179-QĐ/TW, ngày 25/02/2019 của Bộ Chính trị, tổ chức đảng nào sau đây là đối tượng kiểm tra, giám sát? |
| A. Tổ chức đảng cấp dưới (cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy, thường trực cấp ủy) có thẩm quyền quản lý, sử dụng cán bộ. |
| B. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn, chi ủy và chi bộ, có thẩm quyền quản lý, sử dụng cán bộ. |
| C. Ủy ban kiểm tra, các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy có thẩm quyền quản lý, sử dụng cán bộ. |
| D. Tất cả phương án trên. |
|  |  Theo Quy định số 179-QĐ/TW, ngày 25/02/2019 của Bộ Chính trị, nội dung nào sau đây không phải là chế độ kiểm tra đối với cán bộ, đảng viên? |
| A. Thường xuyên tự kiểm tra, đánh giá ưu điểm, khuyết điểm trong công tác và việc tu dưỡng, rèn luyện và phẩm chất, đạo đức, lối sống. |
| B. Định kỳ hằng năm, tự phê bình và phê bình ở chi bộ và cấp ủy, tổ chức chính quyền, đoàn thể mà mình là thành viên. |
| C. Hằng năm, chi ủy nơi cán bộ, đảng viên công tác lấy ý kiến nhận xét của chi bộ nơi cư trú về bản thân cán bộ, đảng viên và gia đình trong việc chấp hành đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. |
| D. Thực hiện tự phê bình và phê bình về công tác cán bộ theo quy định. |
|  |  Theo Quy định số 86-QĐ/TW, ngày 01/6/2017 của Bộ Chính trị, nội dung nào sau đây là một trong những nguyên tắc giám sát trong Đảng? |
| A. Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở giám sát ban thường vụ đảng ủy cấp trên cơ sở. |
| B. Cấp ủy cấp dưới giám sát cấp ủy cấp trên. |
| C. Cấp ủy, tổ chức đảng cấp trên giám sát tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên. |
| D. Thường trực cấp ủy giám sát ban thường vụ cấp ủy cùng cấp. |
|  |  Theo Quy định số 22-QĐ/TW, ngày 28/7/2021 của Ban Chấp hành Trung ương, nội dung kiểm tra đối với đảng viên gồm? |
| A. Tiêu chuẩn đảng viên, tiêu chuẩn cấp ủy viên và việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên. |
| B. Việc chấp hành các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, giữ gìn đoàn kết nôi bộ, quy chế làm việc, chế độ công tác, thực hiện dân chủ trong Đảng. |
| C. Việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, chủ trương, nghị quyết, chỉ thị, quy định, quyết định, quy chế, kết luận, hướng dẫn của Đảng, pháp luật của Nhà nước. |
| D. Việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hành tiết kiệm; phòng, chống tham nhũng, lãng phí; quản lý, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống của đảng viên. |
|  |  Chủ thể công tác tư tưởng của Đảng là? |
| A. Các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở. |
| B. Cấp ủy là người lãnh đạo. |
| C. Cơ quan tuyên giáo các cấp là lực lượng tham mưu nòng cốt. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Đối tượng công tác tư tưởng của Đảng là? |
| A. Cán bộ. |
| B. Đảng viên. |
| C. Nhân dân. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Công tác tư tưởng của Đảng đòi hỏi phải đảm bảo những nguyên tắc cơ bản nào? |
| A. Nguyên tắc tính Đảng, tính khoa học và thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. |
| B. Nguyên tắc tính khoa học và thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. |
| C. Nguyên tắc tính Đảng và thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. |
| D. Nguyên tắc tính Đảng, tính khoa học. |
|  |  Các yếu tố có thể tạo thành dư luận xã hội: |
| A. Nhiều luồng ý kiến khác nhau, thậm chí đối lập nhau. |
| B. Tập hợp các ý kiến cá nhân, tự phát, chứ không phải là ý kiến của một tổ chức. |
| C. Những sự kiện, hiện tượng, vấn đề xã hội có tính thời sự được nhiều người quan tâm. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Công tác tư tưởng được hợp thành bởi các bộ phận nào sau đây? |
| A. Công tác lý luận, công tác tuyên truyền, công tác cổ động |
| B. Công tác lý luận, công tác tuyên truyền, công tác giáo dục. |
| C. Công tác nghiên cứu lịch sử, công tác tuyên truyền, công tác báo cáo viên. |
| D. Công tác lý luận, công tác khoa giáo, công tác tuyên truyền. |
|  |  Phương châm Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng là gì |
| A. Đoàn kết - Đổi mới - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển. |
| B. Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển. |
| C. Đoàn kết - Kiên trì - Sáng tạo - Đổi mới - Phát triển. |
| D. Đoàn kết - Trách nhiệm - Nêu gương - Sáng tạo - Phát triển. |
|  |  Những giải pháp đột phá nào sau đây của công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIII? |
| A. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là công tác tổ chức cán bộ. |
| B. Phát huy dân chủ, siết chặt kỷ luật, kỷ cương đi đôi với tạo môi trường đổi mới sáng tạo trong công tác cán bộ và xây dựng đội ngũ cán bộ. |
| C. Kiên quyết quyết đấu tranh phòng, chống tham những, lãng phí, tiêu cực, quan liêu; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường kiểm tra, giám sát và kiểm soát chặt chẽ quyền lực. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Nhiệm vụ trọng tâm trong công tác xây dựng Đảng được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII xác định là gì? |
| A. Đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi có hiệu quả tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ gắn với đẩy mạnh học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh và thực hiện các quy định về trách nhiệm nêu gương. |
| B. Đổi mới mạnh mẽ và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ; tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược; người đứng đầu các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. |
| C. Tiếp tục đổi mới, kiện toàn và từng bước hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động gắn với nâng cao chất lượng và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. |
| D. Cả ba phương án còn lại. |
|  |  Một trong những phương hướng của công tác xây dựng Đảng nhiệm kỳ Đại hội XIII là? |
| A. Tiếp tục kiên định, vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. |
| B. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. |
| C. Tiếp tục kiên định,vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. |
| D. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội và đường lối đổi mới của Đảng. |
|  |  Trong “Bài nói chuyện về Bản Tổng cương và điều lệ của Đảng” (10/5/1950), Hồ Chí Minh viết: “Đảng viên không phải là một ông thánh, nhưng vì mình có…, một ý chí và hành động thống nhất, có kinh nghiệm, gan dạ và được Đảng giáo dục nên có thể làm được như vậy”. Hãy chọn đáp án đúng để điền vào dấu ba chấm. |
| A. Một nhận thức đúng. |
| B. Một con đường đi đúng. |
| C. Một chủ nghĩa đúng. |
| D. Một tư tưởng đúng. |
|  |  Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong tác phẩm: “Đạo đức cách mạng” (12-1958), để hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang, người cách mạng phải có: |
| A. Hoài bão và ước mơ làm nền tảng. |
| B. Đạo đức cách mạng làm nền tảng. |
| C. Lý tưởng sống làm tư tưởng cốt lõi. |
| D. Ý chí nỗ lực đạt ước mơ cuộc đời. |
|  |  Trong tác phẩm “sửa đổi lối làm việc” (10-1947), Chủ tịch Hồ Chí Minh khi phê bình mình cũng như phê bình người không nên? |
| A. Dùng cách nói thẳng thắn, thiếu sự nể nang. |
| B. Dùng những lời nói thẳng thắn, gây mất lòng. |
| C. Nói kỹ về khuyết điểm của những người khác |
| D. Dùng những lời mỉa mai, chua cay, đâm thọt. |
|  |  Hãy xác định chức năng, nhiệm vụ của công tác tuyên truyền miệng? |
| A. Tuyên truyền miệng là một kênh thông tin chính thống giữ vai trò chủ yếu trong việc thông báo, quán triệt các quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước. |
| B. Tuyên truyền miệng có mục tiêu rất cơ bản là góp phần giáo dục và xây dựng những chuẩn mực về con người mới, nền văn hoá mới, cổ vũ và động viên các nhân tố mới trong xã hội. |
| C. Phổ biến, truyền bá hệ tư tưởng; Thông tin và định hướng thông tin; Giáo dục, cổ vũ, động viên quần chúng đi tới hành động; Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng. |
| D. Tuyên truyền miệng là vũ khí sắc bén trong đấu tranh tư tưởng, đấu tranh chính trị của Đảng, đặc biệt là trong đấu tranh chống các âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch. |
|  |  Hình thức nắm bắt và định hướng dư luận xã hội được sử dụng phổ biến trong giai đoạn hiện nay là: |
| A. Thông qua điện thoại, mạng internet, mạng xã hội, báo chí. |
| B. Thông qua các cuộc họp, hội nghị; gặp gỡ, tiếp xúc, đối thoại với nhân dân. |
| C. Thông qua đội ngũ cộng tác viên dư luận xã hội; điều tra xã hội học, thăm dò dư luận. |
| D. Cả 3 phương án.  |
|  |  Đâu là quan điểm của Đảng ta về tăng cường bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch trong tình hình mới theo tinh thần Nghị quyết số 35-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa XII)? |
| A. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các giải pháp để đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" có hiệu quả, nhất là những vụ việc gây bức xúc trong dư luận để củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng. |
| B. Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng là bảo vệ Đảng, Cương lĩnh chính trị, đường lối của Đảng, bảo vệ nhân dân, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ gìn môi trường hòa bình, ổn định để phát triển đất nước. |
| C. Giữ vững nguyên tắc, kỷ luật, kỷ cương của Đảng và đề cao pháp luật của Nhà nước. |
| D. Chủ động phòng ngừa, tích cực đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động và các phần tử cơ hội, bất mãn chính trị. |
|  |  Việc lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt, triển khai thực hiện việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh ở các cấp do chủ thể nào chịu trách nhiệm? |
| A. Cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội các cấp. |
| B. Các ban xây dựng đảng, chủ trì là ban tuyên giáo các cấp. |
| C. Cấp ủy, tổ chức đảng, tổ chức chính trị - xã hội và toàn dân. |
| D. Cấp ủy và chính quyền các cấp. |
|  |  Tư tưởng Hồ Chí Minh được Đảng ta xác định chính thức là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng tại Đại hội nào? |
| A. Đại hội lần thứ VI (12/1986). |
| B. Đại hội lần thứ VII (6/1991). |
| C. Đại hội lần thứ VIII (6/1996). |
| D. Đại hội lần thứ IX (4/2001). |
|  |  Chỉ đạo, định hướng hoạt động công tác báo chí thuộc chức năng nhiệm vụ của cơ quan đơn vị nào sau đây? |
| A. Hội nhà Báo. |
| B. Sở Thông tin Truyền thông. |
| C. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy. |
| D. Ban Dân vận Tỉnh ủy. |
|  |  Chuyên đề nào sau đây là chuyên đề về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh toàn khóa nhiệm kỳ XIII của Đảng? |
| A. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về xây dựng phong cách, tác phong công tác của người đứng đầu, của cán bộ đảng viên. |
| B. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức,phong cách Hồ Chí Minh về phòng,chống suy thoái tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, tự diễn biến, tự chuyển hóa. |
| C. Học tập và làm theo tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. |
| D. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. |
|  |  Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Bồi dưỡng cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết" trong tác phẩm nào sau đây của Người? |
| A. Sửa đổi lối làm việc. |
| B. Di chúc. |
| C. Tuyên ngôn Độc lập. |
| D. Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. |
|  |  Giải pháp chủ yếu để nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân từ phía cán bộ, đảng viên theo tư tưởng Hồ Chí Minh gồm nội dung nào? |
| A. Đặt lợi ích của cách mạng, của Đảng, của nhân dân lên trên hết. |
| B. Phải đi sâu, đi sát thực tế, gần gũi quần chúng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân. |
| C. Mối quan hệ Đảng-Dân luôn là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Tác phẩm nào sau đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh được Ban Chấp hành Trung ương Đảng quyết định đưa vào nghiên cứu, học tập rộng rãi trong Đảng và nhân dân? |
| A. Di chúc. |
| B. Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân. |
| C. Đường cách mệnh. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Quan điểm sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng là gì? |
| A. Đảng phải lấy chủ nghĩa Mác - Lê nin làm cốt. |
| B. Đảng cộng sản Việt Nam là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước. |
| C. Đảng cộng sản phải xây dựng theo nguyên tắc Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản. |
| D. Đảng phải thường xuyên tăng cường mối liên hệ mật thiết với nhân dân. |
|  |  Nội dung quan trọng nhất trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng là gì? |
| A. Cần, kiệm, liêm chính, chí công, vô tư. |
| B. Trung với nước, hiếu với dân. |
| C. Thương yêu con người, sống có tình có nghĩa. |
| D. Tinh thần quốc tế trong sáng thủy chung. |
|  |  Chức năng của Trung tâm chính trị cấp huyện? |
| A. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị - hành chính. |
| B. Tổ chức học tập, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. |
| C. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và chuyên môn, nghiệp vụ về công tác xây dựng đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, quản lý nhà nước cho cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị ở cơ sở trên địa bàn huyện. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Đâu là nguyên nhân của sự suy thoái đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên? |
| A. Cán bộ, đảng viên chưa gương mẫu rèn luyện về phẩm chất, đạo đức. |
| B. Tự phê bình, phê bình và sửa chữa khuyết điểm chưa nghiêm túc; nói nhiều, làm ít, nói nhưng không làm, nói một đằng làm một nẻo. |
| C. Đấu tranh chống các tệ nạn chưa quyết liệt; nói mạnh làm nhẹ, mạnh với tội nhỏ, nhẹ với tội to, nể nang, ô dù bao che cho nhau. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Công tác tuyên truyền miệng phải đảm bảo những nguyên tắc cơ bản nào? |
| A. Tính Đảng, tính giai cấp; tính khoa học; tính khách quan. |
| B. Tính Đảng, tính giai cấp; tính khoa học; tính khách quan, chân thật; tính chiến đấu; tính phổ thông đại chúng; tính thời sự. |
| C. Tính Đảng, tính giai cấp; tính khoa học; tính thời sự. |
| D. Tính Đảng, tính giai cấp; tính khoa học; tính chiến đấu; tính phổ thông đại chúng; tính thời sự. |
|  |  Câu nói "...thực hành dân chủ là cái chìa khóa vạn năng có thể giải quyết mọi khó khăn" là của ai? |
| A. V.I.Lênin |
| B. Mác |
| C. Chủ tịch Hồ Chí Minh  |
| D. Lê Duẩn |
|  |  Thủ đoạn “Diễn biến hoà bình” trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá nào dưới đây của thế lực thù địch là quan trọng nhất? |
| A. Làm tan rã niềm tin. |
| B. Chi phối đầu tư và chiếm lĩnh thị trường. |
| C. Chia rẽ nội bộ và ngoại giao thân thiện. |
| D. Kết hợp các biện pháp kích động bạo loạn, lật đổ, răn đe can thiệp quân sự. |
|  |  Các nguyên tắc tự phê bình và phê bình theo tư tưởng Hồ Chí Minh là: |
| A. Nhằm mục đích để giúp nhau tiến bộ nên động cơ phải trong sáng, dựa trên “tình đồng chí thương yêu nhau”. |
| B. Phải có thái độ kiên quyết không khoan nhượng. |
| C. Tự phê bình và phê bình muốn có hiệu quả tốt cần có phương pháp tốt và phải có thái độ chân tình cầu thị, nói đúng ưu điểm và khuyết điểm, phê bình phải đúng lúc, có hoàn cảnh thích hợp. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Bạn cho biết ai là người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam? |
| A. Nguyễn Đức Cảnh. |
| B. Hà Huy Tập. |
| C. Nguyễn Ái Quốc. |
| D. Ngô Gia Tự |
|  |  Lời dặn dò “Hà Tĩnh phải làm sao cho tình hình nổi bật lên” được Chủ tịch Hồ Chí Minh nói trong hoàn cảnh nào ? |
| A. Dịp đoàn cán bộ của Hà Tĩnh ra Thái Bình học tập nghiên cứu thâm canh lúa, trên đường về được vào gặp Bác (ngày 6 - 7 - 1966). |
| B. Dịp Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Hà Tĩnh (15/6/1957). |
| C. Dịp Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh. |
| D. Dịp đoàn cán bộ của Hà Tĩnh ra Hà Nội. |
|  |  Chủ đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” năm 2022 của tỉnh Hà Tĩnh là: |
| A. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát huy ý chí tự lực, tự cường, khơi dậy khát vọng và truyền thống văn hóa con người Hà Tĩnh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. |
| B. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. |
| C. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. |
| D. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức,phong cách Hồ Chí Minh về xây dựng ý thức tôn trọng nhân dân, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, chăm lo đời sống nhân dân. |
|  |  Bộ Chính trị quyết định tổ chức cuộc vận động “ Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân bắt đầu từ năm nào? |
| A. 2006 |
| B. 2007 |
| C. 2008 |
| D. 2009 |
|  |  Ngày 15/5/2016, Bộ chính trị đã ban hành chỉ thị nào về đẩy mạnh “học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”? |
| A. Chỉ thị số 03-CT/TW. |
| B. Chỉ thị số 04-CT/TW |
| C. Chỉ thị số 05-CT/TW. |
| D. Chỉ thị số 06-CT/TW. |
|  |  “Nói và viết không đúng với quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nói không đi đôi với làm; hứa nhiều làm ít; nói một đằng, làm một nẻo; nói trong hội nghị khác, nói ngoài hội nghị khác; nói và làm không nhất quán giữa khi đương chức với lúc về nghỉ hưu” là nội dung trong nhóm biểu hiện nào mà Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) đã chỉ ra? |
| A. Biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị. |
| B. Biểu hiện về suy thoái đạo đức, lối sống. |
| C. Biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. |
| D. Cả 3 nhóm biểu hiện trên. |
|  |  Nội dung Chủ đề học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh năm 2023 của tỉnh Hà Tĩnh. |
| A. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát huy ý chí tự lực, tự cường, khơi dậy khát vọng và truyền thống văn hóa, con người Hà Tĩnh, phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. |
| B. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát huy ý chí tự lực, tự cường, khơi dậy khát vọng và truyền thống văn hóa, con người Hà Tĩnh, nỗ lực hoàn thành kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. |
| C. Đoàn kết toàn dân, thống nhất trong Đảng; nâng cao trách nhiệm nêu gương, xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. |
| D. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về ý chí tự lực, tự cường và khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc. |
|  |  Theo Chỉ thị số 05, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị, lấy kết quả học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là một trong những tiêu chuẩn đánh giá, bình xét, phân loại của tổ chức, cá nhân nào hằng năm? |
| A. Tập thể và cá nhân công chức, viên chức. |
| B. Cán bộ, đảng viên. |
| C. Công chức, viên chức. |
| D. Đảng viên, tổ chức đảng. |
|  |  Theo Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị nhấn mạnh, để việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh thời gian tới đạt hiệu quả thiết thực cần phải quán triệt, tập trung làm tốt ba nội dung nào sau đây? |
| A. Học tập, làm theo Bác và nêu gương của cán bộ, đảng viên. |
| B. Học tập, làm theo Bác và nêu gương của cán bộ chủ chốt. |
| C. Học tập, làm theo Bác và tăng cường công tác tuyên truyền. |
| D. Học tập, làm theo Bác và tăng cường công tác tư tưởng. |
|  |  Văn kiện Đai hội đai biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: "Phát triển con người toàn diện và xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc để văn hóa Việt Nam thực sự trở thành": |
| A. Động lực quan trọng để xây dựng và phát triển đất nước. |
| B. Sức mạnh chủ yếu để phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. |
| C. Sức mạnh nội sinh, động lực phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. |
| D. Mục tiêu và động lực của sự phát triển. |
|  |  Văn kiện Đại hội đai biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: "Tài năng, trí tuệ, phẩm chất của con người Việt Nam là": |
| A. Trung tâm phát triển quan trọng của đất nước. |
| B. Mục tiêu phát triển quan trọng của đất nước. |
| C. Động lực phát triển quan trọng của đất nước. |
| D. Trung tâm, mục tiêu và động lực phát triển quan trọng của đất nước. |
|  |  Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng được khai mạc vào ngày tháng năm nào? |
| A. 24/11/2019 |
| B. 24/11/2020 |
| C. 24/11/2021 |
| D. 24/11/2022 |
|  |  Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định mục tiêu tổng quát phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI: |
| A. Nước ta trở thành nước đang phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. |
| B. Nước ta trở thành nước đang phát triển có thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. |
| C. Nước ta trở thành nước phát triển, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. |
| D. Nước ta trở thành nước phát triển cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. |
|  |  Một trong các quan điểm chỉ đạo của Đảng ta tại Đại hội XIII đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phải quán triệt trong nhận thức và hoạt động thực tiễn là: |
| A. Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. |
| B. Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới của Đảng. |
| C. Kiên định các nguyên tắc xây dựng Đảng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa. |
| D. Cả 3 phương án trên. |
|  |  Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX xác định 1 trong năm chương trình trọng điểm của nhiệm kỳ 2020 - 2025 về xây dựng, phát triển văn hóa, con người đó là:  |
| A. Phát huy giá trị, bản sắc văn hóa, trí tuệ con người Hà Tĩnh, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy phát triển kinh tế số. |
| B. Tập trung đầu tư lĩnh vực văn hóa, khơi dậy giá trị con người Hà Tĩnh, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy phát triển kinh tế số. |
| C. Huy động mọi nguồn lực, tập trung xây dựng văn hóa, con người Hà Tĩnh, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế, thúc đẩy phát triển kinh tế số. |
| D. Khơi dậy ý chí, khát vọng, giá trị văn hóa, sức mạnh con người Hà Tĩnh, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy phát triển kinh tế số. |
|  |  Theo quy định hiện nay, cơ quan nào là Thường trực Ban chỉ đạo ở cấp huyện về thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở ? |
| A. Ban Tổ chức. |
| B. Ban Tuyên giáo. |
| C. Ban Dân vận. |
| D. Văn phòng. |
|  |  Mối quan hệ nào là mối quan hệ công tác giữa Ban Dân vận Trung ương với các tỉnh ủy, thành ủy, các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương? |
| A. Lãnh đạo. |
| B. Chỉ đạo |
| C. Phối hợp. |
| D. Hướng dẫn. |
|  |  Lĩnh vực nào thuộc chức năng tham mưu của Ban dân vận các cấp? |
| A. Xây dựng chương trình kế hoạch làm việc của cấp ủy. |
| B. Công tác tư tưởng. |
| C. Công tác bố trí cán bộ. |
| D. Công tác dân tộc, tôn giáo. |
|  |  Chỉ thị số 16/CT-TTg, ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong các cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới xác định mấy nội dung cần thực hiện tốt? |
| A. 6 nội dung. |
| B. 7 nội dung. |
| C. 8 nội dung. |
| D. 9 nội dung. |
|  |  Nội dung nào sau đây không phải là nội dung được nêu trong Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 20/10/2015 của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số? |
| A. Củng cố, xây dựng, thành lập các tổ chức hội quần chúng để thực hiện công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. |
| B. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cả hệ thống chính trị đối với công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. |
| C. Tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong các cơ quan nhà nước; rà soát, ban hành và thực hiện tốt chính sách dân tộc. |
| D. Xây dựng, củng cố tổ chức, bộ máy, đội ngũ cán bộ dân vận; đổi mới phương thức công tác dân vận ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số. |
|  |  Phong trào thi đua “Dân vận khéo” chính thức được Ban Dân vận Trung ương phát động năm nào? |
| A. Năm 2006 |
| B. Năm 2007 |
| C. Năm 2008 |
| D. Năm 2009 |
|  |  Cách thức tổ chức, tập hợp và vận động quần chúng nhân dân hiệu quả nhất? |
| A. Trực tiếp gặp mặt đối thoại với nhân dân. |
| B. Giáo dục, tuyên truyền. |
| C. Trao đổi các phương tiện thông tin. |
| D. Trao đổi, thảo luận. |
|  |  Mục tiêu được nêu trong Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá XI về "Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới" là mục tiêu nào sau đây? |
| A. Củng cố vững chắc lòng tin của nhân dân đối với Đảng; tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc và mối quan hệ máu thịt giữa Đảng với nhân dân. |
| B. Tập hợp, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. |
| C. Phát huy sức mạnh to lớn của nhân dân, tạo phong trào cách mạng rộng lớn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Nguyên tắc nào sau đây không phải là nguyên tắc về chính sách dân tộc của Đảng, Nhà nước ta ? |
| A. Bình đẳng giữa các dân tộc. |
| B. Đoàn kết, thương yêu giữa các dân tộc. |
| C. Giữ gìn hòa bình và ổn định xã hội. |
| D. Tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng tiến bộ. |
|  |  Đảng ta khẳng định nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là gì ? |
| A. Là công tác tuyên truyền, giáo dục. |
| B. Là công tác quản lý nhà nước về tôn giáo. |
| C. Là công tác vận động quần chúng. |
| D. Là công tác hướng dẫn, kiểm tra. |
|  |  Câu nói nào sau đây của Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về phong cách làm việc của cán bộ dân vận ? |
| A. Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong. |
| B. Dân là quý nhất, là quan trọng hơn hết, là “tối thượng”. |
| C. Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; thành công, thành công, đại thành công. |
| D. Óc nghĩ, mắt trông, tai nghe, chân đi, miệng nói, tay làm. |
|  |  Theo quan điểm của Đảng trong Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 03/6/2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khoá XI về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới” thì yếu tố nào dưới đây là động lực thúc đẩy phong trào quần chúng ? |
| A. Xây dựng cơ chế, chính sách, pháp luật. |
| B. Quan tâm tới lợi ích nhóm tiến bộ. |
| C. Phát huy quyền làm chủ, đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân. |
| D. Phát triển kinh tế hàng hóa, nhiều thành phần. |
|  |  Nhiệm vụ nào dưới đây không phải nhiệm vụ công tác tôn giáo được xác định trong Nghị quyết 25-NQ/TW, ngày 12/3/2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IX về công tác tôn giáo? |
| A. Kịp thời giải quyết các “điểm nóng” liên quan đến tôn giáo. |
| B. Tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động bình thường theo đúng chính sách và Phát luật của Nhà nước. |
| C. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng cuộc sống “tốt đời, đẹp đạo” trong quần chúng tín đồ, chức sắc. |
| D. Phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào có đạo; tự giác và phối hợp đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo. |
|  |  Hành vi nào sau đây không thuộc những hành vi cấm khi thực hiện dân chủ tại nơi làm việc ? |
| A. Xâm phạm an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, xâm phạm lợi ích của Nhà nước. |
| B. Xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động và người lao động. |
| C. Đấu tranh phê bình gay gắt với người sử dụng lao động. |
| D. Trù dập, phân biệt đối xử đối với người tham gia đối thoại, người khiếu nại, tố cáo. |
|  |  Đảng ta xác định động lực thúc đẩy phong trào nhân dân trong tình hình mới là gì? |
| A. Phát huy quyền làm chủ, đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân; kết hợp hài hòa các lợi ích; quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ công dân; chú trọng lợi ích trực tiếp của người dân; huy động sức dân phải đi đôi với bồi dưỡng sức dân; những gì có lợi cho dân thì hết sức làm, những gì có hại cho dân thì hết sức tránh. |
| B. Đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân; kết hợp hài hòa các lợi ích; quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ công dân; chú trọng lợi ích trực tiếp của người dân; huy động sức dân phải đi đôi với bồi dưỡng sức dân; những gì cho lợi cho dân thì hết sức làm, những gì có hại cho dân thì hết sức tránh. |
| C. Phát huy quyền làm chủ, đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân; kết hợp hài hòa các lợi ích; quyền lợi phải đi đôi với nghĩa vụ công dân; chú trọng lợi ích trực tiếp của người dân; những gì cho lợi cho dân thì hết sức làm, những gì có hại cho dân thì hết sức tránh. |
| D. Phát huy quyền làm chủ, đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân; kết hợp hài hòa các lợi ích; chú trọng lợi ích trực tiếp của người dân; huy động sức dân phải đi đôi với bồi dưỡng sức dân; những gì có lợi cho dân thì hết sức làm, những gì có hại cho dân thì hết sức tránh. |
|  |  Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII xác định chủ trương thực hiện dân chủ cơ sở là: |
| A. Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. |
| B. Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”, thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”. |
| C. Phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”, thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. |
| D. Trong mọi công việc của Đảng và Nhà nước, phải luôn quán triệt sâu sắc quan điểm “dân là gốc”, thật sự tin tưởng, tôn trọng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, kiên trì thực hiện phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”. |
|  |  Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị về Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị, việc vận động đoàn viên, hội viên, nhân dân chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền; phát huy vai trò nòng cốt chính trị tham gia lực lượng xung kích thuộc cơ quan nào? |
| A. Các ban Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. |
| B. Ban Dân vận chủ trì, phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, tổ chức có liên quan. |
| C. Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. |
| D. Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. |
|  |  Nghị quyết số 25-NQ/TW Trung ương VII (Khóa XI) ngày 03/6/2013 về “Tăng cường và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân vận trong tình hình mới” xác định mấy quan điểm? |
| A. 5 quan điểm. |
| B. 6 quan điểm. |
| C. 4 quan điểm. |
| D. 7 quan điểm. |
|  |  Nội dung Quy định số 11-QĐi/TW của Ban chấp hành Trung ương ban hành ngày 18/02/2019? |
| A. Quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân. |
| B. Quy định về trách nhiệm của người đứng đầu chính quyền các cấp trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân. |
| C. Quy định về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, giải quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo của công dân. |
| D. Quy định về trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng nhân dân trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân. |
|  |  Trong bài viết Dân vận đăng trên báo sự thật... chỉ rõ trong lúc thi hành công tác dân vận, cán bộ phải làm gì? |
| A. Phải theo dõi, giúp đỡ, đôn đốc, khuyến khích dân. |
| B. Phải thường xuyên kiểm tra công việc của nhân dân. |
| C. Phải thường xuyên kiểm tra, giám sát dân. |
| D. Phải khuyến khích, giúp đỡ, động viên nhân dân. |
|  |  Câu 10: Trong bài viết “dân vận” Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá như thế nào về lực lượng của dân và vai trò công tác dân vận? |
| A. “Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”. |
| B. “Lực lượng của dân rất lớn. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”. |
| C. “Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng.. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. |
| D. “Lực lượng của dân rất to. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công”. |
|  |  Phong trào thi đua Dân vận khéo hiện nay được triển khai với những cơ quan, tổ chức nào ? |
| A. Ngành dân vận toàn quốc.            |
| B. Cả hệ thống chính trị. |
| C. Chính quyền các cấp. |
| D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị -xã hội. |
|  |  Lĩnh vực nào sau đây không thuộc chức năng của Ban Dân vận các cấp? |
| A. Tham mưu cho cấp ủy triển khai, thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận. |
| B. Đoàn kết, tập hợp đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân vào các tổ chức. |
| C. Tham mưu cho cấp ủy về công tác tôn giáo, dân tộc. |
| D. Thẩm định các đề án, các văn bản có nội dung liên quan. |
|  |  Quyết định số 657-QĐ/TU, ngày 04/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành quy chế tiếp xúc, đối thoại trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp với Nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh quy định chế độ tiếp xúc, đối thoại như thế nào? |
| A. Tổ chức đối thoại định kỳ ít nhất 01 lần/năm ở cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. |
| B. Tổ chức đối thoại định kỳ ít nhất 01 lần/năm ở cấp tỉnh, cấp huyện; 02 lần/năm ở cấp xã. |
| C. Tổ chức đối thoại định kỳ ít nhất 02 lần/năm ở cấp tỉnh, cấp huyện; 03 lần/năm ở cấp xã. |
| D. Tổ chức đối thoại định kỳ ít nhất 01 lần/năm ở cấp tỉnh; 02 lần/năm ở cấp huyện, cấp xã. |
|  |  Chỉ thị số 33/CT-TTg, ngày 26/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục tăng cường và đổi mới công tác dân vận của cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới xác định mấy nội dung cần thực hiện tốt ? |
| A. 6 nội dung.      |
| B. 7 nội dung.      |
| C. 8 nội dung.     |
| D. 9 nội dung. |
|  |  Theo Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị (Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/07/2021 của Bộ Chính trị), việc phân công cán bộ trực tiếp phụ trách công tác dân vận ở chính quyền các cấp được quy định như thế nào? |
| A. Chính quyền các cấp phân công đồng chí Chủ tịch uỷ ban nhân dân phụ trách công tác dân vận của chính quyền. |
| B. Chính quyền các cấp phân công đồng chí Phó chủ tịch uỷ ban nhân dân phụ trách công tác dân vận của chính quyền. |
| C. Chính quyền các cấp phân công đồng chí Giám đốc Sở Nội vụ (hoặc Trưởng phòng nội vụ) phụ trách công tác dân vận của chính quyền. |
| D. Chính quyền các cấp phân công một đồng chí lãnh đạo uỷ ban nhân dân phụ trách công tác dân vận của chính quyền. |
|  |  Theo Hướng dẫn số 09-HD/BCĐ ngày 18/4/2022 của Ban Chỉ đạo phong trào “Dân vận khéo” tỉnh thì nội dung tiêu chí đánh giá điển hình “Dân vận khéo” trên lĩnh vực nào? |
| A. Về lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội. |
| B. Về lĩnh vực quốc phòng - an ninh. |
| C. Về xây dựng hệ thống chính trị. |
| D. Cả 4 lĩnh vực trên. |
|  |  Theo Quy định 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị về trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại trực tiếp với dân và xử lý những phản ánh, kiến nghị của dân; thời gian tiếp dân định kỳ của người đứng đầu cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được quy định như thế nào? |
| A. Người đứng đầu cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ít nhất 1 ngày trong 1 tháng. |
| B. Người đứng đầu cấp ủy cấp tỉnh ít nhất 1 ngày trong 1 tháng; người đứng đầu cấp ủy cấp huyện, cấp xã ít nhất 2 ngày trong 1 tháng. |
| C. Người đứng đầu cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện ít nhất 1 ngày trong 1 tháng; người đứng đầu cấp ủy cấp xã ít nhất 2 ngày trong 1 tháng. |
| D. Người đứng đầu cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã ít nhất 2 ngày trong 1 tháng. |
|  |  Trong Kết luận số 120-KL/TW, ngày 07/01/2016 của Bộ Chính trị về “tiếp tục đẩy mạnh, nâng cao chất lượng, hiệu quả việc xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở” Các đồng chí Ủy viên Trung ương, Ban Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban đảng, đảng đoàn cần làm gì để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở: |
| A. Trực tiếp chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị số 30-CT/TW; tăng cường phát huy dân chủ trong Đảng, đề cao trách nhiệm người đứng đầu và vai trò gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Chống quan liêu và cách hành vi xâm phạm quyền làm chủ của nhân dân. Phát huy, mở rộng dân chủ đi đôi với giữ nghiêm kỷ cương, kỷ luật. Kịp thời xử lý việc lợi dụng dân chủ, lôi kéo, kích động gây mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. |
| B. Tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động, thực hiện tốt hơn chế độ dân chủ đại diện. Tích cực rà soát, bổ sung, sửa đổi, ban hành mới văn bản pháp luật bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân, nhất là các quyền đã được Hiến pháp quy định. |
| C. Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục để hội viên, đoàn viên và nhân dân hiểu và thực hiện đúng các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ công dân; thực hiện tốt vai trò giám sát, phản biện xã hội, nhất là vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của nhân dân. |
| D. Lãnh đạo việc rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về xây dựng và thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tinh giản biên chế. |
|  |  Quyết định số 23-QĐ/TW, ngày 30/7/2021 của Bộ Chính trị về Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị; những chủ trương, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, các văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước về công tác dân vận có liên quan đến quyền, lợi ích của các tầng lớp nhân dân phải được lấy ý kiến tham gia của cơ quan nào trước khi ban hành thực hiện? |
| A. Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. |
| B. Ban Dân vận, Ban Tuyên giáo, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. |
| C. Các ban Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. |
| D. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. |
|  |  Theo Quyết định số 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, nội dung nào dưới đây không phải là quyền và trách nhiệm của chủ thể phản biện xã hội? |
| A. Xây dựng kế hoạch phản biện xã hội phù hợp với kế hoạch, yêu cầu phản biện của cơ quan, tổ chức cần phản biện. |
| B. Tổ chức đối thoại với cơ quan, tổ chức có yêu cầu phản biện khi cần thiết. |
| C. Đảm bảo bí mật nội dung thông tin phản biện theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có văn bản phản biện. |
| D. Tổ chức hội nghị nhân dân, thông báo kết quả phản biện để người dân giám sát. |
|  |  Chức năng và nhiệm vụ nào sau đây không thuộc chức năng và nhiệm vụ của Khối Dân vận xã, phường, thị trấn? |
| A. Phối hợp các thành viên trong Khối để tham mưu với cấp ủy tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận. |
| B. Phối hợp các hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể; giúp cấp ủy xử lý những vấn đề cụ thể liên quan đến công tác dân vận. |
| C. Giúp cấp ủy kiểm tra, thanh tra các hành vi tham nhũng của cán bộ, đảng viên ảnh hưởng tới mối quan hệ Đảng - Dân. |
| D. Thực hiện chế độ thông tin báo cáo với cấp ủy và Ban Dân vận cấp trên theo quy định. |
|  |  Trong cơ quan lãnh đạo của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cơ quan lãnh đạo nào mà cấp uỷ cùng cấp không lập đảng đoàn? |
| A. Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc. |
| B. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. |
| C. Hội Liên hiệp Phụ nữ. |
| D. Hội Nông dân. |
|  |  Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội phải đặt dưới sự lãnh đạo của tổ chức nào? |
| A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. |
| B. Đảng Cộng sản Việt Nam. |
| C. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam. |
| D. Đảng cộng sản Việt Nam và Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam. |
|  |  Kết luận số 32-KL/TW, ngày 30/3/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đảng đưa ra điều kiện về độ tuổi đối với lãnh đạo hội quần chúng do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ như thế nào? |
| A. Tuổi giới thiệu lần đầu hoặc tái cử lãnh đạo hội (chủ tịch, phó chỉ tịch hội) không quá 65 tuổi. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. |
| B. Tuổi giới thiệu lần đầu tham gia lãnh đạo hội (chủ tịch, phó chủ tịch hội) không quá 65 tuổi. Tuổi giới thiệu tái cử làm lãnh đạo hội không quá 70 tuổi. |
| C. Tuổi giới thiệu lần đầu hoặc tái cử lãnh đạo hội (chủ tịch, phó chủ tịch hội) không quá 65 tuổi. Đối với chủ tịch hội, trường hợp đặc biệt không quá 70 tuổi, do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. |
| D. Tuổi giới thiệu lần đầu hoặc tái cử lãnh đạo hội (chủ tịch, phó chủ tịch hội) không quá 65 tuổi. Trường hợp đặc biệt không quá 70 tuổi do cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định. |
|  |  Một trong những điểm mới về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được nêu trong Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đó là? |
| A. Phát huy vai trò của các tôn giáo tham gia đóng góp cho sự nghiệp phát triển đất nước. |
| B. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp của các tôn giáo cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước. |
| C. Phát huy vai trò và các nguồn lực của tôn giáo cho sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước. |
| D. Phát huy những giá trị văn hoá, đạo đức tốt đẹp và nguồn lực của các tôn giáo cho sự nghiệp phát triển đất nước. |
|  |  Quan điểm xây dựng nông nghiệp, nông dân, nông thôn tại Nghị quyết số 19-NQ/TW, ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng |
| A. Bảo đảm phát triển hài hòa giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, miền, địa phương; gắn kết chặt chẽ giữa phát triển công nghiệp, dịch vụ với nông nghiệp, giữa phát triển nông thôn bền vững với quá trình đô thị hóa theo hướng “nông nghiệp sinh thái, nông thôn hiện đại, nông dân văn minh”. |
| B. Xây dựng xã hội nông thôn ổn định, hoà thuận, dân chủ, có đời sống văn hoá phong phú, đậm đà bản sắc dân tộc, tạo động lực cho phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống nông dân. |
| C. Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.  |
| D. Phát triển nông nghiệp, nông thôn và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nông dân phải dựa trên cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với điều kiện của từng vùng, từng lĩnh vực. |
|  |  Luật Tín ngưỡng, tôn giáo nêu điều kiện nào để thành lập cơ sở đào tạo tôn giáo? |
| A. Có cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đào tạo. |
| B. Có địa điểm hợp pháp để đặt cơ sở đào tạo. |
| C. Có chương trình, nội dung đào tạo; có môn học về lịch sử Việt Nam và pháp luật Việt Nam trong chương trình đào tạo. |
| D. Cả 3 phương án trên |
|  | Những hành vi nào sau đây được coi là nghiêm cấm phân biệt đối xử, kỳ thị vì tín ngưỡng, tôn giáo? |
| A. Phân biệt đối xử, kỳ thị vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo. |
| B. Ép buộc, mua chuộc hoặc cản trở người khác theo hoặc không theo tín ngưỡng, tôn giáo. |
| C. Xúc phạm tín ngưỡng, tôn giáo. |
| D. Cả 3 phương án trên. |
|  |  Nhiệm vụ nào dưới đây không phải là nhiệm vụ của Ban Dân vận các cấp về công tác tôn giáo? |
| A.    Xây dựng, triển khai các phương án đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương. |
| B.    Tạo điều kiện cho các tôn giáo hoạt động bình thường theo đúng chính sách và Phát luật của Nhà nước. |
| C.    Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng cuộc sống “Tốt đời, đẹp đạo” trong quần chúng tín đồ, chức sắc. |
| D.    Phát huy tinh thần yêu nước của đồng bào có đạo; tự giác và phối hợp đấu tranh làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề tôn giáo. |
|  |  Có bao nhiêu tôn giáo được Nhà nước công nhận hoạt động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh? |
| A. 2 |
| B. 3 |
| C. 4 |
| D. 5 |
|  |  Quan điểm của Đảng về nội dung cốt lõi của công tác tôn giáo là gì? |
| A.    Là công tác quản lý nhà nước về tôn giáo. |
| B.    Là công tác đảm bảo an ninh trật tự. |
| C.    Là công tác vận động quần chúng. |
| D.    Là công tác đối ngoại tôn giáo. |
|  |  Những tôn giáo nào sau đây được công nhận cho phép hoạt động ở Hà Tĩnh? |
| A.    Công giáo, Phật Giáo, Tin Lành. |
| B.    Phật Giáo, Công Giáo, Đạo Hòa Hải. |
| C.    Phật Giáo, Công Giáo. |
| D.    Cả 3 đáp án trên. |
|  |  Dân tộc Chứt thuộc huyện nào ở Hà Tĩnh? |
| A.    Vũ Quang. |
| B.     Hương Khê. |
| C.     Hương Sơn. |
| D.    Có ở cả 03 huyện. |
|  |  Cơ quan nào là Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo công tác tôn giáo tỉnh? |
| A.    Ban Tôn giáo - Sở Nội vụ. |
| B.    Ủy ban mặt trận Tổ quốc tỉnh. |
| C.    Ban Dân vận Tỉnh ủy. |
| D.    Công an tỉnh. |
|  |  Chức năng nào sau đây không thuộc chức năng của Văn phòng Tỉnh ủy? |
| A. Tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy mà trực tiếp, thường xuyên là Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy. |
| B. Tổ chức, điều hành công việc lãnh đạo, chỉ đạo, phối hợp hoạt động các cơ quan tham mưu, giúp việc. |
| C. Tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại. |
| D. Là trung tâm thông tin tổng hợp phục vụ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy. |
|  |  Cách trình bày kỹ thuật văn bản của Đảng mặt trước trên khổ giấy có kích thước 210 x 297 (tiêu chuẩn A4) theo Hướng đẫn số 36-HD/VPTW, ngày 03/4/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng? |
| A. Cách mép trên trang giấy 20 mm, cách mép dưới trang giấy 15mm, cách mép trái trang giấy 35mm, cách mép phải trang giấy 15 mm. |
| B. Cách mép trên trang giấy 25 mm, cách mép dưới trang giấy 25mm, cách mép trái trang giấy 35mm, cách mép phải trang giấy 15 mm. |
| C. Cách mép trên trang giấy 20 mm, cách mép dưới trang giấy 20mm, cách mép trái trang giấy 30 mm, cách mép phải trang giấy 15 mm. |
| D. Cách mép trên trang giấy 20 mm, cách mép dưới trang giấy 20mm, cách mép trái trang giấy 25mm, cách mép phải trang giấy 15 mm. |
|  |  Theo Hướng dẫn số 36-HD/VPTW, ngày 03/4/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về thể thức và kỹ thuật trình vày văn bản của Đảng, thể thức đề ký của đồng chí bí thư, phó bí thư chi bộ là? |
| A. T/M BAN CHẤP HÀNH CHI BỘ. |
| B. T/M CHI ỦY. |
| C. T/M CHI BỘ. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Theo Hướng dẫn số 36-HD/VPTW, ngày 03/4/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về thể thức và kỹ thuật trình vày văn bản của Đảng, quy định trong công văn thì nội dung trích yếu được ghi dưới số và ký hiệu - với cỡ, kiểu chữ? |
| A. Cỡ chữ 14, kiểu chữ in thường. |
| B. Cỡ chữ 14, kiểu chữ in thường, nghiêng. |
| C. Cỡ chữ 12, kiểu chữ in thường. |
| D. Cỡ chữ 12, kiểu chữ in thường, nghiêng. |
|  |  Theo Hướng dẫn số 36-HD/VPTW, ngày 03/4/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về thể thức và kỹ thuật trình vày văn bản của Đảng, quy định phần nội dung văn bản - với cỡ, kiểu chữ? |
| A. Cỡ chữ 13, kiểu chữ in thường. |
| B. Cỡ chữ 16, kiểu chữ in thường. |
| C. Cỡ chữ 14-15, kiểu chữ in thường. |
| D. Cỡ chữ 12, kiểu chữ in thường. |
|  |  Theo Hướng dẫn số 36-HD/VPTW, ngày 03/4/2018 của Văn phòng Trung ương Đảng về thể thức và kỹ thuật trình vày văn bản của Đảng, quy định ký hiệu tên người đánh máy và số lượng bản phát hành - với cỡ, kiểu chữ? |
| A. Cỡ chữ 8, kiểu chữ in hoa, đứng. |
| B. Cỡ chữ 8, kiểu chữ in hoa, đậm. |
| C. Cỡ chữ 9, kiểu chữ in hoa. |
| D. Cỡ chữ 9, kiểu chữ in hoa, đậm. |
|  |  Nội dung nào sau đây phản ánh chính xác mối quan hệ giữa các cơ quan tham mưu giúp việc tỉnh ủy, thành ủy với cấp ủy trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy? |
| A. Là quan hệ phối hợp, trao đổi, hướng dẫn, góp ý trong thực hiện về công tác cán bộ theo phân cấp. |
| B. Là quan hệ phối hợp, trao đổi, hướng dẫn, góp ý trong thực hiện về công tác chuyên môn và công tác cán bộ theo phân cấp. |
| C. Là quan hệ phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra về công tác chuyên môn nghiệp vụ và công tác cán bộ theo phân cấp. |
| D. Là quan hệ phối hợp nghiên cứu, hướng dẫn triển khai nghị quyết, quyết định, chỉ thị, quy định, quy chế và kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được tỉnh ủy giao. |
|  |  Quy định nào sau đây về đóng dấu là đúng? |
| A. Đóng dấu trùm cả chữ ký. |
| B. Đóng dấu trùm 1/2 về trái chữ ký. |
| C. Đóng dấu trùm 1/2 về phải chữ ký. |
| D. Đóng dấu trùm 1/3 về trái chữ ký. |
|  |  Mỗi văn bản chính thức của Đảng phải có đủ bao nhiêu thành phần thể thức bắt buộc: |
| A. 8 |
| B. 9 |
| C. 10 |
| D. 11 |
|  |  Lĩnh vực nào thuộc chức năng tham mưu của Văn phòng cấp uỷ cấp trên cơ sở? |
| A. Tờ trình về việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. |
| B. Hướng dẫn công tác tuyên truyền giáo dục chính trị, tư tưởng. |
| C. Công tác kiểm tra, giám sát, thi hành kỷ luật đảng. |
| D. Xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ cấp uỷ. |
|  |  Theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, định hướng chỉ tiêu tham gia bảo hiểm y tế đến năm 2025 đạt bao nhiêu phần trăm dân số? |
| A. 75% |
| B. 85% |
| C. 95% |
| D. 100% |
|  |  Đồng chí hãy cho biết mức độ nào dưới đây thể hiện đúng tính chất, mức độ MẬT (từ thấp đến cao)? |
| A. Mật, tuyệt mật, tối mật. |
| B. Tối mật, mật, tuyệt mật. |
| C. Mật, tối mật, tuyệt mật. |
| D. Tuyệt mật, tối mật, mật. |
|  |  Lĩnh vực nào thuộc chức năng của Văn phòng cấp ủy? |
| A. Hướng dẫn, theo dõi về thể thức văn bản của Đảng. |
| B. Quy định về thể thức, thẩm quyền ban hành văn bản của Đảng. |
| C. Quyết định hủy bỏ các văn bản của Đảng ban hành không đúng thẩm quyền. |
| D. Tham mưu, đề xuất về công tác cán bộ của cấp ủy. |
|  |  Nội dung nào sau đây không đúng với quy định của Văn phòng cấp ủy khi tham mưu xây dựng nội dung công tác cho cấp ủy? |
| A. Chương trình công tác toàn khóa. |
| B. Chương trình công tác năm. |
| C. Quy chế hoạt động. |
| D. Chương trình công tác tuần. |
|  |  Các cơ quan tham mưu, giúp việc của cấp ủy không được ban hành loại văn bản nào? |
| A. Quyết định. |
| B. Đề án. |
| C. Thông cáo. |
| D. Nghị quyết. |
|  |  Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra chỉ tiêu đến năm 2025, tỉ lệ đô thị hóa đạt khoảng? |
| A. 30% |
| B. 35% |
| C. 40% |
| D. 45% |
|  |  Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra chỉ tiêu đến năm 2025 tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị ở mức là? |
| A. Dưới 4% |
| B. Dưới 4,5% |
| C. Dưới 5% |
| D. Dưới 5,5% |
|  |  Trong những văn bản sau đây, văn bản nào Bộ Chính trị không ban hành? |
| A. Nghị quyết. |
| B. Đề án. |
| C. Chiến lược. |
| D. Biên bản. |
|  |  Theo quy định hiện hành của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc tỉnh ủy, thành ủy thì các cơ quan tham mưu, giúp việc tỉnh ủy không có nhiệm vụ nào sau đây? |
| A. Ban hành nghị quyết, chỉ thị của Đảng. |
| B. Nghiên cứu, đề xuất. |
| C. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát; thẩm định, thẩm tra. |
| D. Phối hợp thực hiện một số nhiệm vụ do ban thường vụ, thường trực tỉnh ủy giao. |
|  |  Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) đã xác định các thành phần kinh tế nước ta gồm những thành phần kinh tế nào? |
| A. Kinh tế quốc doanh; kinh tế tập thể; kinh tế cá thể; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế gia đình. |
| B. Kinh tế nhà nước; kinh tế hợp tác xã; kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước. |
| C. Kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. |
| D. Kinh tế nhà nước; kinh tế tập thể; kinh tế tư nhân; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. |
|  |  Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra mục tiêu đến năm 2025 Việt Nam...? |
| A. Là nước đang phát triển, có công nghiệp theo hướng hiện đại, vượt qua mức thu nhập trung bình thấp. |
| B. Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. |
| C. Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình. |
| D. Trở thành nước phát triển, thu nhập cao. |
|  | Đâu là giải pháp đột phá của công tác xây dựng Đảng được Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra?  |
| A. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, nhất là công tác tổ chức, cán bộ.  |
| B. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng, xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội.  |
| C. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác tư tưởng, lý luận.  |
| D. Tiếp tục hoàn thiện thể chế về công tác xây dựng Đảng, nhất là công tác kiểm tra, giám sát. |
|  |  Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng nêu định hướng chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm 2021 - 2025 đạt khoảng |
| A. 5,5 - 6%/năm |
| B. 6,5 - 7%/năm |
| C. 6,0 - 7%/năm |
| D. 6,5 - 7,5%/năm |
|  |  Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra chỉ tiêu đến năm 2025, tỉ lệ lao động qua đào tạo là |
| A. 65% |
| B. 70% |
| C. 75% |
| D. 80% |
|  |  Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra chỉ tiêu đến năm 2025, tỉ lệ xã đạt tiêu chuẩn nông thôn mới tối thiểu là  |
| A. 70% |
| B. 75% |
| C. 80% |
| D. 85% |
|  |  Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng đề ra chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2025, GDP bình quân đầu người của nước ta là |
| A. Khoảng 4000 - 4.500 USD |
| B. Khoảng 4.500 – 5.000 USD |
| C. Khoảng 4.700 – 5.000 USD |
| D. Khoảng 5.000 – 5.500 USD |
|  |  Theo Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, đến năm 2025 kinh tế số đạt bao nhiêu phần trăm trong GDP? |
| A. Khoảng 15% |
| B. Khoảng 20% |
| C. Khoảng 25% |
| D. Khoảng 30% |
|  |  Theo Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018, bí mật nhà nước độ Mật có thời hạn bảo vệ là |
| A. 5 năm |
| B. 10 năm |
| C. 15 năm |
| D. 20 năm |
|  |  Phương châm của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 là: |
| A. Dân chủ - Đoàn kết - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển. |
| B. Đoàn kết - Kỷ cương -Dân chủ - Sáng tạo - Phát triển. |
| C. Đoàn kết - Dân chủ - Kỷ cương - Sáng tạo - Phát triển. |
| D. Đoàn kết - Dân chủ - Sáng tạo - Kỷ cương - Phát triển. |
|  |  Giai đoạn 2015 - 2020, tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hà Tĩnh đạt  |
| A. Gần 5% |
| B. Gần 5,5% |
| C. Gần 6% |
| D. Gần 6,5% |
|  |  Nội dung nào được nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 |
| A. Xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp, thương mại -dịch vụ phát triển. |
| B. Xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ phát triển. |
| C. Xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ phát triển. |
| D. Xây dựng Hà Tĩnh trở thành tỉnh có công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ -du lịch phát triển. |
|  |  Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra mục tiêu phấn đấu xây dựng tỉnh Hà Tĩnh trở thành tỉnh khá của cả nước vào năm nào |
| A. 2025 |
| B. 2030 |
| C. 2035 |
| D. 2040 |
|  |  Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra chỉ tiêu nhiệm kỳ 2020 - 2025, bình quân hằng năm kết nạp số đảng viên |
| A. Trên 2.300 |
| B. Trên 2.400 |
| C. Trên 2.500 |
| D. Trên 3.000 |
|  |  Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân |
| A. Trên 8% |
| B. Trên 9% |
| C. Trên 10% |
| D. Trên 11% |
|  |  Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra chỉ tiêu thu nhập bình quân đầu người |
| A. Trên 65 triệu đồng. |
| B. Trên 70 triệu đồng. |
| C. Trên 75 triệu đồng. |
| D. Trên 80 triệu đồng. |
|  |  Nội dung nào không nằm trong 5 Chương trình trọng điểm nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025  |
| A. Tiếp tục cơ cấu lại ngành nông nghiệp, kinh tế nông thôn, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, cải thiện toàn diện đời sống Nhân dân, xây dựng tỉnh đạt chuẩn nông thôn mới. |
| B. Đầu tư phát triển, chỉnh trang và nâng cao chất lượng đô thị. Xây dựng thành phố Hà Tĩnh có quy mô, kết cấu hạ tầng đồng bộ, từng bước hiện đại, thông minh, phấn đấu trở thành một trong những đô thị trung tâm vùng Bắc Trung Bộ. |
| C. Đẩy mạnh cải cách hành chính, tập trung xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, siết chặt kỷ luật, kỷ cương, gắn trách nhiệm người đứng đầu; tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi phục vụ người dân và doanh nghiệp. |
| D. Phát huy giá trị, bản sắc văn hóa, trí tuệ con người Hà Tĩnh, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, thúc đẩy phát triển kinh tế số. |
|  |  Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đề ra chỉ tiêu thu ngân sách cuối nhiệm kỳ 2020 - 2025 là bao nhiêu? |
| A. trên 28 nghìn tỷ đồng. |
| B. trên 26 nghìn tỷ đồng. |
| C. trên 25 nghìn tỷ đồng. |
| D. trên 27 nghìn tỷ đồng. |
|  |  Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025 đề ra chỉ tiêu GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 đạt bao nhiêu? |
| A. 100 triệu đồng . |
| B. 110 triệu đồng. |
| C. 120 triệu đồng. |
| D. 130 triệu đồng. |
|  |  Nghị quyết số 05-NQ/TU, ngày 22/5/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh có nội dung thế nào? |
| A. Về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tập trung, tích tụ ruộng đất gắn với xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025. |
| B. Về phát triển Khu Kinh tế Vũng Áng giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. |
| C. Về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. |
| D. Về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025”. |
|  |  Theo Quy chế làm việc số 05-QC/TU, ngày 30/10/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh, nội dung nào sau đây thuộc thẩm quyền Ban Thường vụ Tỉnh ủy có thẩm quyền cho ý kiến về chủ trương đầu tư đối với dự án nào sau đây? (ngoài các dự án thuộc thẩm quyền cho ý kiến của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh) |
| A. Dự án đầu tư công nhóm B có tổng mức đầu tư từ 200 tỷ đồng trở lên. |
| B. Dự án đầu tư công nhóm B có tổng mức đầu tư từ 300 tỷ đồng trở lên. |
| C. Dự án đầu tư công nhóm B có tổng mức đầu tư từ 200 tỷ đồng đến 250 tỷ đồng. |
| D. Dự án đầu tư công nhóm B có tổng mức đầu tư từ 100 tỷ đồng trở lên. |
|  |  Theo Quy chế làm việc số 05-QC/TU, ngày 30/10/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh, việc "quyết định chủ trương thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh (Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh) và đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền" thuộc thẩm quyền của: |
| A. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. |
| B. Ban Thường vụ Tỉnh ủy. |
| C. Thường trực Tỉnh ủy. |
| D. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh. |
|  |  Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đề ra chỉ tiêu đến năm 2025, số huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao ít nhất là  |
| A. 01 huyện |
| B. 02 huyện  |
| C. 03 huyện  |
| D. 04 huyện |
|  |  Nghị quyết số 04-NQ/TU, ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đề ra chỉ tiêu đến năm 2025, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đạt tối thiểu là |
| A. 50 triệu đồng/người/năm |
| B. 55 triệu đồng/người/năm |
| C. 60 triệu đồng/người/năm |
| D. 65 triệu đồng/người/năm |
|  |  Nghị quyết số 06-NQ/TU, ngày 18/11/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh đề ra chỉ tiêu giai đoạn 2021 - 2025, tập trung, tích tụ đất sản xuất nông nghiệp. |
| A. Khoảng 25.000ha |
| B. Khoảng 20.000ha |
| C. Khoảng 15.000ha |
| D. Khoảng 10.000ha |
|  |  Tính đến hết năm 2022, tỉnh Hà Tĩnh có bao nhiêu huyện thành phố thị xã hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới? |
| A. 8 |
| B. 9 |
| C. 10 |
| D. 11 |
|  |  Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng là ai? |
| A. Thủ tướng Chính phủ. |
| B. Tổng Bí thư. |
| C. Trưởng Ban Nội chính Trung ương. |
| D. Thường trực Ban Bí thư. |
|  |  Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá XI) đề ra nhiệm vụ thành lập cơ quan nào? |
| A. Ban Nội chính Trung ương và Ban Nội chính các tỉnh ủy, thành uỷ. |
| B. Ban Nội chính Trung ương và Ban Kinh tế Trung ương. |
| C. Ban Kinh tế Trung ương và Ban Nội chính các tỉnh, thành uỷ. |
| D. Ban Nội chính Trung ương; Ban Nội chính các tỉnh, thành uỷ và Ban Kinh tế Trung ương. |
|  |  Ban Nội chính tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương có nhiệm vụ nào sau đây? |
| A. Quyết định tiến hành thanh tra, kiểm tra khi phát hiện người, vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật. |
| B. Theo dõi, đôn đốc các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy thực hiện các chủ trương, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng. |
| C. Xử lý các trường hợp vi phạm của cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc tỉnh ủy về nhiệm vụ, công tác được giao. |
| D. Giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân gửi đến Ban Nội chính Tỉnh ủy. |
|  |  Theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, công dân có quyền gì trong công tác phòng, chống tham nhũng? |
| A. Công dân chỉ có quyền phát hiện  và  báo tin về hành vi tham nhũng. |
| B. Công dân chỉ có quyền giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng. |
| C. Công dân chỉ có quyền phát hiện, kiến nghị với cơ quan nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng. |
| D. Công dân có quyền phát hiện, phản ánh, tố cáo, tố giác, báo tin về hành vi tham nhũng và được bảo vệ, khen thưởng theo quy định của pháp luật; có quyền kiến nghị với cơ quan nhà nước hoàn thiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng và giám sát việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng. |
|  |  Theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác là bao nhiêu năm? |
| A. Từ đủ 02 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực. |
| B. Từ đủ 03 năm đến 06 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực. |
| C. Từ đủ 02 năm đến 04 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực. |
| D. Từ đủ 04 năm đến 05 năm theo đặc thù của từng ngành, lĩnh vực. |
|  |  Theo Luật Tố cáo năm 2018, người giải quyết tố cáo có quyền nào dưới đây? |
| A. Cản trở, gây khó khăn, phiền hà cho người tố cáo. |
| B. Thiếu trách nhiệm, phân biệt đối xử trong việc giải quyết tố cáo. |
| C. Tiết lộ họ tên, địa chỉ, bút tích của người tố cáo và thông tin khác làm lộ danh tính của người tố cáo. |
| D. Yêu cầu người tố cáo đến làm việc, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà người tố cáo có được. |
|  |  Theo Luật Tố cáo năm 2018, người bị tố cáo không có quyền nào dưới đây? |
| A. Được ủy quyền. |
| B. Được thông báo về nội dung tố cáo, việc gia hạn giải quyết tố cáo, đình chỉ, tạm đình chỉ việc giải quyết tố cáo, tiếp tục giải quyết tố cáo. |
| C. Được giải trình, đưa ra chứng cứ để chứng minh nội dung tố cáo là không đúng sự thật. |
| D. Được nhận kết luận nội dung tố cáo. |
|  |  Theo Luật Khiếu nại 2011, thời hiệu khiếu nại là bao lâu? |
| A. 90 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. |
| B. 60 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. |
| C. 30 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. |
| D. 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hành chính hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính. |
|  |  Nguyên tắc tiếp công dân được quy định như thế nào? |
| A. Việc tiếp công dân phải được tiến hành tại nơi tiếp công dân của cơ quan, tổ chức, đơn vị. |
| B. Việc tiếp công dân phải bảo đảm công khai, dân chủ, kịp thời; thủ tục đơn giản, thuận tiện; giữ bí mật và bảo đảm an toàn cho người tố cáo theo quy định của pháp luật; bảo đảm khách quan, bình đẳng, không phân biệt đối xử trong khi tiếp công dân. |
| C. Tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho công dân thực hiện việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh theo quy định của pháp luật. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Cơ quan nào sau đây thực hiện nhiệm vụ tham mưu giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy tổ chức giao ban định kỳ hàng tháng với các cơ quan nội chính tỉnh; đôn đốc, theo dõi, tổng hợp, báo cáo tiến độ giải quyết vụ án, vụ việc thuộc diện Thường trực Tỉnh ủy theo dõi, chỉ đạo? |
| A. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. |
| B. Thanh tra tỉnh. |
| C. Văn phòng Tỉnh ủy. |
| D. Ban Nội chính Tỉnh ủy. |
|  |  Trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy trong việc tiếp dân, đối thoại, xử lý, giải quyết phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân theo Quy định 11-QĐi/TW, ngày 18/02/2019 của Bộ Chính trị |
| A. Phân công cho đồng chí cấp phó thực hiện việc tiếp dân, kịp thời đối thoại với dân khi cần thiết và xử lý, giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân theo thẩm quyền. |
| B. Trực tiếp thực hiện việc tiếp dân, kịp thời đối thoại với dân khi cần thiết và xử lý, giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân theo thẩm quyền. |
| C. Phân công cho đồng chí chủ nhiệm ủy ban kiểm tra cùng cấp thực hiện việc tiếp dân, kịp thời đối thoại với dân khi cần thiết và xử lý, giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân theo thẩm quyền. |
| D. Phân công đồng chí chánh văn phòng cấp ủy cùng cấp thực hiện việc tiếp dân, kịp thời đối thoại với dân khi cần thiết và xử lý, giải quyết các phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của dân theo thẩm quyền. |
|  |  Theo Quy định số 32-QĐ/TW ngày 16/9/2021 của Bộ Chính trị khóa XIII Quy định về chức năng, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, Ban Chỉ đạo có các nhiệm vụ nào sau đây? |
| A. Tham mưu, đề xuất với Ban Bí thư xem xét, quyết định chủ trương, định hướng về cơ chế, chính sách, pháp luật, giải pháp phòng chống tham nhũng, tiêu cực. |
| B. Tham mưu, đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định chủ trương, định hướng về cơ chế, chính sách, pháp luật, giải pháp phòng chống tham nhũng, tiêu cực. |
| C. Tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị xem xét, quyết định chủ trương, định hướng về cơ chế, chính sách, pháp luật, giải pháp phòng chống tham nhũng, tiêu cực. |
| D. Tham mưu, để xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư xem xét, quyết định chủ trương, định hướng về cơ chế, chính sách, pháp luật, giải pháp phòng chống tham nhũng, tiêu cực. |
|  |  Hành vi nào dưới đây do người có chức vụ, quyền hạn trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước thực hiện không phải là hành vi tham nhũng? |
| A. Tham ô tài sản. |
| B. Nhận hối lộ. |
| C. Đưa hối lộ, môi giới hối lộ để giải quyết công việc của doanh nghiệp, tổ chức mình vì vụ lợi. |
| D. Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản. |
|  |  Theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, hành vi nào dưới đây là hành vi tham nhũng? |
| A. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ, công vụ vì vụ lợi. |
| B. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây ảnh hưởng với người khác để trục lợi. |
| C. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn sử dụng trái phép tài sản của Nhà nước vì vụ lợi. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Giải pháp nào dưới đây không phải là giải pháp phòng ngừa tham nhũng theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018? |
| A. Công khai, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức, đơn vị. |
| B. Minh bạch tài sản, thu nhập. |
| C. Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn. |
| D. Xử lý nghiêm minh đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật. |
|  |  Cơ quan nào sau đây không phải là cơ quan nội chính? |
| A. Tòa án nhân dân tối cao. |
| B. Viện kiểm sát nhân dân tối cao. |
| C. Thanh tra Chính phủ. |
| D. Ủy ban Kiểm tra Trung ương. |
|  |  Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng trực thuộc cơ quan nào? |
| A. Quốc hội. |
| B. Ban Bí thư Trung ương Đảng. |
| C. Bộ Chính trị. |
| D. Chính phủ. |
|  |  Theo Hiến pháp năm 2013 thì cơ quan nào thực hiện quyền tư pháp? |
| A. Sở Tư pháp và các phòng tư pháp cấp huyện.. |
| B. Viện Kiểm sát nhân dân. |
| C. Tòa án nhân dân. |
| D. Tất cả phương án còn lại. |
|  |  Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không được bố trí những người có quan hệ như thế nào với mình để giữ chức vụ quản lý về tổ chức nhân sự, kế toán - tài vụ, làm thủ quỹ cho cơ quan, tổ chức, đơn vị đó? |
| A. Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột. |
| B. Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em. |
| C. Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con. |
| D. Vợ hoặc chồng, anh chị em ruột. |
|  |  Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của ban nội chính tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương do cơ quan, tổ chức nào quy định? |
| A. Ban Bí thư. |
| B. Bộ Chính trị. |
| C. Tổng Bí thư. |
| D. Quốc hội. |
|  |  Theo Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, người tố cáo hành vi tham nhũng phải có trách nhiệm nào sau đây? |
| A. Phải gửi đơn đến đúng cơ quan có thẩm giải quyết tố cáo. |
| B. Phải tố cáo trung thực, nêu rõ họ, tên, địa chỉ của mình, cung cấp thông tin, tài liệu mà mình có và hợp tác với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo. |
| C. Phải nộp lệ phí cho cơ quan thụ lý đơn tố cáo. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Theo Luật Phòng, chống tham nhũng, cơ quan nào dưới đây không có đơn vị chuyên trách về phòng, chống tham nhũng? |
| A. Thanh tra Chính phủ. |
| B. Kiểm toán Nhà nước. |
| C. Bộ Công an. |
| D. Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. |
|  |  Việc công khai bản kê khai tài sản của người có nghĩa vụ kê khai được thực hiện ở các địa điểm nào sau đây? |
| A. Tại trụ sở ủy ban nhân dân nơi người đó cư trú. |
| B. Trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi người đó thường xuyên làm việc. |
| C. Trên phương tiện thông tin đại chúng. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp được thành lập ở những cấp nào? |
| A. Trung ương. |
| B. Tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc trung ương. |
| C. Quận ủy, huyện ủy, thành ủy, thị ủy. |
| D. Cả 3 đáp án còn lại. |
|  |  Ban Đối ngoại Trung ương Đảng không có chức năng nào? |
| A. Chỉ đạo, hướng dẫn công tác đối ngoại nhân dân. |
| B. Tổ chức thực hiện quan hệ đối ngoại của Đảng. |
| C. Quản lý, chỉ đạo các tổ chức Hữu nghị của Việt Nam đoàn kết với nhân dân các nước trên Thế giới. |
| D. Quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trong hệ thống đảng, đoàn thể, tổ chức nhân dân. |
|  |  Hãy cho biết, nội dung nào không phải là một khái niệm trong hoạt động đối ngoại của nước ta? |
| A. Đối ngoại Đảng. |
| B. Ngoại giao Nhà nước. |
| C. Đối ngoại nhân dân. |
| D. Ngoại giao Chính phủ. |
|  |  Đảng viên ra nước ngoài không được mang theo: |
| A. Hộ chiếu. |
| B. Chứng minh thư nhân dân. |
| C. Thẻ đảng viên. |
| D. Giấy phép lái xe ôtô. |
|  |  Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011) xác định phát triển kinh tế có vị trí như thế nào? |
| A. Là nhiệm vụ trọng tâm. |
| B. Là nhiệm vụ xuyên suốt và then chốt. |
| C. Là nhiệm vụ trước mắt và lâu dài. |
| D. Là nhiệm vụ trung tâm. |
|  |  Theo Quy định số 32-QĐ/TW, ngày 16/9/2021 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thì chức năng của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được Bộ chính trị quy định như thế nào? |
| A. Chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong phạm vi cả nước. |
| B. Chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong phạm vi cả nước. |
| C. Chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi cả nước. |
| D. Chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, giám sát công tác phòng, chống tham nhũng trong phạm vi cả nước. |
|  |  Theo Quy định số 32-QĐ/TW, ngày 16/9/2021 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thì Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực là cơ quan nào? |
| A. Ban Nội chính Trung ương. |
| B. Ủy ban Kiểm tra Trung ương. |
| C. Thanh tra Chính phủ. |
| D. Bộ Công an. |
|  |  Theo Quy định số 67-QĐ/TW, ngày 02/6/2022 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, chế độ làm việc, quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Ban Chỉ đạo cấp tỉnh) thì Ban Chỉ đạo cấp tỉnh gồm có bao nhiêu thành viên? |
| A. 13 |
| B. 14 |
| C. 15 |
| D. 16 |
|  |  Kết luận số 29-KL/TU, ngày 22/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh về tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đã quy định cán bộ, công chức, viên chức có bao nhiêu việc phải thực hiện thường xuyên? |
| A. 9 |
| B. 10 |
| C. 11 |
| D. 12 |
|  |  Kết luận số 29-KL/TU, ngày 22/7/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh về tiếp tục siết chặt kỷ luật, kỷ cương hành chính, nâng cao đạo đức công vụ trong cán bộ, chiến sỹ lực lượng vũ trang, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đã quy định cán bộ, công chức, viên chức có bao nhiêu việc không được làm? |
| A. 9 |
| B. 10 |
| C. 11 |
| D. 12 |
|  |  Theo Hướng dẫn số 25-HD/BCĐTW, ngày 01/8/2021, của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng chống tham nhũng, tiêu cực thì Vụ án tiêu cực được hiểu là: |
| A. Vụ án hình sự (ngoài vụ án tham nhũng) do cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thực hiện, liên quan đến hành vi tiêu cực của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. |
| B. Vụ án hình sự (ngoài vụ án tham nhũng) do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện, liên quan đến hành vi tiêu cực của họ. |
| C. Vụ án hình sự (gồm cả vụ án tham nhũng) do cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức thực hiện, liên quan đến hành vi tiêu cực của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. |
| D. Vụ án hình sự (gồm cả vụ án tham nhũng) do người có chức vụ, quyền hạn thực hiện, liên quan đến hành vi tiêu cực của họ. |
|  |  Theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng, thì những biện pháp phòng, chống tham nhũng bắt buộc nào được áp dụng đối với các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước? |
| A. Thực hiện công khai, minh bạch trong tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước. |
| B. Thực hiện việc kiểm sát xung đột lợi ích. |
| C. Thực hiện trách nhiệm và xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu khi để xảy ra tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức do mình quản lý. |
| D. Cả 03 phương án trên. |
|  |  Theo Nghị định số 59/2019/NĐ-CP, ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng thì tiêu chí nào không là tiêu chí thành phần đánh giá việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị, khu vực Nhà nước ? |
| A. Kết quả việc thực hiện công khai, minh bạch. |
| B. Kết quả kiểm soát xung đột, lợi ích. |
| C. Kết quả ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ. |
| D. Kết quả thực hiện văn minh công sở. |
|  |  Theo Nghị định 59/2019/NĐ-CP, ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật phòng, chống tham nhũng thì tiêu chí đánh giá nào không phải là tiêu chí thành phần đánh giá việc thu hồi tài sản tham nhũng? |
| A. Tổng số tiền, tài sản tham nhũng phải thu hồi và kết quả thu hồi. |
| B. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp hành chính. |
| C. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp tư pháp. |
| D. Kết quả thu hồi tài sản tham nhũng bằng biện pháp kê biên tài sản. |
|  |  Theo Nghị định số 130/2020/NĐ-CP, ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức đơn vị thì người dự kiến được bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải công khai các bản kê khai tài sản nào tại cuộc họp lấy phiếu tín nhiệm? |
| A. Bản kê khai lần đầu. |
| B. Bản kê khai phục vụ việc bổ nhiệm. |
| C. Bản kê khai hằng năm hoặc bản kê khai bổ sung liền trước đó. |
| D. Cả 03 phương án trên. |
|  |  Theo Luật An ninh mạng năm 2018 thì thông tin trên không gian mạng có nội dung tuyên truyền chống Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bao gồm? |
| A. Tuyên truyền xuyên tạc, phỉ báng chính quyền nhân dân. |
| B. Chiến tranh tâm lý, kích động chiến tranh xâm lược, chia rẽ, gây thù hận giữa các dân tộc, tôn giáo và nhân dân các nước. |
| C. Xúc phạm dân tộc, quốc kỳ, quốc huy, quốc ca, vĩ nhân, lãnh tụ, danh nhân, anh hùng dân tộc. |
| D. Tất cả các phương án còn lại.  |
|  |  Theo Luật Tiếp công dân năm 2013 thì người đứng đầu cơ quan hành chính có trách nhiệm tiếp công dân đột xuất trong trường hợp nào? |
| A. Vụ việc gay gắt, phức tạp, có nhiều người tham gia, liên quan đến trách nhiệm của nhiều cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc ý kiến của các cơ quan, tổ chức, đơn vị còn khác nhau. |
| B. Vụ việc nếu không chỉ đạo, xem xét kịp thời có thể gây ra hậu quả nghiêm trọng. |
| C. Vụ việc nếu không chỉ đạo, xem xét kịp thời có thể dẫn đến hủy hoại tài sản của Nhà nước, của tập thể, xâm hại đến tính mạng, tài sản của nhân dân, ảnh hưởng đến an ninh, chính trị, trật tự, an toàn xã hội. |
| D. Tất cả các phương án trên. |
|  |  Theo Luật Khiếu nại năm 2011 thì hình thức khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính gồm? |
| A. Đơn khiếu nại. |
| B. Khiếu nại trực tiếp. |
| C. Đơn khiếu nại hoặc khiếu nại trực tiếp. |
| D. Đơn khiếu nại hoặc hình thức khác. |
|  |  Theo Luật Khiếu nại năm 2011 thì người khiếu nại không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu thì có quyền? |
| A. Khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai. |
| B. Khởi kiện ra Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. |
| C. Chỉ được khiếu nại hai lần không được khởi kiện. |
| D. Khiếu nại đến người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần hai hoặc khởi kiện tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Đối với quyết định giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ thì có quyền khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. |
|  |  Theo Quy định số 04-QĐi/TW, ngày 25/7/2018 của Ban Bí thư thì cơ quan nào sau đây được giao chủ trì giúp thường trực tỉnh ủy tổ chức tiếp công dân? |
| A. Văn phòng Tỉnh ủy. |
| B. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. |
| C. Ban Nội chính Tỉnh ủy. |
| D. Ban Tiếp công dân tỉnh. |
|  |  Theo Quy chế tiếp xúc, đối thoại trực tiếp của người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp với Nhân dân trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh (Ban hành kèm theo Quyết định số 657-QĐ/TU, ngày 04/4/2018 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy) thì người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền các cấp có trách nhiệm tổ chức tiếp xúc, đối thoại định kỳ với Nhân dân bao nhiêu lần trong một năm? |
| A. Ít nhất 01 lần/năm. |
| B. Ít nhất 02 lần/năm. |
| C. Ít nhất 01 lần năm ở cấp tỉnh, cấp huyện; 02 lần/năm ở cấp xã. |
| D. Ít nhất 01 lần năm ở cấp tỉnh; 02 lần/năm ở cấp huyện, cấp xã. |
|  |  Theo Quy định số 46-QĐ/TW, ngày 03/12/2021 của Ban Bí thư thì nhiệm vụ tham mưu cho cấp ủy cấp huyện về công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực được giao cho? |
| A. Tòa án nhân dân cấp huyện. |
| B. Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện. |
| C. Ủy ban Kiểm tra cấp ủy cấp huyện. |
| D. Văn phòng cấp ủy cấp huyện. |
|  |  Tổ chức và hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được thực hiện theo nguyên tắc nào dưới đây? |
| A. Tự nguyện. |
| B. Hiệp thương dân chủ. |
| C. Phối hợp và thống nhất hành động. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được Hiến pháp quy định chính thức từ năm nào? |
| A. 1980 |
| B. 1992 |
| C. 2000 |
| D. 2013 |
|  |  Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là giám sát mang tính chất nào sau đây? |
| A. Quyền lực |
| B. Công cộng |
| C. Nhân dân |
| D. Quần chúng |
|  |  Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội được ban hành hành từ năm nào? |
| A. 1980 |
| B. 1992 |
| C. 2000 |
| D. 2013 |
|  |  Tổ chức nào sau đây là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp Trung ương? |
| A. Đảng Cộng sản Việt Nam. |
| B. Quốc hội. |
| C. Chính phủ. |
| D. Tòa án nhân dân tối cao. |
|  |  Vai trò giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội được khẳng định từ Đại hội Đại biểu toàn quốc Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ mấy? |
| A. VII |
| B. VIII |
| C. IX |
| D. X |
|  |  Hệ thống tổ chức của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được tổ chức theo mấy cấp? |
| A. Theo 3 cấp. |
| B. Theo 4 cấp. |
| C. Theo 5 cấp. |
| D. Theo 6 cấp. |
|  |  Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc nào sau đây? |
| A. Hiệp thương dân chủ. |
| B. Tập trung dân chủ. |
| C. Tự do dân chủ. |
| D. Tự do và tập trung dân chủ. |
|  |  Tổ chức nào sau đây không phải là tổ chức thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ? |
| A. Tổ chức chính trị. |
| B. Các tổ chức chính trị - xã hội. |
| C. Các tổ chức xã hội. |
| D. Các tổ chức nước ngoài ở Việt Nam. |
|  |  Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam được ban hành lần đầu năm nào? |
| A. 1999 |
| B. 2000 |
| C. 2001 |
| D. 2009 |
|  |  Tính chất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là gì? |
| A. Tính chính trị, tính đoàn kết giai cấp. |
| B. Tính liên minh chính trị, tính chất xã hội. |
| C. Tính chất xã hội, tính liên minh giai cấp. |
| D. Tính dân chủ, tính hiệp thương. |
|  |  Chức năng nào sau đây là của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam? |
| A. Giám sát và phản biện xã hội. |
| B. Làm công tác từ thiện, nhân đạo. |
| C. Tham mưu cho cấp ủy Đảng. |
| D. Tham gia hoạch định chính sách phát triển kinh tế-xã hội. |
|  |  Hình thức phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện nay là gì? |
| A. Tổ chức hội nghị. |
| B. Đối thoại trực tiếp. |
| C. Gửi dự thảo văn bản phản biện đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội phải đặt dưới sự lãnh đạo của tổ chức nào? |
| A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. |
| B. Đảng Cộng sản Việt Nam. |
| C. Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam. |
| D. Đảng cộng sản Việt Nam và Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam. |
|  |  Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có mối quan hệ như thế nào với các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị? |
| A. Uỷ ban Mặt trận giữ mối liên hệ và phối hợp công tác với các tổ chức thành viên. |
| B. Mối quan hệ bình đẳng, hoạt động độc lập. |
| C. Uỷ ban Mặt trận tạo điều kiện hỗ trợ giúp đỡ các thành viên hoạt động trong khuôn khổ Điều lệ của các thành viên. |
| D. Mối quan hệ hợp tác bình đẳng, đoàn kết, chân thành, tôn trọng lẫn nhau. |
|  |  Theo quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, chủ thể giám sát và phản biện xã hội là? |
| A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội. |
| B. Các cơ quan, tổ chức từ Trung ương đến cơ sở. |
| C. Các tổ chức chính trị - xã hội. |
| D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội từ Trung ương đến cơ sở, bao gồm: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Công đoàn Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. |
|  |  Theo Luật MTTQ Việt Nam hiện hành, Quyền và trách nhiệm của MTTQ Việt Nam là |
| A. Tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước. |
| B. Báo cáo Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ý kiến của Chính phủ về các dự án Luật, pháp lệnh do các cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình. |
| C. Xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trình Quốc hội. |
| D. Quyết định chính sách cụ thể thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế về kinh tế, phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. |
|  |  Nguyên tắc nào dưới đây là nguyên tắc giám sát và phản biện xã hội được quy định trong Quy chế giám sát và phản biện xã hội (theo Quyết định 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội)? |
| A. Thực hiện tốt vai trò dân chủ đại diện và phản biện xã hội. |
| B. Bảo đảm dân chủ, công khai, khách quan và mang tính xây dựng. |
| C. Có sự phối hợp chặt chẽ giữa tổ chức Đảng, chính quyền và các cơ quan liên quan. |
| D. Đảm bảo giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong tổ chức đảng. |
|  |  Trong Quy chế giám sát và phản biện xã hội (theo Quyết định 217-QĐ/TW, ngày 12/12/2013 về Quy chế giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội), nội dung nào dưới đây không phải là quyền và trách nhiệm của chủ thể phản biện xã hội? |
| A. Xây dựng kế hoạch phản biện xã hội phù hợp với kế hoạch, yêu cầu phản biện của cơ quan, tổ chức cần phản biện. |
| B. Tổ chức đối thoại với cơ quan, tổ chức có yêu cầu phản biện khi cần thiết. |
| C. Đảm bảo bí mật nội dung thông tin phản biện theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có văn bản phản biện. |
| D. Tổ chức hội nghị nhân dân, thông báo kết quả phản biện để người dân giám sát. |
|  |  Hiệp thương dân chủ là nguyên tắc tổ chức, hoạt động đặc thù của tổ chức nào sau đây: |
| A. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam. |
| B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. |
| C. Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam. |
| D. Hội Cựu chiến binh Việt Nam. |
|  |  Tổ chức nào không là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam? |
| A. Đảng Cộng sản Việt Nam. |
| B. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. |
| C. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam. |
| D. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. |
|  |  Hình thức nắm bắt, tập hợp ý kiến, kiến nghị, nguyện vọng của nhân dân của Mặt trận Tổ quốc việt Nam? |
| A. Qua truyền thông, đội ngũ dư luận xã hội. |
| B. Qua giám sát, đối thoại nhân dân, phản biện xã hội. |
| C. Qua báo cáo. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Theo Luật MTTQ Việt Nam hiện hành, MTTQ Việt Nam có vai trò: |
| A. Đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nhân dân. |
| B. Tập hợp, phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. |
| C. Là cơ sở chính trị của chính quyền Nhân dân. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Theo Quy định về việc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội và nhân dân tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, chủ thể góp ý là? |
| A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. |
| B. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận; các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. |
| C. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp; cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên, công chức, viên chức, người lao động và công dân (gọi chung là cá nhân). |
| D. Cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. |
|  |  Hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không thực hiện bằng các hình thức sau đây |
| A. Thông qua hoạt động kiểm tra. |
| B. Giám sát mang tính nhân dân, động viên nhân dân thực hiện quyền giám sát |
| C. Tham gia hoạt động giám sát với cơ quan quyền lực nhà nước. |
| D. Thông qua hoạt động của mình, tổng hợp ý kiến nhân dân và các thành viên của Mặt trận kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền biểu dương, khen thưởng người tốt, việc tốt, xem xét, giải quyết, xử lý những trường hợp vi phạm pháp luật. |
|  |  Theo Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Ngày truyền thống của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là: |
| A. Ngày 18 tháng 11 |
| B. Ngày 19 tháng 11 |
| C. Ngày 17 tháng 11 |
| D. Ngày 16 tháng 11 |
|  |  Chủ trì, phối hợp tổ chức hội nghị cử tri hoặc hội nghị đại diện cử tri để bầu thành viên Ban Thanh tra nhân dân là ai: |
| A. Trưởng Ban điều hành khu phố chủ trì, phối hợp với Trưởng Ban công tác Mặt trận, tổ trưởng tổ dân phố. |
| B. Tổ trưởng Tổ dân phố chủ trì, phối hợp Trưởng Ban công tác Mặt trận. |
| C. Đại diện Ban Thường trực Ủy ban MTTQ cấp xã chủ trì, phối hợp Trưởng Ban điều hành khu phố, tổ trưởng tổ dân phố. |
| D. Trưởng Ban công tác Mặt trận chủ trì, phối hợp với Trưởng Ban điều hành khu phố, tổ trưởng tổ dân phố. |
|  |  Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện hành được ban hành năm nào? |
| A. 2014 |
| B. 2015 |
| C. 2018 |
| D. 2019 |
|  |  Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiện hành quy định Mặt trận Tổ quốc có mấy hình thức giám sát? |
| A. Có 3 hình thức. |
| B. Có 5 hình thức.  |
| C. Có 4 hình thức. |
| D. Có 6 hình thức. |
|  |  Nội dung nào không phải trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia phòng, chống tham nhũng, lãng phí? |
| A. Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. |
| B. Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí; xác minh vụ việc tham nhũng, lãng phí; xử lý người có hành vi tham nhũng, lãng phí. |
| C. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền bảo vệ, khen thưởng đối với người có công phát hiện, tố cáo hành vi tham nhũng, lãng phí. |
| D. Ban hành quyết định xử lý |
|  |  Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam đã ban hành Đề án gì liên quan đến công tác thông tin, tuyên truyền? |
| A. Đề án Đổi mới công tác thông tin, tuyên truyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. |
| B. Đề án Đổi mới công tác tuyên truyền của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. |
| C. Đề án Đổi mới công tác thông tin của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. |
| D. Đề án nâng cao hiệu quả công tác chính trị tư tưởng, tuyên truyền vận động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. |
|  |  Trong cơ quan lãnh đạo của Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội cấp tỉnh, cơ quan lãnh đạo nào mà cấp uỷ cùng cấp không lập đảng đoàn? |
| A. Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. |
| B. Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. |
| C. Hội Liên hiệp Phụ nữ. |
| D. Hội Nông dân. |
|  |  Luật Tín ngưỡng, tôn giáo có hiệu lực từ ngày tháng năm nào? |
| A. Ngày 18 tháng 11 năm 2016 |
| B. Ngày 01 tháng 01 năm 2018  |
| C. Ngày 01 tháng 01 năm 2017  |
| D. Ngày 01 tháng 01 năm 2019  |
|  |  Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh có bao nhiêu Ban Đoàn kết Công giáo? |
| A. 12 |
| B. 13 |
| C. 14 |
| D. 15 |
|  |  Các đoàn thể chính trị - xã hội chủ trì phản biện xã hội trong phạm vi nào? |
| A. Các văn bản dự thảo về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. |
| B. Các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. |
| C. Các dự thảo văn bản về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên, tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể mình. |
| D. Các văn bản về chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của đoàn viên, hội viên, tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của đoàn thể mình. |
|  |  Đâu là chức năng trung tâm, là mục tiêu hoạt động của Công đoàn Việt Nam? |
| A. Đại diện, bảo về quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. |
| B. Tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội. |
| C. Tuyên truyền, vận động, giáo dục người lao động. |
| D. Tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp. |
|  |  Vai trò, trách nhiệm của Công đoàn được Hiến pháp nước ta ghi nhận thành một điều riêng biệt đầu tiên từ năm nào: |
| A. 1959 |
| B. 1980 |
| C. 1992 |
| D. 2013 |
|  |  Công đoàn Việt Nam không tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc nào? |
| A. Tập trung dân chủ. |
| B. Liên hệ mật thiết với người lao động. |
| C. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng. |
| D. Phù hợp với trình độ của đông đảo người lao động. |
|  |  Nội dung nào không phải là phương pháp hoạt động của công đoàn? |
| A. Phương pháp thuyết phục. |
| B. Tổ chức cho người lao động hoạt động. |
| C. Hoạt động bằng quy chế. |
| D. Hiệp thương. |
|  |  Trong những hành vi sau đây, hành vi nào không bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Công đoàn năm 2012? |
| A. Cản trở, gây khó khăn trong việc thực hiện quyền công đoàn. |
| B. Phân biệt đối xử hoặc có hành vi gây bất lợi đối với người lao động vì lý do thành lập, gia nhập và hoạt động công đoàn. |
| C. Sử dụng biện pháp kinh tế hoặc biện pháp khác gây bất lợi đối với tổ chức và hoạt động công đoàn; Lợi dụng quyền công đoàn để vi phạm pháp luật, xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. |
| D. Đấu tranh bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động khi bị xâm phạm. |
|  |  Theo Luật Công đoàn năm 2012, nội dung nào không thuộc trách nhiệm của Nhà nước đối với công đoàn? |
| A. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lao động, công đoàn và quy định khác của pháp luật có liên quan đến tổ chức công đoàn, quyền, nghĩa vụ của người lao động. |
| B. Thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý hành vi vi phạm pháp luật về công đoàn. |
| C. Phối hợp với Công đoàn chăm lo và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động. |
| D. Phối hợp với Công đoàn trong bố trí, sử dụng cán bộ công đoàn. |
|  |  Các phương pháp hoạt động của Công đoàn? |
| A. Thuyết phục. |
| B. Tổ chức cho quần chúng hoạt động. |
| C. Xây dựng hệ thống các quy chế và tổ chức hoạt động bằng quy chế. |
| D. Cả 3 đáp án còn lại. |
|  |  Nội dung nào sau đây là nhiệm vụ của cán bộ công đoàn? |
| A. Nêu gương về mọi mặt đối với đoàn viên và người lao động; tích cực bảo vệ chế độ, bảo vệ Đảng và tổ chức Công đoàn Việt Nam. |
| B. Là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động. |
| C. Tham gia triển khai thực hiện các chế độ, chính sách pháp luật, bảo đảm việc thực hiện quyền lợi của đoàn viên, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động. |
| D. Chủ trì tổ chức thực hiện quy chế dân chủ, tổ chức hội nghị cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị. |
|  |  Vai trò của tổ chức công đoàn trong quan hệ lao động ? |
| A. Đại diện bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho chủ doanh nghiệp. |
| B. Đại diện bảo vệ lợi ích của người lao động. |
| C. Là cầu nối của người lao động và chủ doanh nghiệp. |
| D. Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người lao động. |
|  |  Theo quy định của pháp luật, một cuộc đình công như thế nào là bất hợp pháp? |
| A. Không do tổ chức đại diện người lao động có quyền tổ chức và lãnh đạo đình công. |
| B. Vi phạm các quy định về trình tự, thủ tục tiến hành đình công theo quy định của pháp luật. |
| C. Khi tranh chấp lao động tập thể đang được cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật. |
| D. Tất cả các phương án trên. |
|  |  Điều mấy trong Hiến pháp nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam quy định riêng về tổ chức và hoạt động của tổ chức Công đoàn Việt Nam ? |
| A. Điều 9. |
| B. Điều 10. |
| C. Điều 11. |
| D. Điều 12. |
|  |  Đâu là nguyên tắc hoạt động của Công đoàn? |
| A. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng. |
| B. Liên hệ mật thiết với quần chúng. |
| C. Tập trung dân chủ. |
| D. Cả ba phương án trên. |
|  |  Người trúng cử cơ quan lãnh đạo công đoàn các cấp phải đạt được số phiếu bầu là bao nhiêu? |
| A. Quá ½ so với tổng số đại biểu được triệu tập dự đại hội, hội nghị. |
| B. Quá ½ so với tổng số đại biểu tham dự đại hội, hội nghị. |
| C. Quá ½ so với tổng số phiếu hợp lệ. |
| D. Quá ½ so với tổng số phiếu thu về. |
|  |  Hội nghị định kỳ của Ban chấp hành công đoàn cơ sở, nghiệp đoàn, công đoàn cơ sở thành viên họp ít nhất mấy tháng một lần? |
| A. 1 tháng |
| B. 2 tháng |
| C. 3 tháng |
| D. 6 tháng |
|  |  Luật Công đoàn năm 2012 có hiệu lực từ ngày tháng năm nào? |
| A. Ngày 01/01/2013 |
| B. Ngày 01/5/2013 |
| C. Ngày 01/7/2013 |
| D. Ngày 01/12/2013 |
|  |  Phong trào “Lao động giỏi, Lao động sáng tạo” do tổ chức nào phát động? |
| A. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. |
| B. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. |
| C. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh. |
| D. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. |
|  |  Nội dung nào không phải là nguyên tắc hoạt động của Công đoàn? |
| A. Đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng. |
| B. Liên hệ mật thiết với quần chúng. |
| C. Tập trung dân chủ. |
| D. Hiệp thương dân chủ. |
|  |  Theo quy định tại Luật Công đoàn năm 2012, quan hệ giữa Công đoàn với Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là quan hệ gì? |
| A. Lãnh đạo, chỉ đạo. |
| B. Hợp tác, phối hợp. |
| C. Lãnh đạo, phối hợp. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Luật Công đoàn năm 2012 do cơ quan nào ban hành? |
| A. Chính phủ. |
| B. Quốc hội. |
| C. Chủ tịch nước. |
| D. Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam. |
|  |  Mối quan hệ giữa Công đoàn với Nhà nước và các tổ chức chính trị xã hội là mối quan hệ nào sau đây ? |
| A. Mối quan hệ phối hợp. |
| B. Mối quan hệ chỉ đạo. |
| C. Mối quan hệ vừa phối hợp vừa chỉ đạo. |
| D. Cả ba phương án trên. |
|  |  Điều lệ Công đoàn Việt Nam (khóa XII) quy định: công đoàn cơ sở có bao nhiêu nhiệm vụ, quyền hạn? |
| A. 04 nhiệm vụ, quyền hạn. |
| B. 05 nhiệm vụ, quyền hạn. |
| C. 06 nhiệm vụ, quyền hạn. |
| D. 7 nhiệm vụ, quyền hạn. |
|  |  Theo Hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam (khóa XII): Ban Chấp hành Liên đoàn Lao động huyện, thị xã, thành phố, Công đoàn ngành địa phương và tương đương (gọi chung là công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở) có tối đa bao nhiêu ủy viên? |
| A. 23 ủy viên |
| B. 25 ủy viên |
| C. 27 ủy viên |
| D. 29 ủy viên |
|  |  Theo Hướng dẫn thi hành Điều lệ Công đoàn Việt Nam (khóa XII): Ban Chấp hành công đoàn cơ sở có tối đa bao nhiêu ủy viên? |
| A. 15 ủy viên |
| B. 17 ủy viên |
| C. 19 ủy viên |
| D. 23 ủy viên |
|  |  Theo Bộ luật Lao động năm 2019 quy định gồm có bao nhiêu loại hợp đồng lao động ? |
| A. 01 loại |
| B. 02 loại |
| C. 03 loại |
| D. 04 loại |
|  |  Người lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động nhưng phải báo trước cho người sử dụng lao động thời gian là bao nhiêu ? |
| A. Ít nhất 60 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn. |
| B. Ít nhất 30 ngày nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng. |
| C. Ít nhất 15 ngày làm việc nếu làm việc theo hợp đồng lao động xác định thời hạn có thời hạn dưới 12 tháng. |
| D. Không cần báo trước . |
|  |  Người giao kết hợp đồng lao động bên phía người lao động trường hợp nào sau đây là sai với luật lao động. |
| A. Người lao động từ đủ 17 tuổi trở lên. |
| B. Người lao động từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi khi có sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật của người đó. |
| C. Người chưa đủ 15 tuổi và người đại diện theo pháp luật của người đó. |
| D. Người lao động được những người lao động trong nhóm ủy quyền hợp pháp giao kết hợp đồng lao động. |
|  |  Theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam khóa XII, nghiệp đoàn cơ sở có bao nhiêu nhiệm vụ quyền hạn? |
| A. 3 nhiệm vụ, quyền hạn. |
| B. 4 nhiệm vụ, quyền hạn. |
| C. 5 nhiệm vụ, quyền hạn. |
| D. 6 nhiệm vụ, quyền hạn. |
|  |  Theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam khóa XII, công đoàn cấp trên trực tiếp đoàn cơ sở có bao nhiêu nhiệm vụ, quyền hạn chủ yếu? |
| A. 7 nhiệm vụ, quyền hạn. |
| B. 8 nhiệm vụ, quyền hạn. |
| C. 9 nhiệm vụ, quyền hạn. |
| D. 10 nhiệm vụ, quyền hạn. |
|  |  Theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam khoá XII, khi có đề nghị của công đoàn cấp dưới, công đoàn cấp trên có thể điều chỉnh kéo dài thời gian hoạt động của ban chấp hành lâm thời trong bao lâu? |
| A. Tối đa không quá 12 tháng. |
| B. Tối đa không quá 24 tháng. |
| C. Tối đa không quá 30 tháng. |
| D. Tối đa không quá 36 tháng. |
|  |  Tổng LĐLĐ Việt Nam quy định chủ đề hoạt động của năm 2023 là: |
| A. Tập trung phát triển đoàn viên, thành lập CĐCS. |
| B. Vì lợi ích đoàn viên. |
| C. Mỗi CĐCS một lợi ích đoàn viên. |
| D. Tất cả các nội dung trên. |
|  |  Theo Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh khóa XI, đối tượng nào sau đây chịu sự kiểm tra, giám sát của Đoàn |
| A. Ủy viên Ủy ban Kiểm tra của đoàn, đoàn viên và cán bộ đoàn. |
| B. Chi đoàn cơ sở, đoàn viên và cán bộ đoàn. |
| C. Chi đoàn, Chi đoàn cơ sở và cán bộ đoàn. |
| D. Tổ chức Đoàn, đoàn viên và cán bộ đoàn . |
|  |  Theo Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh khóa XI, Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh là: |
| A. Đại hội Đại biểu toàn quốc. |
| B. Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Mính. |
| C. Ban Chấp hành Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. |
| D. Ban Bí thư Trung ương Đoàn. |
|  |  Theo Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh khóa XI, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc nào? |
| A. Hợp tác, bình đẳng, phối hợp và thống nhất hành động. |
| B. Hiệp thương dân chủ. |
| C. Nguyên tắc tập trung dân chủ. |
| D. Đoàn kết, chân thành, tôn trọng lẫn nhau. |
|  |  Theo Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh khóa XI, điều kiện để thành lập Đoàn cơ sở là gì? |
| A. Có ít nhất 50 đoàn viên và 2 chi đoàn. |
| B. Có ít nhất 50 đoàn viên và 3 chi đoàn. |
| C. Có ít nhất 30 đoàn viên và 2 chi đoàn. |
| D. Có ít nhất 30 đoàn viên và 3 chi đoàn. |
|  |  Theo Điều lệ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh khóa XI, việc thành lập, chia tách, sáp nhập, hợp nhất hoặc giải thể một tổ chức Đoàn do: |
| A. Đoàn cấp trên trực tiếp quyết định. |
| B. Ban Bí thư Trung ương Đoàn quyết định. |
| C. Ban Chấp hành đoàn cùng cấp quyết định. |
| D. Đoàn cấp huyện/tương đương quyết định. |
|  |  Theo Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh khoá XI, đoàn viên danh dự có quyền và nghĩa vụ nào sau đây? |
| A. Được tham dự một số sinh hoạt và hoạt động của Đoàn. |
| B. Được tham gia thảo luận, hoạt động và đề xuất ý kiếnvề các công việc của Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi. |
| C. Tích cực tham gia vào công tác giáo dục đoàn viên, thanh thiếu nhi, tuyên truyền, mở rộng ảnh hưởng của Đoàn trong thanh thiếu nhi và xã hội. |
| D. Tất cả các đáp án trên. |
|  |  Theo Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh khoá XI, việc xây dựng Ban Chấp hành bảo đảm các yêu cầu cơ bản nào sau đây? |
| A. Đảm bảo tiêu chuẩn do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn quy định. |
| B. Đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ; đảm bảo tính thiết thực. |
| C. Đảm bảo tính kế thừa; đảm bảo độ tuổi bình quân. |
| D. Tất cả các đáp án trên. |
|  |  Theo Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh khoá XI, Đâu không phải là chức năng của tổ chức cơ sở Đoàn trong Quân đội nhân dân Việt Nam? |
| A. Giáo dục, rèn luyện đoàn viên thanh niên. |
| B. Tổ chức các phong trào hành động cách mạng của thanh niên, xung kích thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị. |
| C. Được trích tỷ lệ đoàn phí để phục vụ các hoạt động của Đoàn và một số quyền hạn như một cấp bộ đoàn do cấp bộ đoàn thành lập quy định. |
| D. Đại diện quyền lợi hợp pháp và chính đáng của đoàn viên thanh niên. |
|  |  Theo Luật Thanh niên năm 2020, Nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban quốc gia về Thanh niên Việt Nam do ai quy định? |
| A. Thủ tướng Chính phủ. |
| B. Chính phủ. |
| C. Bộ Nội vụ. |
| D. Quốc hội. |
|  |  Theo Luật Thanh niên năm 2020, hợp tác quốc tế về thanh niên phải bảo đảm nguyên tắc nào sau đây? |
| A. Bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với pháp luật mỗi nước, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên hoặc thông lệ quốc tế. |
| B. Bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với pháp luật mỗi nước, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên và thông lệ quốc tế. |
| C. Bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với pháp luật mỗi nước, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên. |
| D. Bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, phù hợp với pháp luật mỗi nước, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thông lệ quốc tế. |
|  |  Theo Luật Thanh niên năm 2020, Nhà nước đã ban hành chính sách nào đối với thanh niên tình nguyện? |
| A. Tạo lập các kênh thông tin để thanh niên được tiếp cận và tham gia hoạt động tình nguyện. |
| B. Xây dựng chương trình, dự án đưa thanh niên tình nguyện về làm việc tại các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo. |
| C. Khuyến khích tổ chức, cá nhân hỗ trợ thanh niên tham gia hoạt động tình nguyện vì lợi ích của cộng đồng, xã hội. |
| D. Tất cả các đáp án trên. |
|  |  Theo Luật Thanh niên năm 2020, các hoạt động đối ngoại thanh niên do tổ chức nào thực hiện? |
| A. Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam. |
| B. Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. |
| C. Hội Sinh viên Việt Nam. |
| D. Tất cả các đáp án trên. |
|  |  Theo Luật Thanh niên năm 2020, “Quan tâm chăm lo đời sống của người lao động là thanh niên; hỗ trợ để người lao động là thanh niên được học tập, tham gia hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao; chăm sóc và bảo vệ sức khỏe” là trách nhiệm của tổ chức nào đối với thanh niên? |
| A. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.  |
| B. Tổ chức xã hội. |
| C. Tổ chức kinh tế. |
| D. Cơ sở giáo dục. |
|  |  Theo Luật Thanh niên năm 2020, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm nào sau đây? |
| A. Ban hành nghị quyết về phát triển thanh niên tại địa phương để thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với thanh niên. |
| B. Lồng ghép các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển thanh niên khi xây dựng chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hằng năm và từng giai đoạn; Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác quản lý nhà nước về thanh niên; Quản lý, khai thác và công bố dữ liệu thống kê về thanh niên, chỉ số phát triển thanh niên tại địa phương. |
| C. Quyết định các chỉ tiêu, mục tiêu phát triển thanh niên trong nghị quyết phát triển kinh tế - xã hội của địa phương hằng năm và từng giai đoạn; Quyết định phân bổ dự toán ngân sách để tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật, chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển thanh niên tại địa phương. |
| D. Đáp án A và C đều đúng. |
|  |  Theo Luật Thanh niên năm 2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm đối thoại với thanh niên ít nhất mỗi năm mấy lần về các vấn đề liên quan đến thanh niên |
| A. 1 |
| B. 2 |
| C. 3 |
| D. 4 |
|  |  Đoàn TNCS Hồ Chí Minh được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc nào? |
| A. Hợp tác, bình đẳng, phối hợp và thống nhất hành động. |
| B. Hiệp thương dân chủ. |
| C. Nguyên tắc tập trung dân chủ. |
| D. Đoàn kết, chân thành, tôn trọng lẫn nhau. |
|  |  Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh giữa 2 kỳ đại hội là? |
| A. Đại hội đại biểu. |
| B. Ban chấp hành. |
| C. Ban thường vụ. |
| D. Cơ quan chuyên trách. |
|  |  Theo quy chế cán bộ đoàn, tuổi để lần đầu giữ chức Bí thư tỉnh Đoàn là bao nhiêu? |
| A. Không quá 33 tuổi. |
| B. Không quá 35 tuổi. |
| C. Không quá 37 tuổi. |
| D. Không quá 40 tuổi. |
|  |  “Năm Thanh niên tình nguyện” được Ban Bí thư Trung ương Đảng chọn là năm nào? |
| A. Năm 2011 |
| B. Năm 2012 |
| C. Năm 2013 |
| D. Năm 2014 |
|  |  “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa hồng vừa chuyên. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”. Câu nói trên được Bác Hồ nêu rõ trong dịp nào? |
| A. Trong Di chúc của Người. |
| B. Nhân dịp Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ II. |
| C. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ hai (họp từ ngày 20 đến ngày 26/3/1931). |
| D. Tại Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ III. |
|  |  Trong Điều lệ Đảng, Đảng ta đã xác định chức năng của Đoàn là? |
| A. Người giúp sức cho Đảng. |
| B. Là đội dự bị tin cậy của Đảng. |
| C. Là tổ chức hoạt động theo đường lối chủ trương của Đảng. |
| D. Là cánh tay đắc lực của Đảng. |
|  |  Theo Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cấp nào được thành lập Uỷ ban Kiểm tra Đoàn? |
| A. Cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, phường, thị trấn. |
| B. Cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. |
| C. Cấp Trung ương, cấp tỉnh, thành đoàn trực thuộc trung ương và cấp huyện, tương đương. |
| D. Các cấp đều được thành lập. |
|  |  Luật Thanh niên năm 2020, xác định vai trò của thanh niên như thế nào? |
| A. Thanh niên là lực lượng xã hội to lớn, xung kích, sáng tạo, đi đầu trong công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; có vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, hội nhập quốc tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội. |
| B. Thanh niên là tương lai của đất nước, là lực lượng xã hội hùng hậu, có tiềm năng to lớn, xung kích trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |
| C. Thanh niên là lực lượng xung kích cách mạng, rường cột của nước nhà, chủ nhân tương lai của đất nước. |
| D. Thanh niên là tương lai của đất nước, là lực lượng xung kích cách mạng, rường cột của nước nhà, có tiềm năng to lớn trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |
|  |  Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam là? |
| A. Tự nguyện, tự quản; Hiệp thương dân chủ; Đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau; Hợp tác bình đẳng, phối hợp và thống nhất hành động. |
| B. Tự nguyện, tự quản; Hiệp thương dân chủ; Đoàn kết, tôn trọng lẫn nhau; Hợp tác bình đẳng, phối hợp hành động. |
| C. Tự nguyện, tự quản; Hiệp thương dân chủ; Hợp tác bình đẳng, phối hợp và thống nhất hành động. |
| D. Tự nguyện, tự quản; Hiệp thương dân chủ; Đoàn kết tôn trọng lẫn nhau. |
|  |  Cơ quan lãnh đạo cao nhất của chi đoàn là gì? |
| A. Đại hội đại biểu cấp chi đoàn. |
| B. Đại hội đoàn viên. |
| C. Ban Chấp hành chi đoàn. |
| D. Đoàn cấp trên. |
|  |  Thanh niên có quyền và nghĩa vụ gì trong quản lý nhà nước và xã hội? |
| A. Nâng cao ý thức công dân, chấp hành pháp luật, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. |
| B. Được ứng cử, đề cử vào Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp theo quy định của pháp luật; được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị với cơ quan, tổ chức về những vấn đề mà mình quan tâm; tham gia góp ý xây dựng các chính sách, pháp luật liên quan đến thanh niên và các chính sách, pháp luật khác. |
| C. Tham gia tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Cơ quan tư vấn của Thủ tướng Chính phủ về công tác thanh niên là? |
| A. Ủy ban quốc gia về thanh niên Việt Nam. |
| B. Bộ Nội vụ. |
| C. Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. |
| D. Văn phòng Thủ tướng chính phủ. |
|  |  Luật Thanh niên năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày tháng năm nào? |
| A. Ngày 01 tháng 01 năm 2021. |
| B. Ngày 01 tháng 6 năm 2020. |
| C. Ngày 01 tháng 10 năm 2020. |
| D. Ngày 01 tháng 6 năm 2021. |
|  |  Đoàn Thanh niên Lao động chính thức mang tên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ mấy? |
| A. Lần thứ IV. |
| B. Lần thứ V. |
| C. Lần thứ VI. |
| D. Lần thứ VII. |
|  |  Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam có mục đích gì? |
| A. Đoàn kết, tập hợp giáo dục mọi tầng lớp thanh niên Việt Nam. |
| B. Đại diện, bảo vệ lợi ích hợp pháp của hội viên, thanh niên và tổ chức thành viên trước pháp luật và công luận. |
| C. Đoàn kết, tập hợp rộng rãi các tầng lớp thanh niên Việt Nam cùng phấn đấu cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. |
| D. Hướng dẫn và tạo điều kiện để Hội viên hoàn thiện nhân cách, trở thành công dân tốt, cống hiến tài năng và sức trẻ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. |
|  |  Hội Nông dân Việt Nam là tổ chức mang tính chất nào sau đây? |
| A. Chính trị - nghề nghiệp. |
| B. Xã hội - nghề nghiệp. |
| C. Xã hội từ thiện. |
| D. Chính trị - xã hội. |
|  |  Hội Nông dân là tổ chức Chính trị - Xã hội chịu sự lãnh đạo trực tiếp của ai? |
| A. Cấp uỷ cùng cấp. |
| B. Uỷ ban nhân dân cùng cấp. |
| C. Ban Dân vận cùng cấp. |
| D. Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp. |
|  |  Nội dung nào sau đây không thuộc chức năng của Hội Nông dân Việt Nam? |
| A. Tập hợp, vận động, giáo dục hội viên, nông dân phát huy quyền làm chủ, tích cực học tập nâng cao trình độ, năng lực về mọi mặt. |
| B. Đại diện giai cấp nông dân tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước và khối đại đoàn kết toàn dân tộc. |
| C. Chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng, hợp pháp của nông dân; tổ chức các hoạt động dịch vụ, tư vấn, hỗ trợ nông dân trong sản xuất, kinh doanh và đời sống. |
| D. Tham gia quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội. |
|  |  Phong trào nào do Hội Nông dân Việt Nam phát động và chỉ đạo? |
| A. Phong trào nông dân thi đua sản xuất, kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững. |
| B. Phong trào nông dân thi đua xây dựng nông thôn mới. |
| C. Phong trào nông dân tham gia bảo đảm quốc phòng an ninh. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Theo Điều lệ Hội Nông dân Việt Nam, hiện nay chi hội nông dân họp định kỳ mấy tháng 1 lần? |
| A. Mỗi tháng 1 lần. |
| B. 2 tháng 1 lần. |
| C. 3 tháng 1 lần. |
| D. 6 tháng 1 lần. |
|  |  Công cuộc xây dựng nông thôn mới hiện nay là nhiệm vụ của ai? |
| A. Của Nhà nước. |
| B. Của nông dân. |
| C. Của doanh nghiệp. |
| D. Của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội. |
|  |  Mối quan hệ giữa tổ chức Hội Nông dân Việt Nam các cấp với Ủy ban nhân dân cùng cấp được thực hiện theo nguyên tắc nào? |
| A. Phối hợp công tác. |
| B. Hiệp thương dân chủ. |
| C. Tham mưu, đề xuất. |
| D. Chỉ đạo công tác. |
|  |  Nghị quyết của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội Nông dân Việt Nam chỉ có giá trị khi nào? |
| A. Hơn ½ số ủy viên được triệu tập biểu quyết đồng ý. |
| B. 2/3 số ủy viên được triệu tập biểu quyết đồng ý. |
| C. 100% số ủy viên được triệu tập biểu quyết đồng ý. |
| D. ¾ số ủy viên được triệu tập biểu quyết đồng ý. |
|  |  Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” do ai phát động? |
| A. Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. |
| B. Thủ tướng Chính phủ. |
| C. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |
| D. Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam. |
|  |  Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới được thực hiện trên phạm vi? |
| A. Các huyện nghèo trong cả nước. |
| B. Các xã nghèo, đặc biệt khó khăn trong cả nước. |
| C. Vùng dân tộc và miền núi. |
| D. Địa bàn nông thôn của toàn quốc. |
|  |  Nhiệm kỳ Đại hội Hội Nông dân từ cấp Trung ương đến cấp cơ sở là mấy năm? |
| A. 5 năm |
| B. 4 năm |
| C. 3 năm |
| D. 2,5 năm |
|  |  Đâu là quyền lợi của Hội viên Hội Nông dân Việt Nam? |
| A. Được ứng cử, đề cử, bầu cử vào các cơ quan lãnh đạo của Hội |
| B. Được Hội hướng dẫn, giúp đỡ và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng. |
| C. Được dân chủ thảo luận và biểu quyết những công việc của Hội |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Hệ thống tổ chức Quỹ Hỗ trợ nông dân được hình thành mấy cấp? Cấp nào? |
| A. 1 cấp (Trung ương). |
| B. 2 cấp (Trung ương, tỉnh). |
| C. 3 Cấp (Trung ương, tỉnh, huyện). |
| D. 4 cấp (Trung ương, tỉnh, huyện, xã). |
|  |  Trong sự nghiệp xây dựng nông thôn mới hiện nay, lực lượng nào giữ vị trí là chủ thể? |
| A. Phụ nữ. |
| B. Thanh niên. |
| C. Công nhân. |
| D. Nông dân. |
|  |  Nghị Quyết số 26 -NQ/TW, ngày 05/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa X bàn về lĩnh vực nào sau đây? |
| A. Nông nghiệp, nông thôn. |
| B. Nông nghiệp, công nghiệp, nông thôn. |
| C. Nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp, nông thôn. |
| D. Nông nghiệp, nông dân, nông thôn. |
|  |  Đến tháng 12/2022 tỉnh Hà Tĩnh có bao nhiêu huyện đạt chuẩn NTM? Bao nhiêu thành, thị hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới? |
| A. 7 huyện, 2 thành, thị. |
| B. 8 huyện, 1 thành, thị. |
| C. 9 huyện, 1 thành, thị. |
| D. 9 huyện, 2 thành, thị. |
|  |  Nghị quyết số 72/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh quy định hỗ trợ người lao động tham gia BHXH tự nguyện với mức hỗ trợ như thế nào? |
| A. 15% |
| B. 20% |
| C. 25% |
| D. 30% |
|  |  Các chủ thể thực hiện chương trình OCOP là? |
| A. Tổ hợp tác, doanh nghiệp. |
| B. Hợp tác xã, doanh nghiệp. |
| C. Hợp tác xã; tổ hợp tác; hộ gia đình. |
| D. Tổ hợp tác; hợp tác xã; các hộ sản xuất có đăng ký kinh doanh; các doanh nghiệp nhỏ và vừa. |
|  |  Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đến năm 2025 tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh thế nào? |
| A. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 100%, trong đó nước đạt tiêu chuẩn đạt trên 72%. |
| B. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 95%, trong đó nước đạt tiêu chuẩn đạt trên 72%. |
| C. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 90%, trong đó nước đạt tiêu chuẩn đạt trên 70%. |
| D. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 85%, trong đó nước đạt tiêu chuẩn đạt trên 70%. |
|  |  Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045 đề ra mục tiêu về đào tạo nghề cho lao động nông thôn thế nào?  |
| A. Bình quân hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 1 triệu lao động nông thôn. |
| B. Bình quân hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 1,5 triệu lao động nông thôn. |
| C. Bình quân hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 2 triệu lao động nông thôn. |
| D. Bình quân hằng năm đào tạo nghề cho khoảng 2,5 triệu lao động nông thôn. |
|  |  Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 15/7/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án “Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới, giai đoạn 2021 - 2025” đề ra chỉ tiêu về sản phẩm, dịch vụ đạt chuẩn Ocop cấp tỉnh đến năm 2025? |
| A. Có ít nhất trên 150 sản phẩm, dịch vụ đạt chuẩn OCOP cấp tỉnh. |
| B. Có ít nhất trên 200 sản phẩm, dịch vụ đạt chuẩn OCOP cấp tỉnh.  |
| C. Có ít nhất trên 250 sản phẩm, dịch vụ đạt chuẩn OCOP cấp tỉnh.  |
| D. Có ít nhất trên 300 sản phẩm, dịch vụ đạt chuẩn OCOP cấp tỉnh. |
|  |  Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, có đề ra một trong những mục tiêu đến năm 2030 về ứng dụng các nền tảng số của các sản phẩm VietGap, globalGap, Ocop như thế nào? |
| A. 70% sản phẩm VietGap, GlobalGap, OCOP có ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá tiêu thụ sản phẩm, gắn với thương mại điện tử. |
| B. 80% sản phẩm VietGap, GlobalGap, OCOP có ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá tiêu thụ sản phẩm, gắn với thương mại điện tử. |
| C. 90% sản phẩm VietGap, GlobalGap, OCOP có ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá tiêu thụ sản phẩm, gắn với thương mại điện tử. |
| D. 100% sản phẩm VietGap, GlobalGap, OCOP có ứng dụng các nền tảng công nghệ số trong sản xuất, kinh doanh, quảng bá tiêu thụ sản phẩm, gắn với thương mại điện tử. |
|  |  Quỹ hỗ trợ nông dân tỉnh Hà Tĩnh thành lập vào năm nào? |
| A. 2014 |
| B. 2015 |
| C. 2016 |
| D. 2017 |
|  |  Hình thức nào sau đây được áp dụng trong việc bầu cơ quan lãnh đạo Hội Nông dân các cấp? |
| A. Biểu quyết bằng hình thức giơ tay. |
| B. Hiệp thương. |
| C. Bỏ phiếu kín. |
| D. Bổ nhiệm. |
|  |  Cơ quan nào tổ chức bình xét, tôn vinh "Nhà khoa học của nhà nông" |
| A. Bộ Khoa học công nghệ. |
| B. Bộ Công thương. |
| C. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. |
| D. Trung ương Hội Nông dân Việt Nam. |
|  |  Anh chị hãy cho biết các trường hợp không xét tặng danh hiệu Khu dân cư văn hóa? |
| A. Có khiếu kiện đông người và khiếu kiện vượt cấp trái pháp luật. |
| B. Có điểm, tụ điểm ma túy, mại dâm. |
| C. Có hoạt động lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật. |
| D. Cả 3 phương án trên. |
|  |  Tên phong trào chính của Hội Nông dân Việt Nam là gì? |
| A. Phong trào nông dân tham gia xây dựng Nông thôn mới. |
| B. Phong trào nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững. |
| C. Phong trào nông dân tham gia đảm bảo quốc phòng an ninh. |
| D. Cả 3 phương án trên. |
|  |  Quy định 797/QĐ/HNDTW ngày 29/7/2019 về Quy trình xem xét, thi hành kỷ luật đối với tổ chức Hội Nông dân được thực hiện qua mấy bước |
| A. 3 bước |
| B. 4 bước |
| C. 5 bước |
| D. 7 bước |
|  |  Theo Hướng dẫn số 205-HD/HNDTW ngày 10/7/2020 của Hội Nông dân Việt Nam thì Chi Hội, Tổ Hội Nông dân nghề nghiệp hoạt động theo nguyên tắc nào? |
| A. "5 tự", " 5 cùng" |
| B. "5 tự", "4 cùng" |
| C. "4 tự", "4 cùng" |
| D. Tất cả các đáp án trên đều sai |
|  |  Quyết định 673/QĐ-TTg, ngày 10/5/2011 của Thủ tướng Chính phủ quyết định Hội Nông dân Việt Nam chủ trì, trực tiếp thực hiện những nhiệm vụ nào? |
| A. Đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các Trung tâm Dạy nghề và Hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân cấp tỉnh; Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của Quỹ Hỗ trợ nông dân thuộc Hội Nông dân Việt Nam. |
| B. Xây dựng và nhân rộng mô hình kinh tế hợp tác sản xuất nông nghiệp và tiêu thụ nông sản. |
| C. Xây dựng và nhân rộng một số mô hình giảm nghèo bền vững vùng đặc biệt khó khăn. |
| D. xây dựng và nhân rộng các mô hình gia đình văn hóa, mô hình thôn, ấp, bản, làng văn hóa. |
|  |  Đại hội đại biểu Hội LHPN Hà Tĩnh khóa XVI, nhiệm kỳ 2021-2026 đã đề ra các khâu đột phá nào?  |
| A. Xây dựng mô hình “Gia đình 5 có – Nông thôn mới kiểu mẫu”, xây dựng nếp sống văn minh, giữ gìn giá trị văn hóa, hạnh phúc gia đình; Đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ, hướng đến liên kết, nâng cao thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống; Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động Hội, xây dựng đội ngũ cán bộ Hội và phát triển hội viên đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. |
| B. Tạo chuyển biến mới về chất lượng, hiệu quả phong trào thi đua và cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” gắn với xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh; Nâng cao chất lượng hoạt động tổ chức Hội cơ sở, xây dựng tổ chức Hội vững mạnh. |
| C. Đổi mới phương thức hoạt động Hội, trọng tâm là ứng dụng công nghệ thông tin; Tập trung xây dựng cơ sở Hội vững mạnh. |
| D. Nâng cao hiệu quả thực chất công tác giám sát, phản biện xã hội, tham mưu đề xuất chính sách góp phần giải quyết các vấn đề thiết thân của phụ nữ; Nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động Hội cơ sở; đa dạng hóa các hình thức tập hợp phụ nữ; phát huy quyền làm chủ của hội viên, phụ nữ. |
|  |  Nghị quyết số 18/NQ-BCH, ngày 08/01/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Hội LHPN Việt Nam, khóa XII về “Hỗ trợ phụ nữ hội nhập quốc tế đến năm 2030” đề cập đến những lĩnh vực nào sau đây? |
| A. Văn hoá, xã hội và khoa học - công nghệ.  |
| B. Kinh tế.  |
| C. An ninh, quốc phòng, đối ngoại |
| D. Cả 3 phương án trên. |
|  |  Nhiệm kỳ 2022-2027, Hội LHPN Việt Nam phát động phong trào thi đua nào? |
| A. Phong trào thi đua "Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc". |
| B. Phong trào thi đua "Giỏi việc nước, đảm việc nhà". |
| C. Phong trào thi đua "Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới". |
| D. Phong trào thi đua "Rèn luyện các phẩm chất : tự tin - tự trọng- trung hậu- đảm đang". |
|  |  Các nội dung của Phong trào thi đua "Xây dựng người phụ nữ Việt Nam thời đại mới" là gì? |
| A. Có hiểu biết, có trách nhiệm, có sức khỏe. |
| B. Có trách nhiệm, có đạo đức, có sức khỏe, có kỹ năng và kiến thức. |
| C. Có sức khỏe, có kiến thức, có kỹ năng, có trách nhiệm với gia đình và xã hội. |
| D. Có tri thức, Có đạo đức, Có sức khỏe, Có trách nhiệm với bản thân, với gia đình, xã hội và đất nước. |
|  |  Đại hội đại biểu phụ nữ Hà Tĩnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2021-2026 đề ra những nhiệm vụ trọng tâm nào? |
| A. Hỗ trợ phụ nữ phát triển, hội nhập và vun đắp giá trị tốt đẹp của gia đình Việt Nam. |
| B. Tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới. |
| C. Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, hoạt động chuyên nghiệp, hiệu quả. |
| D. Cả 3 ý . |
|  |  Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Đề án "Thí điểm xây dựng tỉnh Hà Tĩnh đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021 -2025, chỉ tiêu cấp xã được quy định là:  |
| A. 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, ít nhất 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có trên 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. |
| B. 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, ít nhất 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có trên 10% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. |
| C. 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, ít nhất 50% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có trên 15% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. |
| D. 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới, ít nhất 40% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, có trên 15% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu. |
|  |  Hội LHPN Việt Nam được phân công chủ trì thực hiện nội dung nào trong Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 tại Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tưởng Chính phủ ? |
| A. Triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025" và Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam. |
| B. Triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025" và cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch". |
| C. Triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025" và Vun đắp giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch". |
| D. Triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017-2025" và Vun đắp, gìn giữ giá trị tốt đẹp và phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam; thực hiện cuộc vận động "Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch" |
|  |  Cuộc vận động xây dựng "Gia đình 5 không 3 sạch" được Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động tại Nhiệm kỳ Đại hội đại biểu nào ? |
| A. Nhiệm kỳ Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ X. |
| B. Nhiệm kỳ Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XI. |
| C. Nhiệm kỳ Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XII. |
| D. Nhiệm kỳ Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII. |
|  |  Chương trình "Mẹ đỡ đầu" được Trung ương Hội LHPN Việt Nam phát động từ năm nào? |
| A. 2019 |
| B. 2020 |
| C. 2021 |
| D. 2022 |
|  |  Cuộc vận động xây dựng "Gia đình 5 không 3 sạch" đo Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động gồm những tiêu chí nào sau đây ?  |
| A. (5 không): Gia đình không đói nghèo; gia đình không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; gia đình không bạo lực; gia đình không sinh con thứ 3; gia đình không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học; (3): sạch nhà; sạch bếp; sạch ngõ. |
| B. (5 không): Gia đình không đói nghèo; gia đình không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; gia đình không bạo lực; gia đình không vi phạm chính sách dân số; gia đình không có trẻ bỏ học; (3): sạch nhà; sạch bếp; sạch ngõ. |
| C. (5 không): Gia đình không đói nghèo; gia đình không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; gia đình không bạo lực; gia đình không vi phạm chính sách dân số; gia đình không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học; (3 sạch): sạch nhà; sạch bếp; sạch ngõ. |
| D. (5 không): Gia đình không đói nghèo; gia đình không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; gia đình không vi phạm chính sách dân số; gia đình không có trẻ suy dinh dưỡng và bỏ học; (3 sạch): sạch nhà; sạch bếp; sạch ngõ. |
|  |  Cuộc vận động “Rèn luyện phẩm chất đạo đức: Tự tin, tự trọng, trung hậu, đảm đang” được phát động lần đầu tiên tại Đại hội đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ mấy? |
| A. Lần thứ XIII  |
| B. Lần thứ XII |
| C. Lần thứ X |
| D. Lần thứ XI |
|  |  Theo Điều lệ hiện hành, Hội LHPN Việt Nam có những chức năng gì?  |
| A. Đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ, tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước; đoàn kết, vận động phụ nữ thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới. |
| B. Đoàn kết, vận động phụ nữ thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới |
| C. Đại diện các tầng lớp phụ nữ, vận động phụ nữ thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; vận động xã hội thực hiện bình đẳng giới. |
| D. Đại diện chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của các tầng lớp phụ nữ, tham gia xây dựng Đảng, tham gia quản lý Nhà nước. Đại diện các tầng lớp phụ nữ, vận động phụ nữ thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. |
|  |  Theo quy định Điều lệ và Hướng dẫn thực hiện Điều lệ Hội hiện hành, các đối tượng nào dưới đây là hội viên đương nhiên của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam? |
| A. Nữ cán bộ, công chức, viên chức, công nhân lao động trong tổ chức công đoàn; phụ nữ trong lực lượng vũ trang. |
| B. Nữ cán bộ, công chức, viên chức, công nhân lao động trong tổ chức công đoàn; phụ nữ trong lực lượng vũ trang; phụ nữ trong các tổ chức thành viên của Hội. |
| C. Phụ nữ trong các tổ chức thành viên của Hội. |
| D. Nữ cán bộ, công chức, viên chức, công nhân lao động trong tổ chức công đoàn. |
|  |  Chủ đề Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh Hà Tĩnh lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2021-2026 là gì?  |
| A. “Đoàn kết, năng động, bình đẳng, phát triển”. |
| B. “ Năng động, sáng tạo, đổi mới, phát triển”. |
| C. “Đoàn kết, sáng tạo, khát vọng vươn lên, hội nhập, phát triển”. |
| D. “Đổi mới, sáng tạo, năng động, hội nhập, phát triển”. |
|  |  Theo quy định của Luật Bình đẳng giới, những hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm? |
| A. Cản trở nam, nữ thực hiện bình đẳng giới. |
| B.  Phân biệt đối xử về giới dưới mọi hình thức. |
| C. Bạo lực trên cơ sở giới. |
| D. Tất cả các hành vi trên. |
|  |  Quy định số 50-QĐ/TW ngày 27/12/2021 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác quy hoạch cán bộ quy định tỷ lệ cán bộ nữ quy hoạch cấp ủy và các chức danh lãnh đạo, quản lý các cấp là bao nhiêu? |
| A. Phấn đấu đạt từ 25% trở lên. |
| B. Phấn đấu đạt từ 15% trở lên. |
| C. Phấn đấu đạt từ 30% trở lên. |
| D. Phấn đấu đạt từ 20% trở lên. |
|  |  Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 15/7/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Hà Tĩnh Về xây dựng đội ngũ cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, nhất là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ đến năm 2030 và những năm tiếp theo quy định chỉ tiêu về cán bộ nữ đến đầu nhiệm kỳ 2025 - 2030 như thế nào? |
| A. Phấn đấu đạt tỷ lệ cán bộ nữ trong cấp ủy cấp tỉnh từ 15% trở lên; 100% ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện có cán bộ nữ. Phấn đấu trên 40% ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có cán bộ nữ trong ban lãnh đạo.  |
| B. Phấn đấu đạt tỷ lệ cán bộ nữ trong cấp ủy cấp tỉnh từ 10% trở lên; 100% ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện có cán bộ nữ. Phấn đấu trên 40% ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có cán bộ nữ trong ban lãnh đạo. |
| C. Phấn đấu đạt tỷ lệ cán bộ nữ trong cấp ủy cấp tỉnh từ 15% trở lên; 90% ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện có cán bộ nữ. Phấn đấu trên 30% ban, sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có cán bộ nữ trong ban lãnh đạo. |
| D. Phấn đấu đạt tỷ lệ cán bộ nữ trong cấp ủy cấp tỉnh từ 15% trở lên; 100% ban thường vụ cấp ủy cấp tỉnh, cấp huyện có cán bộ nữ.  |
|  |  Hệ thống Hội LHPN Việt Nam gồm có mấy cấp? |
| A. Gồm 3 cấp: Trung ương, tỉnh, huyện.  |
| B. Gồm 4 cấp: Trung ương, tỉnh, huyện, cơ sở.  |
| C. Gồm 5 cấp: Trung ương, tỉnh, huyện, cơ sở, chi hội.  |
| D. Gồm 6 cấp: Trung ương, tỉnh, huyện, cơ sở, chi hội, tổ hội. |
|  |  Chức năng của cơ quan chuyên trách Hội Liên hiệp phụ nữ cấp tỉnh, cấp huyện được quy định như thế nào trong Quy định số 212-QĐ/TW ngày 30/12/2019 của Ban Bí thư? |
| A. Tham mưu, giúp việc cho ban chấp hành Hội LHPN cùng cấp. |
| B. Tham mưu trực tiếp cho ban thường vụ hội liên hiệp phụ nữ cùng cấp  |
| C. Là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác hội theo Điều lệ Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các quy định của Đảng, Nhà nước có liên quan. |
| D. Tham mưu, giúp việc cho ban chấp hành mà trực tiếp, thường xuyên là ban thường vụ hội liên hiệp phụ nữ cùng cấp lãnh đạo, chỉ đạo công tác hội; đồng thời là cơ quan chuyên môn, nghiệp vụ về công tác hội theo Điều lệ Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các quy định của Đảng, Nhà nước có liên quan. |
|  |  Điều lệ Hội LHPN Việt Nam khóa XIII quy định các hình thức kỷ luật nào đối với tổ chức Hội? |
| A. Khiển trách, cảnh cáo. |
| B. Cảnh cáo, thôi công nhận. |
| C. Giải thể. |
| D. Khiển trách, cảnh cáo, giải thể. |
|  |  Chỉ thị 06-CT/TW của Ban Bí thư về “Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác xây dựng gia đình trong tình hình mới” ban hành vào ngày tháng năm nào? |
| A. Ngày 20/6/2021. |
| B. Ngày 24/6/2021. |
| C. Ngày 15/5/2021. |
| D. Ngày 10/6/2021. |
|  |  Bác Hồ viết “Phụ nữ chiếm một nửa tổng số nhân dân. Để xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải thật sự giải phóng phụ nữ và tôn trọng quyền lợi của phụ nữ. Hiến pháp và pháp luật của nước ta đã quy định rõ điều đó. Vì thế, Hội Phụ nữ và Đoàn thanh niên phải phụ trách tuyên truyền và giáo dục một cách rộng khắp và bền bỉ cho mỗi gia đình hiểu rõ pháp luật Nhà nước và thấm nhuần đạo đức xã hội chủ nghĩa về vấn đề ấy. Bà con trong làng xóm và trong khu phố cần phải có trách nhiệm ngăn ngừa, không để những việc phạm pháp như vậy xảy ra và bản thân chị em phụ nữ phải có chí tự cường tự lập, phải đấu tranh để bảo vệ quyền lợi của mình” trong bài viết nào? |
| A. Bài nói tại Hội nghị cán bộ thảo luận Luật Hôn nhân và gia đình ngày 10/10/1959 |
| B. Bài viết “Phải thật sự tôn trọng quyền của phụ nữ” ngày 23/10/1960 |
| C. Bài nói chuyện tại Đại hội Phụ nữ toàn quốc lần thứ III ngày 9/3/1961 |
| D. Phát biểu tại Đại hội liên hoan Phụ nữ “năm tốt” (ngày 30/4/1964) |
|  |  Đại hội Đại biểu phụ nữ toàn quốc lần thứ XIII, nhiệm kỳ 2022 - 2027 đề ra bao nhiêu nhiệm vụ trọng tâm? |
| A. 2 |
| B. 4 |
| C. 3 |
| D. 5 |
|  |  Bác Hồ dành tặng phụ nữ Việt Nam bức trướng thêu 8 chữ vàng: “Anh hùng - Bất khuất - Trung hậu - Đảm đang” vào thời gian nào? |
| A. Ngày 8/3/1965, nhân kỷ niệm 55 năm ngày quốc tế phụ nữ (1910-1965)  |
| B. Ngày 20/10/1965, nhân kỷ niệm 35 năm ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam. |
| C. Ngày 20/10/1970, nhân kỷ niệm 40 năm ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam. |
| D. Ngày 20/10/1960, nhân kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Hội LHPN Việt Nam. |
|  |  Theo quy định của Điều lệ Hội LHPN Việt Nam khóa XIII, Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc nào? |
| A. Hiệp thương dân chủ. |
| B. Phê bình và tự phê bình. |
| C. Tự nguyện, liên hiệp, thống nhất, hành động. |
| D. Tự nguyện, dân chủ, liên hiệp, thống nhất hành động. |
|  |  Phong trào thi đua “Phụ nữ tích cực học tập, lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc” được phát động lần đầu tiên tại Đại hội Phụ nữ Toàn quốc lần thứ mấy? |
| A. Lần thứ VII. |
| B. Lần thứ VIII. |
| C. Lần thứ IX. |
| D. Lần thứ X. |
|  |  Luật Bình đẳng giới quy định hình thức xử lý nào đối với hành vi vi phạm pháp luật về bình đẳng giớí? |
| A. Góp ý, phê bình. |
| B. Cảnh cáo khiển trách. |
| C. Phê bình cánh cáo. |
| D. Xử lý kỷ luật, xử lý hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. |
|  |  Theo quy định của Điều lệ Hội LHPN Việt Nam khóa XIII, nội dung nào sau đây quy định điều kiện trở thành hội viên của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam? |
| A. Tất cả phụ nữ Việt Nam. |
| B. Tất cả phụ nữ Việt Nam; tán thành Điều lệ Hội. |
| C. Phụ nữ Việt Nam từ 18 tuổi trở lên; không phân biệt dân tộc, tôn giáo, nghề nghiệp, nơi cư trú; tán thành Điều lệ Hội và tự nguyện tham gia tổ chức Hội thì được công nhận là hội viên. |
| D. Phụ nữ Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, tự nguyện tham gia tổ chức Hội thì được công nhận là hội viên. |
|  |  Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 đặt chỉ tiêu đến năm 2030 có bao nhiêu các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ? |
| A. Đạt 60 % |
| B. Đạt 65 % |
| C. Đạt 70 % |
| D. Đạt 75% |
|  |  Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2030 đặt chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2025, tỷ lệ dân số được tiếp cận kiến thức cơ bản về bình đẳng giới đạt: |
| A. 60% |
| B. 65% |
| C. 80% |
| D. 85% |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đề ra mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính đến năm 2025 là ? |
| A. Tối thiểu 80% thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%. |
| B. Tối thiểu 75% thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%. |
| C. Tối thiểu 85% thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%. |
| D. Tối thiểu 90% thủ tục hành chính của các bộ, ngành, địa phương, có đủ điều kiện, được cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4. Trong số đó, ít nhất 80% thủ tục hành chính được tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia. Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến mức độ 3 và 4 trên tổng số hồ sơ đạt tối thiểu 50%. |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đề ra mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính đến năm 2025 là ? |
| A. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%. |
| B. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%. |
| C. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 80%. |
| D. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 75%. |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đề ra mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính đến năm 2025 là ? |
| A. 90% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời. |
| B. 80% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời. |
| C. 85% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời. |
| D. 95% thủ tục hành chính nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và cập nhật kịp thời. |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đề ra mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính đến năm 2025 là ? |
| A. 80% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó. |
| B. 90% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó. |
| C. 85% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó. |
| D. 75% người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính trước đó. |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đề ra mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính đến năm 2030 là ? |
| A. 100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 50% trở lên. |
| B. 100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 60% trở lên. |
| C. 100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 55% trở lên. |
| D. 100% thủ tục hành chính, có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 65% trở lên. |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đề ra mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính đến năm 2030 là ? |
| A. 90% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử. |
| B. 100% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử. |
| C. 95% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử. |
| D. 85% số lượng người dân, doanh nghiệp tham gia hệ thống Chính phủ điện tử. |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đề ra mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính đến năm 2030 là ? |
| A. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 90%. |
| B. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 95%. |
| C. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%. |
| D. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 80%. |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đề ra mục tiêu về cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước đến năm 2025 là |
| A. Giảm tối thiểu bình quân cả nước 10% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021. |
| B. Giảm tối thiểu bình quân cả nước 11% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021. |
| C. Giảm tối thiểu bình quân cả nước 12% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021. |
| D. Giảm tối thiểu bình quân cả nước 13% số lượng đơn vị sự nghiệp công lập và 10% biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước so với năm 2021. |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 có mấy quan điểm ? |
| A. 5 quan điểm |
| B. 6 quan điểm |
| C. 4 quan điểm |
| D. 7 quan điểm |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 mục tiêu về cải cách thể chế đến năm 2030 là ? |
| A. Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ và vận hành có hiệu quả thể chế của nền hành chính hiện đại. |
| B. Thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. |
| C. Tạo được bước đột phá trong huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thúc đẩy phát triển đất nước. |
| D. Cả 3 phương án còn lại |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đề ra mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính đến năm 2025 là ? |
| A. Cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 20% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020. |
| B. Cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 23% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020. |
| C. Cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 22% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020. |
| D. Cắt giảm, đơn giản hóa tối thiểu 25% số quy định và cắt giảm tối thiểu 20% chi phí tuân thủ quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh tại các văn bản đang có hiệu lực thi hành tính đến hết ngày 31 tháng 5 năm 2020. |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đề ra mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính đến năm 2025 là ? |
| A. Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. |
| B. Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. |
| C. Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, giảm thời gian đi lại, chi phí xã hội và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp. |
| D. Hoàn thành việc đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng nâng cao chất lượng phục vụ, không theo địa giới hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin. |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đề ra mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính đến năm 2025 là ? |
| A. Tối thiểu 80% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử. |
| B. Tối thiểu 90% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử. |
| C. Tối thiểu 85% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử. |
| D. Tối thiểu 75% hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử. |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đề ra mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính đến năm 2025 là ? |
| A. Tối thiểu 80% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên. |
| B. Tối thiểu 90% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên. |
| C. Tối thiểu 85% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên. |
| D. Tối thiểu 75% thủ tục hành chính có yêu cầu nghĩa vụ tài chính, được triển khai thanh toán trực tuyến, trong số đó, tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 30% trở lên. |
|  |  Nghị quyết số 76/NQ-CP, ngày 15/7/2021 của Chính phủ, ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 đề ra mục tiêu về cải cách thủ tục hành chính đến năm 2025 là ? |
| A. Giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 20% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. |
| B. Giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 25% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. |
| C. Giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 30% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. |
| D. Giai đoạn 2022 - 2025, mỗi năm tăng tối thiểu 35% đối với mỗi cấp hành chính cho đến khi đạt tỷ lệ 100% để đảm bảo việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử. |
|  |  Đâu là nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức quy định tại Luật cán bộ, công chức năm 2008? |
| A. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự quản lý của Nhà nước. |
| B. Đảm bảo sự kết hợp giữa con người và chức danh, vị trí việc làm. |
| C. Đảm bảo sự công bằng, dân chủ. |
| D. Đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ. |
|  |  Nội dung nào trong các nội dung sau là những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ theo quy định Luật cán bộ, công chức năm 2008? |
| A. Tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội |
| B. Bảo đảm quyền học tập, nghiên cứu khoa học |
| C. Lợi dụng, lạm dụng nhiệm vụ, quyền hạn; sử dụng thông tin liên quan đến công vụ để vụ lợi. |
| D. Hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở, phương tiện đi lại, chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật |
|  |  Luật cán bộ, công chức năm 2008 quy định một trong những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến bí mật nhà nước? |
| A. Tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật nhà nước dưới mọi hình thức |
| B. Tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật nhà nước khi chưa được phép của cơ quan có thẩm quyền. |
| C. Tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật nhà nước theo quy định. |
| D. Tiết lộ thông tin liên quan đến bí mật nhà nước trong cơ quan, đơn vị công tác. |
|  |  Đâu là những việc cán bộ, công chức không được làm liên quan đến đạo đức công vụ quy định tại Luật cán bộ, công chức năm 2008? |
| A. Phân biệt, đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức. |
| B. Có tác phong lịch sự |
| C. Giữ gìn uy tín, danh dự cho cơ quan, tổ chức, đơn vị và đồng nghiệp. |
| D. Cán bộ, công chức phải gần gũi với nhân dân. |
|  |  Công chức bị kỷ luật giáng chức hoặc cách chức thì thời hạn nâng lương bị kéo dài là bao nhiêu? |
| A. 12 tháng |
| B. 9 tháng |
| C. 6 tháng |
| D. 3 tháng |
|  |  Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động không hoàn thành nhiệm vụ được giao hằng năm, thì thời hạn nâng lương bị kéo dài là bao nhiêu: |
| A. 12 tháng |
| B. 9 tháng |
| C. 6 tháng |
| D. 3 tháng |
|  |  Cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý cán bộ, công chức phải thông báo cho cán bộ bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu trước bao nhiêu tháng tính đến ngày cán bộ nghỉ hưu: |
| A. 12 tháng |
| B. 9 tháng |
| C. 6 tháng |
| D. 3 tháng |
|  |  Thời hạn bổ nhiệm công chức là bao nhiêu năm (trừ trường hợp thực hiện theo pháp luật chuyên ngành và của cơ quan có thẩm quyền)? |
| A. 2 năm |
| B. 3 năm |
| C. 4 năm |
| D. 5 năm |
|  |  Theo Luật cán bộ, công chức năm 2008, “từ chức” được định nghĩa như thế nào? |
| A. Là việc cán bộ, công chức được thôi giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm. |
| B. Là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý không được tiếp tục giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm. |
| C. Là việc cán bộ không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ. |
| D. Là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý đề nghị được thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm. |
|  |  Theo Luật cán bộ, công chức năm 2008, “miễn nhiệm” được định nghĩa như thế nào? |
| A. Là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý không được tiếp tục giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm. |
| B. Là việc cán bộ, công chức lãnh đạo, quản lý đề nghị được thôi giữ chức vụ khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm. |
| C. Là việc cán bộ không được tiếp tục giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ. |
| D. Là việc cán bộ, công chức được thôi giữ chức vụ, chức danh khi chưa hết nhiệm kỳ hoặc chưa hết thời hạn bổ nhiệm. |
|  |  Hoạt động nào không nằm trong nội dung quản lý công chức? |
| A. Xây dựng kế hoạch, quy hoạch cán bộ công chức. |
| B. Ban hành quy chế làm việc của các tổ chức trong hệ thống chính trị. |
| C. Quy định chức danh và cơ cấu cán bộ. |
| D. Tổ chức thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ,chính sách đãi ngộ đối với cán bộ, công chức. |
|  |  Công chức vi phạm quy định Luật cán bộ, công chức năm 2008 và các quy định khác của pháp luật tùy theo tính chất, mức độ mà phải chịu một trong các hình thức kỷ luật từ thấp đến cao như thế nào ? |
| A. Khiển trách, cảnh cáo, cách chức, buộc thôi việc. |
| B. Khiển trách, hạ bậc lương, cách chức, buộc thôi việc. |
| C. Cảnh cáo, cách chức, giáng chức, buộc thôi việc. |
| D. Khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, giáng chức, cách chức, buộc thôi việc. |
|  |  Đâu không phải là nguyên tắc trong thi hành công vụ theo quy định của Luật cán bộ, công chức năm 2008? |
| A. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật |
| B. Bảo đảm thứ bậc hành chính và sự phối hợp chặt chẽ |
| C. Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát |
| D. Tận tuỵ phục vụ nhân dân |
|  |  Chế độ nào sau đây không phải chế độ công vụ? |
| A. Chế độ trách nhiệm. |
| B. Chế độ kỷ luật. |
| C. Chế độ thụ hưởng. |
| D. Chế độ phục vụ nhân dân. |
|  |  Theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008, đâu không phải là nghĩa vụ của cán bộ, công chức đối với Đảng, Nhà nước và nhân dân? |
| A. Trung thành với Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; bảo vệ danh dự Tổ quốc và lợi ích quốc gia. |
| B. Tôn trọng nhân dân, tận tụy phục vụ nhân dân. |
| C. Liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân. |
| D. Đại diện quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân. |
|  |  Nội dung nào không thuộc nội dung đánh giá cán bộ theo Luật Cán bộ, công chức năm 2008? |
| A. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lề lối làm việc. |
| B. Tham gia các hoạt động đoàn thể. |
| C. Tinh thần trách nhiệm trong công tác. |
| D. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao. |
|  |  Nội dung nào sau đây không phải là nghĩa vụ của cán bộ, công chức trong thi hành công vụ? |
| A. Thực hiện đúng, đầy đủ và chịu trách nhiệm về kết quả thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao. |
| B. Có ý thức tổ chức kỷ luật. |
| C. Chủ động và phối hợp chặt chẽ trong thi hành công vụ. |
| D. Bảo vệ, quản lý và sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài sản doanh nghiệp giao cho. |
|  |  Nội dung nào sau đây không thuộc quyền của cán bộ, công chức được bảo đảm các điều kiện thi hành công vụ? |
| A. Được giao quyền tương xứng với nhiệm vụ. |
| B. Được bảo đảm các trang thiết bị và các điều kiện làm việc theo quy định của pháp luật. |
| C. Được tăng lương trước thời hạn. |
| D. Được pháp luật bảo vệ khi thi hành công vụ. |
|  |  Điều kiện nào sau đây không phải là điều kiện đăng ký dự tuyển công chức? |
| A. Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam. |
| B. Đủ 20 tuổi trở lên. |
| C. Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng. |
| D. Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp. |
|  |  Quản lý cán bộ bao gồm những nội dung chính nào dưới đây? |
| A. Tuyển chọn, bố trí, phân công, điều động và luân chuyển cán bộ, phân cấp quản lý cán bộ. |
| B. Đánh giá cán bộ; quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ; Khen thưởng, kỷ luật cán bộ; thực hiện chế độ chính sách cán bộ. |
| C. Kiểm tra, giám sát công tác cán bộ, giải quyết khiếu nại, tố cáo về cán bộ. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Thi nâng ngạch đối với công chức nhằm mục đích để? |
| A. Đánh giá, tuyển chọn và bố trí công chức vào các vị trí chuyên môn nghiệp vụ cao hơn. |
| B. Tuyển dụng công chức. |
| C. Làm căn cứ xét lương và phụ cấp cho phù hợp. |
| D. Làm cơ sở xây dựng cơ cấu công chức của các cơ quan, tổ chức. |
|  |  Nguyên tắc nào không phải là nguyên tắc trong thi hành công vụ? |
| A. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật. |
| B. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ trách nhiệm cá nhân và phân công, phân cấp rõ ràng. |
| C. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. |
| D. Công khai, minh bạch, đúng thẩm quyền và có sự kiểm tra, giám sát. |
|  |  Theo quy định của Luật cán bộ, công chức năm 2008, trường hợp nào sau đây là cán bộ? |
| A. Giám đốc Sở |
| B. Bộ trưởng.  |
| C. Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh. |
| D. Trưởng phòng Nội vụ huyện. |
|  |  Trường hợp nào sau đây công chức bị xem xét xử lý kỷ luật bằng hình thức “khiển trách” theo Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ “Quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức”? |
| A. Vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước. |
| B. Vi phạm quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo. |
| C. Vi phạm quy định của pháp luật về: đầu tư, xây dựng; đất đai, tài nguyên môi trường; tài chính, kế toán, ngân hàng; quản lý, sử dụng tài sản công trong quá trình thực thi công vụ. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Trường hợp nào sau đây công chức bị xem xét xử lý kỷ luật bằng hình thức “buộc thôi việc” theo Nghị định số 112/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ “Quy định về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức” |
| A. Sử dụng văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận, xác nhận giả hoặc không hợp pháp để được tuyển dụng vào cơ quan, tổ chức, đơn vị; |
| B. Vi phạm quy định về quy chế tập trung dân chủ, quy định về tuyên truyền, phát ngôn, quy định về bảo vệ chính trị nội bộ. |
| C. Lợi dụng vị trí công tác nhằm mục đích vụ lợi; có thái độ hách dịch, cửa quyền hoặc gây khó khăn, phiền hà đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân trong thi hành công vụ; xác nhận hoặc cấp giấy tờ pháp lý cho người không đủ điều kiện; |
| D. Không chấp hành quyết định điều động, phân công công tác của cấp có thẩm quyền; không thực hiện nhiệm vụ được giao mà không có lý do chính đáng; gây mất đoàn kết trong cơ quan, tổ chức, đơn vị. |
|  |  Theo Luật cán bộ, công chức năm 2008, nội dung nào không phải là nguyên tắc quản lý cán bộ, công chức? |
| A. Bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, công dân. |
| B. Kết hợp giữa tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và chỉ tiêu biên chế. |
| C. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của nhà nước. |
| D. Thực hiện bình đẳng giới. |
|  |  Nhiệm vụ nào sau đây không thuộc thẩm quyền của cơ quan sử dụng công chức? |
| A. Bố trí, phân công nhiệm vụ và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của công chức. |
| B. Thanh tra, kiểm tra việc thi hành các quy định của pháp luật đối với công chức thuộc phạm vi quản lý. |
| C. Đánh giá công chức theo quy định. |
| D. Tổ chức thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước đối với công chức. |
|  |  Khi chuyển ngạch công chức?? |
| A. Được kết hợp nâng ngạch. |
| B. Nâng bậc lương. |
| C. Chỉ được nâng ngạch, không được nâng bậc lương. |
| D. Không được kết hợp nâng ngạch, nâng bậc lương. |
|  |  Theo Luật cán bộ, công chức năm 2008, nội dung nào dưới đây không phải là quyền của cán bộ, công chức? |
| A. Được hưởng chính sách ưu đãi về nhà ở. |
| B. Được quyền thành lập công ty hợp danh. |
| C. Được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật. |
| D. Được hưởng chính sách ưu đãi về phương tiện đi lại. |
|  |  Khi chuyển ngạch công chức? |
| A. Được kết hợp nâng ngạch. |
| B. Nâng bậc lương. |
| C. Chỉ được nâng ngạch, không được nâng bậc lương. |
| D. Không được kết hợp nâng ngạch, nâng bậc lương. |
|  |  Viên chức bị kỷ luật khiển trách thì thời hạn nâng lương bị kéo dài là bao nhiêu? |
| A. 12 tháng |
| B. 9 tháng |
| C. 6 tháng |
| D. 3 tháng |
|  |  Trong thời hạn chậm nhất bao nhiêu ngày, kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng vào công chức phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác? |
| A. 30 ngày |
| B. 20 ngày |
| C. 15 ngày |
| D. 10 ngày |
|  |  Trong thời gian tập sự, người tập sự có trình độ từ đại học trở xuống được hưởng bao nhiêu % mức lương bậc 1 của ngạch tuyển dụng? |
| A. 70% |
| B. 75% |
| C. 80% |
| D. 85% |
|  |  Trong thời gian tập sự, người tập sự có trình độ thạc sĩ được hưởng mức lương như thế nào của ngạch tuyển dụng? |
| A. 90% bậc 1 của ngạch tuyển dụng. |
| B. 100% bậc 1 của ngạch tuyển dụng. |
| C. 85% bậc 2 của ngạch tuyển dụng. |
| D. 90% bậc 2 của ngạch tuyển dụng. |
|  |  Theo Luật cán bộ, công chức năm 2008, hình thức kỷ luật nào sau đây không áp dụng đối với cán bộ? |
| A. Cảnh cáo. |
| B. Cách chức. |
| C. Giáng chức. |
| D. Bãi nhiệm. |
|  |  Theo Luật Cán bộ, công chức, đâu không phải là hình thức kỷ luật đối với công chức? |
| A. Khiển trách. |
| B. Cảnh cáo. |
| C. Cách chức. |
| D. Bãi nhiệm. |
|  |  Chức danh nào sau đây không phải chức danh công chức cấp xã? |
| A. Trưởng Công an. |
| B. Tư pháp - hộ tịch. |
| C. Văn hoá - xã hội. |
| D. Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ. |
|  |  Nghị định 108/2014/NĐ-CP, ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế quy định trường hợp nào sau đây chưa xem xét tinh giản biên chế? |
| A. Những người đang trong thời gian ốm đau có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền. |
| B. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đang trong thời gian mang thai, nghỉ thai sản, đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi. |
| C. Những người đang trong thời gian xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Nội dung nào sau đây không thuộc quan điểm của Kết luận số 64-KL/TW Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa XI về “Một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện hệ thống chính trị từ Trung ương đến cơ sở”? |
| A. Nhất thiết ở Trung ương có tổ chức nào thì ở địa phương cũng có tổ chức đó. |
| B. Cần tăng cường kiêm nhiệm một số chức danh trong các tổ chức của hệ thống chính trị. |
| C. Những chủ trương đã thực hiện, nhưng thực tiễn khẳng định là không phù hợp thì điều chỉnh, sửa đổi ngay. |
| D. Quyền hạn đi đôi với trách nhiệm và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu. |
|  |  Theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 09/03/2015 về chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm, đối tượng nào sau đây sẽ nghỉ chế độ nhưng vẫn được xem xét nâng ngạch không qua thi tuyển? |
| A. Nghỉ hưu trước tuổi. |
| B. Nghỉ công tác chờ đến tuổi nghỉ hưu. |
| C. Đủ tuổi tái cử cấp ủy, không đủ tuổi tái cử các chức chức danh do HĐND bầu, có nguyện vọng tiếp tục công tác. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 5 năm (2021 – 2025) ở mức nào dưới đây? |
| A. Đạt 5,5% đến 6%/năm. |
| B. Đạt 6% đến 6,5%/năm. |
| C. Đạt 6,5 đến 7%/năm. |
| D. Đạt 7% đến 7,5%/năm. |
|  | Nghị quyết Đại hội Đảng đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đặt ra chỉ tiêu tỉ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị năm 2025 là: |
| A. Dưới 7% |
| B. Dưới 6% |
| C. Dưới 5% |
| D. Dưới 4% |
|  |  Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đề ra chỉ tiêu đến năm 2025,  tỉ lệ nghèo đa chiều duy trì mức giảm? |
| A. Giảm 0,5% đến 1%. |
| B. Giảm 1% đến 1,5%. |
| C. Giảm 1,5% đến 2%. |
| D. Giảm 2% đến 2,5. |
|  |  Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII đã đặt ra chỉ tiêu đến năm 2025, tỉ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội đạt? |
| A. Khoảng 25% |
| B. Khoảng 30% |
| C. Khoảng 35% |
| D. Khoảng 40% |
|  |  Nghị quyết Đại hội Đảng đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đặt ra mục tiêu GRDP bình quân đầu người đến năm 2025 là bao nhiêu? |
| A. 4.000 - 4.500 USD |
| B. 4.500 - 5.000 USD |
| C. 4.700 - 5.000 USD |
| D. 5.000 - 6.000 USD |
|  |  Các nguyên tắc quản lý viên chức? |
| A. Bảo đảm quyền chủ động và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. |
| B. Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đánh giá viên chức được thực hiện trên cơ sở tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và căn cứ vào hợp đồng làm việc. |
| C. Thực hiện bình đẳng giới, các chính sách ưu đãi của Nhà nước đối với viên chức là người có tài năng, người dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, viên chức làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và các chính sách ưu đãi khác của Nhà nước đối với viên chức. |
| D. Cả 3 phương án còn lại |
|  |  Quản lý viên chức dựa trên nguyên tắc nào? |
| A. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự thống nhất quản lý của Nhà nước. |
| B. Bảo đảm quyền chủ động và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. |
| C. Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đánh giá viên chức được thực hiện trên cơ sở tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và căn cứ vào hợp đồng làm việc. |
| D. Cả 3 phương án còn lại |
|  |  Phương án nào không phải là nguyên tắc quản lý viên chức? |
| A. Bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và sự thống nhất quản lý của Nhà nước. |
| B. Bảo đảm quyền chủ động và đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. |
| C. Việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý, đánh giá viên chức được thực hiện trên cơ sở tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và căn cứ vào hợp đồng làm việc. |
| D. Tận tụy phục vụ nhân dân |
|  |  Cơ quan nào quy định hệ thống danh mục, tiêu chuẩn và mã số chức danh nghề nghiệp? |
| A. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan quy định hệ thống danh mục, tiêu chuẩn và mã số chức danh nghề nghiệp. |
| B. Các bộ chủ quản chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ quy định hệ thống danh mục, tiêu chuẩn và mã số chức danh nghề nghiệp. |
| C. Bộ Nội vụ tham mưu cho Chính phủ quy định hệ thống danh mục, tiêu chuẩn và mã số chức danh nghề nghiệp. |
| D. UBND cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan quy định hệ thống danh mục, tiêu chuẩn và mã số chức danh nghề nghiệp. |
|  |  Quyền của viên chức về hoạt động nghề nghiệp là? |
| A. Được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ. |
| B. Được pháp luật bảo vệ trong hoạt động nghề nghiệp. |
| C. Được cung cấp thông tin liên quan đến công việc hoặc nhiệm vụ được giao. |
| D. Cả 3 phương án trên |
|  |  Theo luật viên chức 2010, Quyền của viên chức về hoạt động nghề nghiệp là? |
| A. Được quyết định vấn đề mang tính chuyên môn gắn với công việc hoặc nhiệm vụ được giao. |
| B. Được quyền từ chối thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ trái với quy định của pháp luật. |
| C. Được hưởng các quyền khác về hoạt động nghề nghiệp theo quy định của pháp luật. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Theo luật viên chức 2010, thì nội dung nào sau đây không phải là quyền của viên chức về tiền lương và các chế độ liên quan đến tiền lương? |
| A. Được trả lương tương xứng với vị trí việc làm, chức danh nghề nghiệp, chức vụ quản lý và kết quả thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ được giao; được hưởng phụ cấp và chính sách ưu đãi trong trường hợp làm việc ở miền núi, biên giới, hải đảo, vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc làm việc trong ngành nghề có môi trường độc hại, nguy hiểm, lĩnh vực sự nghiệp đặc thù. |
| B. Được hưởng tiền làm thêm giờ, tiền làm đêm, công tác phí và chế độ khác theo quy định của pháp luật và quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập. |
| C. Được hưởng tiền thưởng, được xét nâng lương theo quy định của pháp luật và quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập. |
| D. Được bảo đảm trang bị, thiết bị và các điều kiện làm việc. |
|  |  Những việc viên chức không được làm? |
| A. Sử dụng tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và của nhân dân trái với quy định của pháp luật. |
| B. Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức. |
| C. Lợi dụng hoạt động nghề nghiệp để tuyên truyền chống lại chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc gây phương hại đối với thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân và xã hội. |
| D. Cả 3 phương án còn lại |
|  |  Theo quy định những việc viên chức không được làm là? |
| A. Trốn tránh trách nhiệm, thoái thác công việc hoặc nhiệm vụ được giao; gây bè phái, mất đoàn kết; tự ý bỏ việc; tham gia đình công. |
| B. Phân biệt đối xử dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo dưới mọi hình thức. |
| C. Xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của người khác trong khi thực hiện hoạt động nghề nghiệp. Những việc khác viên chức không được làm theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định khác của pháp luật có liên quan. |
| D. Cả 3 phương án còn lại |
|  |  Theo quy định những việc viên chức được làm là? |
| A. Được góp vốn nhưng không tham gia quản lý, điều hành công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, hợp tác xã, bệnh viện tư, trường học tư và tổ chức nghiên cứu khoa học tư, trừ trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định khác. |
| B. Lợi dụng hoạt động nghề nghiệp để tuyên truyền chống lại chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước hoặc gây phương hại đối với thuần phong, mỹ tục, đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân và xã hội. |
| C. Những việc khác viên chức không được làm theo quy định của Luật phòng, chống tham nhũng, Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và các quy định khác của pháp luật có liên quan. |
| D. Cả 3 phương án còn lại |
|  |  Theo quy định thì nguyên tắc tuyển dụng viên chức là? |
| A. Bảo đảm tính cạnh tranh. |
| B. Đề cao trách nhiệm của người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập. |
| C. Ưu tiên người có tài năng, người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số. |
| D. Cả 3 phương án còn lại |
|  |  Thời gian tập sự của người trúng tuyển viên chức là? |
| A. Thời gian tập sự từ 03 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc. |
| B. Thời gian tập sự từ 06 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc. |
| C. Thời gian tập sự từ 09 tháng đến 12 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc. |
| D. Thời gian tập sự từ 12 tháng đến 18 tháng và phải được quy định trong hợp đồng làm việc. |
|  |  Theo quy định của luật viên chức năm 2010, Không thuộc trách nhiệm và quyền lợi của viên chức trong đào tạo, bồi dưỡng là? |
| A. Bồi dưỡng nhằm bổ sung, cập nhật kiến thức, kỹ năng phục vụ hoạt động nghề nghiệp. |
| B. Viên chức tham gia đào tạo, bồi dưỡng phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế đào tạo, bồi dưỡng và chịu sự quản lý của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng. |
| C. Viên chức được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng được hưởng tiền lương và phụ cấp theo quy định của pháp luật và quy chế của đơn vị sự nghiệp công lập; thời gian đào tạo, bồi dưỡng được tính là thời gian công tác liên tục, được xét nâng lương. |
| D. Viên chức được đơn vị sự nghiệp công lập cử đi đào tạo nếu đơn phương chấm dứt hợp đồng làm việc hoặc tự ý bỏ việc phải đền bù chi phí đào tạo theo quy định của Chính phủ. |
|  |  Theo luật viên chức quy định về thời hạn biệt phái viên chức là? |
| A. Thời hạn cử biệt phái không quá 03 năm, trừ một số ngành, lĩnh vực do Chính phủ quy định. |
| B. Thời hạn cử biệt phái không quá 02 năm, trừ một số ngành, lĩnh vực do Chính phủ quy định. |
| C. Thời hạn cử biệt phái không quá 04 năm, trừ một số ngành, lĩnh vực do Chính phủ quy định. |
| D. Thời hạn cử biệt phái không quá 05 năm, trừ một số ngành, lĩnh vực do Chính phủ quy định. |
|  |  Theo luật viên chức quy định không thực hiện biệt phái viên chức đối với trường hợp nào? |
| A. Không thực hiện biệt phái viên chức nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 36 tháng tuổi. |
| B. Không thực hiện biệt phái viên chức nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 24 tháng tuổi. |
| C. Không thực hiện biệt phái viên chức nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 30 tháng tuổi. |
| D. Không thực hiện biệt phái viên chức nữ đang mang thai hoặc nuôi con dưới 18 tháng tuổi. |
|  |  Hoạt động nghề nghiệp của viên chức phải tuân theo nguyên tắc nào? |
| A. Tuân thủ pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp. |
| B. Chịu sự thanh tra, kiểm tra, giám sát của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền và của nhân dân. |
| C. Tuân thủ quy trình, quy định chuyên môn, nghiệp vụ, đạo đức nghề nghiệp và quy tắc ứng xử. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Theo quy định viên chức quản lý có thể xin thôi giữ chức vụ quản lý hoặc được miễn nhiệm nếu thuộc trường hợp sau? |
| A. Không đủ sức khoẻ. |
| B. Không đủ năng lực, uy tín. |
| C. Theo yêu cầu nhiệm vụ. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Theo quy định về chế độ hưu trí của viên chức? |
| A. Trước 06 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức phải thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu; trước 03 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức ra quyết định nghỉ hưu. |
| B. Trước 03 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức phải thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu; trước 01 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức ra quyết định nghỉ hưu. |
| C. Trước 06 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức phải thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu; trước 01 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức ra quyết định nghỉ hưu. |
| D. Trước 06 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức phải thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu; trước 02 tháng, tính đến ngày viên chức nghỉ hưu, cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý viên chức ra quyết định nghỉ hưu. |
|  |  Theo quy định trong thời hạn xử lý kỷ luật, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định tạm đình chỉ công tác của viên chức nếu thấy viên chức tiếp tục làm việc có thể gây khó khăn cho việc xem xét, xử lý kỷ luật với thời gian là?. |
| A. Thời gian tạm đình chỉ công tác không quá 15 ngày, trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng không quá 30 ngày. |
| B. Thời gian tạm đình chỉ công tác không quá 15 ngày làm việc, trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng không quá 30 ngày. |
| C. Thời gian tạm đình chỉ công tác không quá 20 ngày, trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng không quá 30 ngày. |
| D. Thời gian tạm đình chỉ công tác không quá 20 ngày làm việc, trường hợp cần thiết có thể kéo dài thêm nhưng không quá 30 ngày. |
|  |  Theo quy định của luật viên chức năm 2010, liên quan đến việc kỷ luật viên chức là? |
| A. Viên chức bị khiển trách thì thời hạn nâng lương bị kéo dài 03 tháng. |
| B. Bị cảnh cáo thì thời hạn nâng lương bị kéo dài 06 tháng. |
| C. Trường hợp viên chức bị cách chức thì thời hạn nâng lương bị kéo dài 12 tháng, đồng thời đơn vị sự nghiệp công lập bố trí vị trí việc làm khác phù hợp. |
| D. Cả 3 phương án |
|  |  Theo quy định của luật viên chức năm 2010, thời hạn nâng lương của viên chức bị kỷ luật là? |
| A. Trường hợp viên chức bị cách chức thì thời hạn nâng lương bị kéo dài 12 tháng. |
| B. Trường hợp viên chức bị cách chức thì thời hạn nâng lương bị kéo dài 6 tháng. |
| C. Trường hợp viên chức bị cách chức thì thời hạn nâng lương bị kéo dài 9 tháng. |
| D. Trường hợp viên chức bị cách chức thì thời hạn nâng lương bị kéo dài 18 tháng. |
|  |  Nghị định 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định biệt phái viên chức được thực hiện trong các trường hợp nào? |
| A. Theo nhiệm vụ đột xuất, cấp bách hoặc để thực hiện công việc cần giải quyết trong một thời gian nhất định. |
| B. Theo nhiệm vụ cấp bách hoặc để thực hiện công việc cần giải quyết trong một thời gian nhất định. |
| C. Theo nhiệm vụ đột xuất hoặc để thực hiện công việc cần giải quyết trong một thời gian nhất định. |
| D. Theo nhiệm vụ đột xuất. |
|  |  Theo quy định, viên chức đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử thì? |
| A. Không được bổ nhiệm, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết nghỉ hưu hoặc thôi việc. |
| B. Không được bổ nhiệm, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết nghỉ hưu. |
| C. Không được bổ nhiệm, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng, giải quyết thôi việc. |
| D. Không được bổ nhiệm, biệt phái, đào tạo, bồi dưỡng. |
|  |  Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức có hiệu lực kể từ khi nào? |
| A. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 9 năm 2020. |
| B. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 9 năm 2020. |
| C. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 9 năm 2020. |
| D. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2020. |
|  |  Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức có? |
| A. 5 chương, 68 điều. |
| B. 6 chương, 68 điều. |
| C. 5 chương, 67 điều. |
| D. 6 chương, 67 điều. |
|  |  Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định phân loại viên chức theo trình độ đào tạo có mấy loại? |
| A. 5 loại |
| B. 4 loại |
| C. 6 loại |
| D. 3 loại |
|  |  Theo quy định người đăng ký dự tuyển vào vị trí việc làm trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật, thể dục, thể thao là? |
| A. Có thể thấp hơn 18 tuổi nhưng phải từ đủ 15 tuổi trở lên và được sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật. |
| B. Có thể thấp hơn 18 tuổi nhưng phải từ đủ 16 tuổi trở lên và được sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật. |
| C. Có thể thấp hơn 17 tuổi nhưng phải từ đủ 15 tuổi trở lên và được sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật. |
| D. Có thể thấp hơn 17 tuổi nhưng phải từ đủ 16 tuổi trở lên và được sự đồng ý bằng văn bản của người đại diện theo pháp luật. |
|  |  Theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP, Hội đồng tuyển dụng viên chức có các thành viên? |
| A. 05 hoặc 07 thành viên. |
| B. 07 hoặc 09 thành viên. |
| C. 09 hoặc 11 thành viên. |
| D. 03 hoặc 5 thành viên. |
|  |  Trách nhiệm đào tạo, bồi dưỡng viên chức? |
| A. Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng viên chức. |
| B. Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm tạo điều kiện để viên chức được tham gia đào tạo, bồi dưỡng. |
| C. Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng viên chức do viên chức, nguồn tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập và các nguồn khác bảo đảm. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Theo quy định của Nghị Định số 115/2020/NĐ-CP, người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền quản lý viên chức thực hiện việc bổ nhiệm và xếp lương chức danh nghề nghiệp đối với viên chức trúng tuyển? |
| A. Chậm nhất 15 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. |
| B. Chậm nhất 30 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. |
| C. Chậm nhất 20 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. |
| D. Chậm nhất 25 ngày kể từ ngày nhận được danh sách viên chức trúng tuyển trong kỳ thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp. |
|  |  Theo quy định của Nghị Định số 115/2020/NĐ-CP, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập phải tiến hành quy trình các bước lựa chọn nhân sự theo quy định là? |
| A. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày có văn bản đồng ý về chủ trương bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền. |
| B. Chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngày có văn bản đồng ý về chủ trương bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền. |
| C. Chậm nhất sau 25 ngày kể từ ngày có văn bản đồng ý về chủ trương bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền. |
| D. Chậm nhất sau 30 ngày kể từ ngày có văn bản đồng ý về chủ trương bổ nhiệm của cấp có thẩm quyền. |
|  |  Theo quy định của Nghị Định số 115/2020/NĐ-CP, về thời gian của viên chức quản lý khi hết thời hạn bổ nhiệm, không tiến hành quy trình bổ nhiệm lại?. |
| A. Tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn dưới 02 năm công tác. |
| B. Tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn đủ 02 năm công tác. |
| C. Tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu trên 02 năm và dưới 5 năm công tác. |
| D. Tính đến tháng đủ tuổi nghỉ hưu còn 02 năm và dưới 5 năm công tác. |
|  |  Theo Nghị Định số 115/2020/NĐ-CP, quy định về quyết định bổ nhiệm lại hoặc quyết định kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý là? |
| A. Phải được ban hành trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm ít nhất 01 ngày làm việc. |
| B. Phải được ban hành trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm ít nhất 02 ngày làm việc. |
| C. Phải được ban hành trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm ít nhất 03 ngày làm việc. |
| D. Phải được ban hành trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm ít nhất 04 ngày làm việc. |
|  |  Theo Nghị Định số 115/2020/NĐ-CP, trường hợp viên chức quản lý khi hết thời hạn bổ nhiệm mà chưa có quyết định bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền? |
| A. Thì không được thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ quản lý hiện giữ. |
| B. Thì vẫn được thực hiện chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ quản lý hiện giữ. |
| C. Thì không được thực hiện một số chức trách, nhiệm vụ, thẩm quyền của chức vụ quản lý hiện giữ. |
| D. Thì vẫn được thực hiện chức trách, nhiệm vụ của chức vụ quản lý hiện giữ. |
|  |  Theo Nghị Định số 115/2020/NĐ-CP, các trường hợp chưa thực hiện quy trình bổ nhiệm lại hoặc kéo dài thời gian giữ chức vụ quản lý? |
| A. Viên chức quản lý đang trong thời hạn xử lý kỷ luật, đang bị điều tra, truy tố, xét xử. |
| B. Viên chức quản lý đang trong thời gian được cơ quan, đơn vị có thẩm quyền cử đi học tập, công tác ở nước ngoài 03 tháng trở lên. |
| C. Viên chức quản lý đang trong thời gian điều trị nội trú từ 03 tháng trở lên tại các cơ sở y tế hoặc đang trong thời gian nghỉ chế độ thai sản. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Theo Nghị Định số 115/2020/NĐ-CP, quy định khi hết thời hạn bổ nhiệm, cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bổ nhiệm phải ra thông báo thực hiện quy trình xem xét bổ nhiệm lại đối với viên chức? |
| A. Chậm nhất 90 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm. |
| B. Chậm nhất 60 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm. |
| C. Chậm nhất 30 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm. |
| D. Chậm nhất 120 ngày trước ngày hết thời hạn bổ nhiệm. |
|  |  Việc xem xét, quyết định cho thôi giữ chức vụ đối với viên chức quản lý được theo quy định là? |
| A. Cả 3 phương án còn lại. |
| B. Tự nguyện, chủ động xin thôi giữ chức vụ quản lý. |
| C. Do không đủ sức khỏe, hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao. |
| D. Vì các lý do chính đáng khác của viên chức. |
|  |  Viên chức quản lý không được thôi giữ chức vụ nếu thuộc một trong trường hợp nào? |
| A. Đang trong thời gian chịu sự thanh tra, kiểm tra, điều tra của cơ quan chức năng có thẩm quyền theo quy định của Đảng và pháp luật. |
| B. Tự nguyện, chủ động xin thôi giữ chức vụ quản lý. |
| C. Do không đủ sức khỏe, hạn chế về năng lực hoặc không còn đủ uy tín để hoàn thành chức trách, nhiệm vụ được giao. |
| D. Vì các lý do chính đáng khác của viên chức. |
|  |  Việc xem xét miễn nhiệm đối với viên chức quản lý được thực hiện trong trường hợp nào? |
| A. Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ. |
| B. Bị xử lý kỷ luật chưa đến mức cách chức nhưng do yêu cầu nhiệm vụ công tác cần pải thay thế. |
| C. Bị xử lý kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo hai lần trong cùng một thời hạn bổ nhiệm. |
| D. Cả 3 phương án còn lại. |
|  |  Theo quy định tại Nghị Định số 115/2020/NĐ-CP, xem xét miễn nhiệm đối với viên chức quản lý được thực hiện trong trường hợp nào? |
| A. Bị cơ quan có thẩm quyền kết luận vi phạm quy định của Đảng về bảo vệ chính trị nội bộ. |
| B. Các lý do miễn nhiệm khác theo quy định của Đảng và pháp luật. |
| C. Cả 3 phương án còn lại. |
| D. Có hai năm liên tiếp được xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ. |
|  |  Thời gian nghỉ hưu được tính lùi lại theo quy định trong trường hợp nào? |
| A. Không quá 01 tháng đối với một trong các trường hợp: Thời điểm nghỉ hưu trùng với ngày nghỉ Tết Nguyên đán; viên chức có vợ hoặc chồng, bố, mẹ (vợ hoặc chồng), con từ trần, bị Tòa án tuyên bố mất tích; bản thân và gia đình viên chức bị thiệt hại do thiên tai, địch họa, hỏa hoạn. |
| B. Không quá 01 tháng đối với một trong các trường hợp: Thời điểm nghỉ hưu trùng với tháng nghỉ Tết Nguyên đán; viên chức có vợ hoặc chồng, bố, mẹ (vợ hoặc chồng), con từ trần, bị Tòa án tuyên bố mất tích; bản thân và gia đình viên chức bị thiệt hại do thiên tai, địch họa, hỏa hoạn. |
| C. Không quá 02 tháng đối với một trong các trường hợp: Thời điểm nghỉ hưu trùng với ngày nghỉ Tết Nguyên đán; viên chức có vợ hoặc chồng, bố, mẹ (vợ hoặc chồng), con từ trần, bị Tòa án tuyên bố mất tích; bản thân và gia đình viên chức bị thiệt hại do thiên tai, địch họa, hỏa hoạn. |
| D. Không quá 02 tháng đối với một trong các trường hợp: Thời điểm nghỉ hưu trùng với tháng nghỉ Tết Nguyên đán; viên chức có vợ hoặc chồng, bố, mẹ (vợ hoặc chồng), con từ trần, bị Tòa án tuyên bố mất tích; bản thân và gia đình viên chức bị thiệt hại do thiên tai, địch họa, hỏa hoạn. |
|  |  Thời điểm nghỉ hưu là ngày 01 của tháng liền kề sau tháng viên chức đủ tuổi nghỉ hưu, tuy nhiên thời điểm nghỉ hưu được tính lùi lại theo quy định với thời gian là? |
| A. Không quá 03 tháng đối với trường hợp bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn có giấy xác nhận của bệnh viện. |
| B. Không quá 02 tháng đối với trường hợp bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn có giấy xác nhận của bệnh viện; |
| C. Không quá 01 tháng đối với trường hợp bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn có giấy xác nhận của bệnh viện. |
| D. Không quá 04 tháng đối với trường hợp bị bệnh nặng hoặc bị tai nạn có giấy xác nhận của bệnh viện. |
|  |  Theo quy định tại Nghị Định số 115/2020/NĐ-CP, thời điểm nghỉ hưu được tính lùi lại theo quy định cho trường hợp và thời gian nào? |
| A. Không quá 06 tháng đối với trường hợp đang điều trị bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành, có giấy xác nhận của bệnh viện. |
| B. Không quá 03 tháng đối với trường hợp đang điều trị bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành, có giấy xác nhận của bệnh viện. |
| C. Không quá 04 tháng đối với trường hợp đang điều trị bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành, có giấy xác nhận của bệnh viện. |
| D. Không quá 05 tháng đối với trường hợp đang điều trị bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành, có giấy xác nhận của bệnh viện. |
|  |  Cơ quan, đơn vị quản lý viên chức phải ra thông báo bằng văn bản về thời điểm nghỉ hưu để viên chức biết và chuẩn bị người thay thế? |
| A. Trước 06 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định. |
| B. Trước 03 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định. |
| C. Trước 04 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định. |
| D. Trước 05 tháng tính đến thời điểm nghỉ hưu theo quy định. |
|  |  Có mấy nội dung quản lý viên chức theo quy định tại Nghị định số 115/2020/NĐ-CP? |
| A. Có 11 nội dung |
| B. Có 12 nội dung |
| C. Có 13 nội dung |
| D. Có 14 nội dung |

**HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH, THĂNG HẠNG**